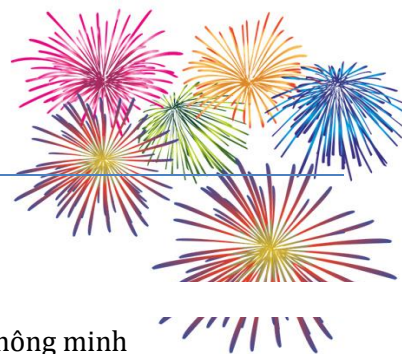


# THÔNG TIN PHỤC VỤ DOANH NGHIỆP

(Số tháng 01/2026)



## MỤC LỤC

### VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

02. Một số văn bản của các Bộ, ngành

### ĐIỂM TIN

9. TCVN 14507:2025: Định hình kiến trúc nền tảng số cho đô thị thông minh
10. Kết hợp tiêu chuẩn và công cụ cải tiến: “Đòn bẩy” nâng cao năng suất doanh nghiệp
11. Lấy tiêu chuẩn làm “xương sống” cho bảo mật và tuân thủ dữ liệu
12. QCVN 139:2025/BKHCN cho dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu
14. Chuẩn hóa quản lý đa dạng sinh học theo ISO 17298:2025
15. TCVN 14505:2025: Chuẩn hóa đánh giá ESG cho các đô thị
16. Hà Tĩnh ban hành quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước sạch
17. Ngành rau quả chuẩn hóa truy xuất nguồn gốc để chinh phục mốc xuất khẩu 10 tỷ USD
18. Vai trò của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong phát triển đường sắt đô thị
19. Tiêu chuẩn và tương lai của ngành dược phẩm sinh học
20. Tiêu chuẩn mới định hình ngành thời trang “xanh” bền vững
22. Tiêu chuẩn phân tích thép hợp kim thấp mới
22. Tuyên Quang xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc để minh bạch hóa thị trường
23. Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn quốc gia cho 11 nhóm ngành công nghệ chiến lược
25. Đề xuất xây dựng tiêu chuẩn an toàn cho khung thành bóng đá
26. Siết chặt quản lý an toàn thực phẩm và đăng ký sản phẩm
28. Nghị định 36/2026/NĐ-CP sửa đổi quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường
29. Nghị định 37/2026/NĐ-CP: Đẩy mạnh ứng dụng mã số, mã vạch và hộ chiếu số trong quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa

### THÔNG TIN TIÊU CHUẨN

36. Các tiêu chuẩn mới ban hành trong tháng 01/2026



❖ **BỘ XÂY DỰNG**

**Ngày 31 tháng 12 năm 2025, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 70/2025/TT-BXD, ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Khí thải Mức 4 đối với xe mô tô hai bánh, xe gắn máy hai bánh sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới (QCVN 29:2025/BXD).**



Quy chuẩn này quy định mức giới hạn khí thải, các phép thử và phương pháp thử, các yêu cầu về quản lý và tổ chức thực hiện việc kiểm tra khí thải mức 4 trong thử nghiệm, kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe mô tô hai bánh, xe gắn máy hai bánh lắp động cơ nhiệt (sau đây gọi là Xe) sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới. Quy chuẩn này không áp dụng đối với các loại xe nêu tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 1 Quyết định số 19/2024/QĐ-TTg ngày 15/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

Quy chuẩn này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thử nghiệm, kiểm tra chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026, trừ trường hợp xe gắn máy hai bánh sẽ có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2027.

Trường hợp cơ sở sản xuất, lắp ráp; tổ chức, cá nhân nhập khẩu xe mô tô hai bánh, xe gắn máy hai bánh đã có sản phẩm mẫu đáp

ứng tiêu chuẩn khí thải mức 4, nếu đăng ký trước ngày thông tư này có hiệu lực thì có thể được thực hiện việc thử nghiệm, chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định tại thông tư này.

Bãi bỏ các quy định sau:

a) Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 48/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) ban hành các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, tiêu thụ năng lượng xe cơ giới; xe máy chuyên dùng; phụ tùng xe cơ giới; thiết bị an toàn cho trẻ em kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2027;

b) Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 48/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) ban hành các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, tiêu thụ năng lượng xe cơ giới; xe máy chuyên dùng; phụ tùng xe cơ giới; thiết bị an toàn cho trẻ em kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026./.

❖ **BỘ NÔNG NGHIỆP MÔI TRƯỜNG**

**Ngày 31/12/2025, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành Thông tư số 92/2025/TT-BNNMT, ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải đối với xe mô tô, xe gắn máy (QCVN 99:2025/BNNMT).**

Quy chuẩn này quy định giá trị giới hạn các thông số khí thải của xe mô tô, xe gắn máy lắp động cơ cháy cưỡng bức tham gia giao thông đường bộ, bao gồm Cacbon Monoxit (CO), Hydrocacbon (HC).

QCVN 99:2025/BNNMT áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông đường bộ, tổ chức, cá nhân thực hiện việc kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông đường bộ và các cơ quan quản lý nhà nước có

liên quan. Quy chuẩn này không áp dụng đối với các loại xe mô tô, xe gắn máy thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

Quy chuẩn mới nhằm tăng cường kiểm soát ô nhiễm không khí, phù hợp với định hướng phát triển giao thông bền vững và các cam kết về bảo vệ môi trường.

QCVN 99:2025/BNNMT có hiệu lực từ ngày 30/6/2026, là căn cứ pháp lý quan trọng cho hoạt động quản lý, kiểm định và sản xuất, kinh doanh phương tiện giao thông trong thời gian tới.

Ngày 31/12/2025, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành Thông tư số 93/2025/TT-BNNMT, ban hành 05 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng hạt giống lúa và hạt giống ngô.

Ban hành kèm theo Thông tư này 05 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng hạt giống lúa và hạt giống ngô, bao gồm:

a) QCVN 101:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng hạt giống lúa thuần;

b) QCVN 102:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng hạt giống lúa lai hai dòng;

c) QCVN 103:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng hạt giống lúa lai ba dòng;

d) QCVN 104:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng hạt giống ngô lai.

e) QCVN 105:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng hạt giống ngô thụ phấn tự do.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Thông tư số [45/2011/TT-BNNPTNT](#) ngày 24 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng giống cây trồng và Thông tư số [46/2015/TT-BNNPTNT](#) ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về chứng nhận

hợp quy, công bố hợp quy giống cây trồng hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành./.

**Ngày 31/12/2025, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành Thông tư số 86/2025/TT-BNNMT, Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng phân bón (QCVN 106:2025/BNNMT).**

Việc ban hành Quy chuẩn nhằm tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong lĩnh vực quản lý phân bón, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và phù hợp với thực tiễn sản xuất nông nghiệp hiện nay. QCVN 106:2025/BNNMT quy định các yêu cầu kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng và phương pháp đánh giá đối với các loại phân bón lưu hành trên thị trường, làm cơ sở cho công tác kiểm tra, giám sát chất lượng và quản lý chuyên ngành.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2026. Thông tư số 09/2019/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng phân bón (QCVN 01-189:2019/BNNPTNT) hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành./.

**Ngày 31/12/2025, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành Thông tư số 98/2025/TT-BNNMT, Ban hành 02 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đối với máy, thiết bị nông nghiệp**

Ban hành kèm theo Thông tư này 02 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đối với máy, thiết bị nông nghiệp thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, gồm:

a) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đối với máy cắt cỏ cầm tay dùng trong nông lâm nghiệp. Ký hiệu: QCVN 89:2025/BNNMT.

b) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia an về an toàn đối với máy gặt đập liên hợp. Ký hiệu: QCVN 90/2025/BNNMT.

Việc ban hành các quy chuẩn này nhằm thiết lập yêu cầu kỹ thuật về an toàn đối với

một số loại máy, thiết bị nông nghiệp phổ biến, làm cơ sở cho hoạt động quản lý nhà nước, sản xuất, nhập khẩu, lưu thông và sử dụng, góp phần bảo đảm an toàn lao động trong lĩnh vực nông nghiệp.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026./.

## ❖ **BỘ Y TẾ**

**Ngày 31/12/2025, Bộ Y tế ban hành Thông tư số 51/2025/TT-BYT về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thuốc lá điếu.**



Theo đó, ban hành kèm theo Thông tư này Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thuốc lá điếu (QCVN 16-1:2025/BYT).

Quy chuẩn kỹ thuật này quy định các yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, lấy mẫu; yêu cầu quản lý; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thuốc lá điếu.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 02 năm 2026 và thay thế Thông tư số 23/2015/TT-BYT ngày 20 tháng 8 năm 2015 của Bộ Y tế về “Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thuốc lá điếu”.

Ngoài ra, bãi bỏ một số quy định tại Thông tư số 49/2015/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định đối với thuốc lá:

a) Bỏ cụm từ “công bố hợp quy và” tại tên Thông tư, phần căn cứ ban hành, Điều 1, tên Chương II và Điều 10;

b) Bỏ cụm từ “bản công bố hợp quy,” tại khoản 1 Điều 7; 513112

c) Bỏ cụm từ “công bố hợp quy hoặc” tại các khoản 1, 2 và khoản 5 Điều 8; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 10;

d) Bỏ cụm từ “Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy (sau đây gọi là Giấy tiếp nhận),” tại khoản 1 Điều 7;

e) Bỏ cụm từ “Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy và” tại tên Điều 7;

f) Bỏ cụm từ “Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc” và cụm từ “hoặc Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy” tại Mẫu số 8;

g) Bỏ cụm từ “Giấy Tiếp nhận,” tại khoản 2 Điều 9;

h) Bỏ cụm từ “Giấy tiếp nhận hoặc” tại khoản 4 Điều 7; tên Điều 8; điểm a), điểm b) khoản 3 Điều 8; khoản 3 Điều 9; khoản 3 Điều 10;

i) Bỏ cụm từ “Giấy tiếp nhận và” tại khoản 3 Điều 8; khoản 4 Điều 9; khoản 4 Điều 10; khoản 2 Điều 16;

j) Bỏ cụm từ “Giấy Tiếp nhận theo quy định tại Mẫu số 09 ban hành kèm theo Thông tư này hoặc” tại khoản 4 Điều 8;

k) Bãi bỏ khoản 1 Điều 3; Điều 4; Điều 5; khoản 2 Điều 7;

l) Bãi bỏ Mẫu số 01; Mẫu số 04; Mẫu số 06; Mẫu số 09.

Bãi bỏ khoản 2 Điều 6 Thông tư số 17/2023/TT-BYT ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm.

Thông tư xác định lộ trình áp dụng các giới hạn kỹ thuật trong QCVN này, theo từng giai đoạn cụ thể:

Từ khi văn bản có hiệu lực: Áp dụng Lộ trình 1 về giới hạn tar và nicotin tối đa trong khói thuốc (chi tiết chỉ số tại QCVN).

Từ 15/08/2027: Áp dụng Lộ trình 2 với tiêu chuẩn thấp hơn tar và nicotin so với giai đoạn đầu.

Từ 16/08/2031: Áp dụng Lộ trình 3 với tiêu chuẩn tar và nicotin thấp nhất trong QCVN.

Việc thực hiện theo từng lộ trình giảm dần hàm lượng này nhằm tăng mức độ kiểm soát chất lượng thuốc lá điếu và phù hợp với các mục tiêu phòng, chống tác hại của thuốc lá./.

## ❖ **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**Ngày 31/12/2025, Bộ trưởng Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư số 49/2025/TT-BKHHCN về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ bưu chính phổ cập và dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí” (QCVN 141:2025/BKHHCN).**

Việc ban hành Quy chuẩn nhằm cụ thể hóa các quy định của pháp luật về bưu chính, đồng thời hoàn thiện hệ thống quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ bưu chính phổ cập và dịch vụ công ích, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong giai đoạn mới. Quy chuẩn là căn cứ kỹ thuật quan trọng để các cơ quan quản lý, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ và các đơn vị liên quan triển khai, giám sát và đánh giá chất lượng dịch vụ phát hành báo chí trên phạm vi toàn quốc.

QCVN 141:2025/BKHHCN quy định các chỉ tiêu chất lượng dịch vụ, yêu cầu kỹ thuật và phương pháp đánh giá đối với dịch vụ bưu chính phổ cập và dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí, bao gồm các nội dung như thời gian toàn trình, độ an toàn, độ tin cậy và trách nhiệm của đơn vị cung ứng dịch vụ. Các quy định này nhằm bảo đảm việc chuyển phát báo chí được thực hiện đúng thời gian, đúng địa chỉ, an toàn và liên tục, đáp ứng nhu

cầu thông tin của người dân, đặc biệt tại vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Thông tư cũng xác định rõ trách nhiệm của các tổ chức, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính trong việc duy trì và nâng cao chất lượng dịch vụ, thực hiện công tác tự kiểm tra, báo cáo và chịu sự giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Đồng thời, Quy chuẩn góp phần tăng cường tính minh bạch, thống nhất trong quản lý chất lượng dịch vụ bưu chính công ích, tạo cơ sở cho việc đánh giá, so sánh và cải tiến chất lượng dịch vụ theo yêu cầu phát triển bền vững.

Việc ban hành QCVN 141:2025/BKHHCN thể hiện sự quan tâm của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của người dân, nâng cao hiệu quả hoạt động phát hành báo chí, đồng thời góp phần thúc đẩy phát triển ngành bưu chính theo hướng hiện đại, đồng bộ và phục vụ tốt hơn nhu cầu của xã hội.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026. Thông tư này thay thế thông tư số 17/2015/BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ thông tin và Truyền thông về việc ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí”./.

**Ngày 31 tháng 12 năm 2025, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 56/2025/TT-BKHHCN, ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn và thương thích điện từ đối với sản phẩm chiếu sáng bằng công nghệ LED (QCVN 19:2025/BKHHCN).**

Quy chuẩn kỹ thuật này quy định các yêu cầu về an toàn, tương thích điện từ và các yêu cầu về quản lý đối với các sản phẩm chiếu sáng bằng công nghệ LED được quy định tại Phụ lục A của Quy chuẩn kỹ thuật này. Quy chuẩn kỹ thuật này chỉ áp dụng đối với các sản phẩm chiếu sáng bằng công nghệ LED thuộc phạm vi áp dụng của các tiêu chuẩn tương ứng nêu trong Phụ lục A của Quy chuẩn kỹ thuật

này. Quy chuẩn kỹ thuật này không áp dụng đối với:

- Sản phẩm chiếu sáng bằng công nghệ LED trong công trình chiếu sáng đường giao thông, các trung tâm đô thị, điểm dân cư tập trung và không gian công cộng (các khu vực vui chơi công cộng, các quảng trường, công viên và vườn hoa);
- Sản phẩm chiếu sáng bằng công nghệ LED của phương tiện giao thông;
- Sản phẩm chiếu sáng bằng công nghệ LED phòng nổ, sử dụng trong mỏ, hầm lò.

Thông tư góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, đồng thời tạo cơ sở cho việc rà soát, điều chỉnh các hoạt động chuyên môn, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong tổ chức thực hiện.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026. Thông tư số 08/2019/TT-BKHCN ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Bộ Trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm chiếu sáng bằng công nghệ LED hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực./.

**Ngày 31 tháng 12 năm 2025, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 55/2025/TT-BKHCN, Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Khí thiên nhiên thương phẩm (QCVN 140:2025/BKHCN).**

Quy chuẩn kỹ thuật này quy định mức giới hạn đối với các chỉ tiêu kỹ thuật liên quan đến an toàn, sức khỏe, môi trường và các yêu cầu về quản lý chất lượng đối với khí thiên nhiên thương phẩm, bao gồm khí thiên nhiên đường ống (PNG), khí thiên nhiên nén (CNG) và khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG). Khí thiên nhiên thương phẩm có mã HS được quy định tại Phụ lục A theo quy định tại Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

Quy chuẩn là cơ sở để các cơ quan quản lý, tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác, chế biến, phân phối và sử dụng khí thiên nhiên thực hiện thống nhất các yêu cầu về chất lượng sản phẩm, góp phần bảo đảm an toàn, hiệu quả trong quá trình cung ứng và sử dụng năng lượng. Đồng thời, việc áp dụng Quy chuẩn góp phần nâng cao tính minh bạch, đồng bộ trong quản lý chất lượng, phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2026./.

**Ngày 31 tháng 12 năm 2025, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN, quy định hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.**

Thông tư quy định cụ thể nguyên tắc, nội dung và trình tự thực hiện các hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn và thử nghiệm đối với phương tiện đo, chuẩn đo lường; đồng thời làm rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đo lường. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng nhằm bảo đảm tính chính xác, thống nhất và độ tin cậy của kết quả đo trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh, thương mại, khoa học và đời sống xã hội.

Việc ban hành Thông tư góp phần hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về đo lường, phù hợp với yêu cầu quản lý trong giai đoạn mới, đồng thời thúc đẩy nâng cao năng lực kỹ thuật của các tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm. Qua đó, góp phần bảo vệ quyền lợi của tổ chức, cá nhân và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực đo lường.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 53/2025/TT-BKHCN, Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu đối với dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu (QCVN 139:2025/BKHCN).

Quy chuẩn này quy định các yêu cầu kỹ thuật về dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu, yêu cầu về quy trình vận hành và kiểm soát đối với tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu.

Quy chuẩn này được áp dụng cho các tổ chức, cá nhân có liên quan đến cung cấp dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu tại Việt Nam. Quy chuẩn này không áp dụng cho Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu chuyên dùng công vụ.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026./.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 52/2025/TT-BKHCN, Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tương thích điện từ cho thiết bị đầu cuối và phụ trợ trong hệ thống thông tin di động (QCVN 86:2025/BKHCN).

Quy chuẩn này quy định các yêu cầu về tương thích điện từ (EMC) đối với thiết bị đầu cuối (UE) trong hệ thống thông tin di động theo các công nghệ sau:

- GSM; - UTRA FDD (W-CDMA FDD); E-UTRA;
- NR (5G). và các thiết bị phụ trợ liên quan.

Các chỉ tiêu kỹ thuật liên quan đến cổng ăng-ten và phát xạ từ cổng vỏ của thiết bị vô tuyến không thuộc phạm vi của Quy chuẩn này sẽ được quy định trong các Quy chuẩn, tiêu chuẩn sản phẩm tương ứng để sử dụng hiệu quả phổ tần số vô tuyến điện.

Quy chuẩn này chỉ áp dụng đối với các thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất công cộng thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ. Mã số HS của các thiết bị thuộc phạm vi của Quy chuẩn này quy định tại Phụ lục A.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 2 năm 2026. Thông tư số 10/2019/TT-BTTTT ngày 04/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tương

thích điện từ đối với thiết bị đầu cuối và phụ trợ trong hệ thống thông tin di động” hết hiệu lực thi hành theo quy định về lộ trình áp dụng tại Điều 3 của Thông tư này.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 51/2025/TT-BKHCN, Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu đối với dịch vụ cấp dấu thời gian (QCVN 138:2025/BKHCN).

Quy chuẩn này quy định các yêu cầu kỹ thuật về dịch vụ cấp dấu thời gian, yêu cầu về quy trình vận hành và kiểm soát đối với tổ chức cung cấp dịch vụ cấp dấu thời gian.

Quy chuẩn này được áp dụng cho Tổ chức cung cấp dịch vụ cấp dấu thời gian, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến cung cấp dịch vụ cấp dấu thời gian tại Việt Nam. Quy chuẩn này không áp dụng cho Tổ chức cung cấp dịch vụ cấp dấu thời gian chuyên dùng công vụ.

Thông tư số 51/2025/TT-BKHCN sẽ chính thức có hiệu lực từ ngày 01/7/2026. Các quy định dưới đây được bãi bỏ kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành:

- Thông tư số 06/2015/TT-BTTTT ngày 23/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định danh mục tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.
- Thông tư số 16/2019/TT-BTTTT ngày 05/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định danh mục tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số theo mô hình ký số trên thiết bị di động và ký số từ xa. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ cấp dấu thời gian đã nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng đến ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành chưa được cấp giấy phép thì được tiếp tục áp dụng quy định của Thông tư số 06/2015/TT-BTTTT và Thông tư số 16/2019/TT-BTTTT./.

#### **❖ Quyết định ban hành và hủy bỏ Tiêu chuẩn Quốc gia**

- Các Quyết định ban hành Tiêu chuẩn Quốc gia

**Quyết định số 3814/QĐ-BKHCN ngày 20/11/2025**

1. **TCVN XI-1:2025**, Bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc – Phần 1: Phương pháp kiểm nghiệm thuốc.
2. **TCVN XI-2:2025**, Bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc – Phần 2: Nguyên liệu hóa dược.
3. **TCVN XI-3:2025**, Bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc – Phần 3: Thành phẩm hóa dược.
4. **TCVN XI-4:2025**, Bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc – Phần 4: Dược liệu và thuốc từ dược liệu.
5. **TCVN XI-5:2025**, Bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc – Phần 5: Vắc xin và sinh phẩm y tế.
6. **Sửa đổi 1:2025 TCVN I-4:2017**, Bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc – Phần 4: Dược liệu và thuốc từ dược liệu.
7. **Sửa đổi 1:2025 TCVN I-5:2017**, Bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc – Phần 5: Vắc xin và sinh phẩm y tế.
8. **Sửa đổi 2:2025 TCVN I-1:2017**, Bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc – Phần 1: Phương pháp kiểm nghiệm thuốc.
9. **Sửa đổi 2:2025 TCVN I-3:2017**, Bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc – Phần 3: Thành phẩm hóa dược.
10. **Sửa đổi 2:2025 TCVN IV:2015**, Bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc.
11. **Sửa đổi 2:2025 TCVN V:2017**, Bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc.
12. **Sửa đổi 2:2025 TCVN VI:2017**, Bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc.
13. **Sửa đổi 3:2025 TCVN I-1:2017**, Bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc – Phần 1: Phương pháp kiểm nghiệm thuốc.

**Quyết định số 834/QĐ-BKHCN ngày 09/05/2025**

1. **Sửa đổi 1:2025 TCVN I-1:2017**, Bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc – Phần 1: Phương pháp kiểm nghiệm thuốc.
2. **Sửa đổi 1:2025 TCVN I-2:2017**, Bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc – Phần 2: Nguyên liệu hóa dược.
3. **Sửa đổi 1:2025 TCVN I-3:2017**, Bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc – Phần 3: Thành phẩm hóa dược.
4. **Sửa đổi 1:2025 TCVN IV:2015**, Bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc.

5. **Sửa đổi 1:2025 TCVN VI:2017**, Bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc.

6. **TCVN X:2025**, Bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc.

**Quyết định số 3981/QĐ-BKHCN ngày 02/12/2025**

1. **TCVN 14581:2025**, Thực phẩm Halal – Yêu cầu đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống.

**Quyết định số 4493/QĐ-BKHCN ngày 29/12/2025**

1. **TCVN 14384:2025**, Thạch cao và sản phẩm thạch cao – Phương pháp phân tích hóa học.
2. **TCVN 14385:2025**, Kính xây dựng – Kính dán quang điện mặt trời sử dụng trong công trình xây dựng.
3. **TCVN 14300-5:2025**, Tấm nhiều lớp ép áp lực cao (HPL, HPDL) – Phần 5: Phân loại và yêu cầu kỹ thuật cho tấm laminate có chiều dày nhỏ hơn 2 mm dùng làm ván lát sàn nhiều lớp.
4. **TCVN 14300-6:2025**, Tấm nhiều lớp ép áp lực cao (HPL, HPDL) – Phần 6: Phân loại và yêu cầu kỹ thuật cho tấm laminate cứng (compact laminate) có chiều dày  $\geq 2$  mm sử dụng ngoài trời.
5. **TCVN 14300-7:2025**, Tấm nhiều lớp ép áp lực cao (HPL, HPDL) – Phần 7: Phân loại và yêu cầu kỹ thuật cho tấm laminate có bề mặt trang trí theo thiết kế.
6. **TCVN 14300-8:2025**, Tấm nhiều lớp ép áp lực cao (HPL, HPDL) – Phần 8: Phân loại và yêu cầu kỹ thuật cho tấm laminate có lõi khác loại.

**Quyết định số 3189/QĐ-BKHCN ngày 15/10/2025**

1. **TCVN 12469-11:2025**, Gà giống nội – Phần 11: Gà Kiến.
2. **TCVN 14486:2025**, Quy trình khảo nghiệm sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi.

*- Quyết định hủy bỏ Tiêu chuẩn Quốc gia*

**Quyết định số 4494/QĐ-BKHCN ngày 29/12/2025**

1. **TCVN 8654:2011**, Thạch cao và sản phẩm thạch cao – Phương pháp xác định hàm lượng nước liên kết và hàm lượng sunfua trioxit tổng số./.

## TCVN 14507:2025 – ĐỊNH HÌNH KIẾN TRÚC NỀN TẢNG SỐ CHO ĐÔ THỊ THÔNG MINH

**TCVN 14507:2025 về Công nghệ thông tin – Kiến trúc tham chiếu nền tảng số đô thị thông minh – Dữ liệu và dịch vụ, nhằm quy định kiến trúc tham chiếu nền tảng số đô thị thông minh (SCDP), tập trung hỗ trợ truy cập dữ liệu và dịch vụ cho các ứng dụng trong đô thị thông minh.**



### Yêu cầu từ thực tiễn

Trong bối cảnh quá trình đô thị hóa và chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, các đô thị đang phải đối mặt với yêu cầu ngày càng cao về tích hợp dữ liệu, liên thông dịch vụ và nâng cao hiệu quả quản lý, vận hành.

Trước yêu cầu đó, việc xây dựng một kiến trúc tham chiếu thống nhất cho nền tảng số đô thị thông minh trở thành đòi hỏi cấp thiết, làm cơ sở kỹ thuật để các đô thị triển khai, mở rộng và kết nối các hệ thống một cách đồng bộ, hiệu quả.

TCVN 14507:2025 về Công nghệ thông tin – Kiến trúc tham chiếu nền tảng số đô thị thông minh – Dữ liệu và dịch vụ, được ban hành nhằm quy định kiến trúc tham chiếu nền tảng số đô thị thông minh (SCDP), tập trung hỗ trợ truy cập dữ liệu và dịch vụ cho các ứng dụng trong đô thị thông minh.

Theo đó, nền tảng số đô thị thông minh hướng tới hình thành một nền tảng công nghệ thông tin mang tính thực tiễn, cho phép tích hợp các dịch vụ đô thị, đóng vai trò là một phần

trong quá trình chuyển đổi số hạ tầng và dịch vụ đô thị. Quá trình này được thúc đẩy bởi việc triển khai các giải pháp Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), điện toán đám mây, dữ liệu lớn, song sinh số cùng các công nghệ số khác.

SCDP được xác định là không gian nơi các ứng dụng khác nhau có thể chia sẻ các tài nguyên và chức năng chung cơ bản, đồng thời cung cấp giao diện để tích hợp hạ tầng số và hạ tầng vật lý của đô thị.

Nền tảng này cũng cho phép tích hợp để điều phối dữ liệu, dịch vụ và ứng dụng trên nhiều lĩnh vực vận hành, phục vụ cho nhiều bên liên quan trong đô thị thông minh. Thông qua khả năng kết nối, SCDP được thiết kế nhằm phá vỡ các rào cản của các hệ thống truyền thống, tái cấu trúc các hệ thống hiện có, cho phép hình thành các quy trình và tương tác mới, cũng như chuyển đổi sang các hình thức cung ứng dịch vụ đô thị mới.

Các năng lực số do SCDP cung cấp hướng tới kết nối vạn vật, kết nối dữ liệu và kết nối đổi mới sáng tạo. Đây là những tiêu chí quan trọng để các đô thị xây dựng quan hệ đối tác, qua đó bảo đảm phát triển kinh tế, môi trường và dịch vụ phù hợp với yêu cầu của tương lai.

### 7 nguyên tắc thiết kế

TCVN 14507:2025 cũng xác định rõ các nguyên tắc thiết kế của nền tảng số đô thị thông minh.

Nguyên tắc toàn diện yêu cầu nhìn vượt ra ngoài các kho thông tin cô lập, tái cấu trúc các hệ thống hiện có, tạo ra các quy trình và tương tác mới, hướng tới các giải pháp có tính liên tác, dựa trên tiêu chuẩn, có thể nhân bản và mở rộng cho các đô thị.

Nguyên tắc tính mô-đun nhấn mạnh việc tận dụng kiến trúc hướng dịch vụ và kiến trúc vi dịch vụ, cung cấp các mô-đun dịch vụ liên kết lỏng lẻo, hỗ trợ phát triển liên tục các dịch vụ

ổn định, linh hoạt và dễ thích ứng với các yêu cầu nghiệp vụ mới.

Nguyên tắc tính minh bạch đặt ra yêu cầu dữ liệu và dịch vụ phải có khả năng trao đổi, xử lý và lưu trữ theo định dạng chuẩn, với luồng dữ liệu có thể theo dõi, qua đó nâng cao tính liên tác, tính minh bạch và hiệu quả vận hành của nền tảng.

Nguyên tắc khả năng tái sử dụng hướng đến việc khai thác dữ liệu, dịch vụ và ứng dụng dựa trên các khả năng và chức năng được chia sẻ, đáp ứng yêu cầu phản hồi nhanh chóng cho các mô hình, doanh nghiệp mới và tránh đầu tư trùng lặp.

Nguyên tắc bảo mật yêu cầu dữ liệu, dịch vụ và ứng dụng phải được bảo mật ngay từ đầu trong toàn bộ vòng đời của nền tảng.

TCVN 14507:2025 hoàn toàn tương đương với tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 24039:2022. Tiêu chuẩn do Tiểu ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVN/TC 268/SC 1 “Cơ sở hạ tầng cộng đồng thông minh” biên soạn, Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam đề nghị, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng quốc gia thẩm định và được Bộ Khoa học và Công nghệ công bố./.

0

## KẾT HỢP TIÊU CHUẨN VÀ CÔNG CỤ CẢI TIẾN: “ĐÒN BẨY” NÂNG CAO NĂNG SUẤT DOANH NGHIỆP

**Mô hình kết hợp tiêu chuẩn với công cụ cải tiến phù hợp đang chứng minh hiệu quả rõ nét, giúp doanh nghiệp không chỉ nâng cao mức độ tuân thủ mà còn tối ưu nguồn lực, giảm lãng phí và gia tăng giá trị trong toàn bộ chuỗi sản xuất kinh doanh.**



Trong bối cảnh chi phí đầu vào gia tăng, yêu cầu thị trường ngày càng khắt khe và áp lực cạnh tranh không ngừng lớn dần, bài toán nâng cao năng suất không còn là lựa chọn mà đã trở thành yêu cầu sống còn đối với doanh nghiệp.

Thực tiễn cho thấy, mô hình kết hợp tiêu chuẩn với công cụ cải tiến phù hợp đang chứng minh hiệu quả rõ nét, giúp doanh nghiệp không chỉ nâng cao mức độ tuân thủ mà còn tối ưu

nguồn lực, giảm lãng phí và gia tăng giá trị trong toàn bộ chuỗi sản xuất kinh doanh.

Một ví dụ tiêu biểu là Công ty TNHH MTV Hương Đất An Phú, doanh nghiệp chuyên trồng và sơ chế rau. Với đặc thù sản phẩm tươi sống, yêu cầu cao về an toàn thực phẩm và tính ổn định của quy trình, doanh nghiệp đã lựa chọn ISO 22000:2018 làm nền tảng quản lý, đồng thời triển khai Kaizen như một công cụ cải tiến xuyên suốt.

Thay vì chỉ tập trung vào việc xây dựng hồ sơ, Hương Đất An Phú tiến hành rà soát chi tiết từng công đoạn, từ thu hoạch, phân loại đến sơ chế và bảo quản. Các cải tiến nhỏ được thực hiện liên tục đã giúp giảm thao tác thừa, tối ưu hóa việc sử dụng nhân công và nguyên liệu, đồng thời rút ngắn thời gian xử lý ở khâu sơ chế.

Nhờ đó, doanh nghiệp không chỉ nâng cao mức độ tuân thủ quy trình sản xuất an toàn mà còn giảm chi phí phát sinh, hình thành một quy trình khép kín, an toàn và hiệu quả, phù hợp với định hướng phát triển dài hạn trong lĩnh vực nông nghiệp sạch.

Hay tại Công ty Cổ phần Mắc-ca Tây Nguyên lại cho thấy cách tiếp cận khác khi kết hợp ISO 9001 với 7 công cụ quản lý chất lượng

(7QC tools). Trong quá trình chế biến macca, tỷ lệ nhân vỡ là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và hiệu quả kinh tế.

Trên cơ sở đó, các đối sách được xây dựng và triển khai đồng bộ. Kết quả mang lại rất rõ ràng: tỷ lệ nhân vỡ giảm từ 12% xuống còn 6%, tương đương giảm 50% tổn thất, với khoảng 3.000 kg sản phẩm tính theo lượng thử nghiệm. Không chỉ cải thiện chất lượng, việc giảm lỗi còn giúp doanh nghiệp tiết kiệm đáng kể chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên liệu và gia tăng năng suất tổng thể.

Trong khi đó, Công ty TNHH Hoàng Thiên Lộc, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh tôn cán định hình lợp nhà và các loại thép định hình, lại tập trung vào việc chuẩn hóa và ổn định hoạt động sản xuất. Doanh nghiệp đã triển khai ISO 9001:2015, TCVN 22301 về quản lý liên tục kinh doanh, kết hợp với công cụ 5S tại xưởng sản xuất.

Việc sắp xếp lại mặt bằng, chuẩn hóa vị trí thiết bị, nguyên vật liệu và xây dựng thói quen làm việc khoa học đã giúp giảm thời gian tìm kiếm, hạn chế sai lỗi và nâng cao kỷ luật lao

động. Song song với đó, hệ thống quản lý giúp doanh nghiệp kiểm soát tốt hơn các quy trình trọng yếu, chủ động ứng phó với rủi ro gián đoạn sản xuất.

Nhờ cách tiếp cận đồng bộ này, năng suất lao động của Hoàng Thiên Lộc tăng 20%, trong khi chi phí sản xuất giảm khoảng 10%, tạo dư địa để doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Từ những mô hình thực tiễn nêu trên có thể thấy, việc kết hợp tiêu chuẩn với các công cụ cải tiến phù hợp là “đòn bẩy” giúp doanh nghiệp khai thác hiệu quả nguồn lực sẵn có, giảm lãng phí và nâng cao năng suất một cách bền vững.

Trong bối cảnh nền kinh tế đang chuyển dịch theo hướng xanh, an toàn và hiệu quả, việc chủ động áp dụng các tiêu chuẩn gắn với cải tiến liên tục sẽ tiếp tục là hướng đi quan trọng, giúp doanh nghiệp Việt Nam đứng vững và phát triển trong chuỗi giá trị ngày càng cạnh tranh./.

0

## LẤY TIÊU CHUẨN LÀM “ XƯƠNG SỐNG” CHO BẢO MẬT VÀ TUÂN THỦ DỮ LIỆU

Trong bối cảnh số hóa diễn ra mạnh mẽ, dữ liệu đã trở thành một trong những tài sản quan trọng nhất của doanh nghiệp và tổ chức. Từ bệnh viện, ngân hàng đến cơ quan nhà nước và doanh nghiệp tư nhân, hầu hết hệ thống vận hành đều dựa trên lượng dữ liệu khổng lồ để đưa ra quyết định, tối ưu quy trình và nâng cao hiệu quả hoạt động.

Tuy nhiên, khi dữ liệu ngày càng trở nên quý giá, rủi ro bị truy cập trái phép, lạm dụng hoặc bị đánh cắp thông tin ngày càng gia tăng. Những rủi ro



này không chỉ đe dọa đến quyền riêng tư của cá nhân mà có thể gây thiệt hại tài chính lớn cho

tổ chức, với các vụ rò rỉ dữ liệu từng khiến doanh nghiệp thiệt hại hàng triệu đô la, đồng thời làm giảm uy tín và niềm tin của khách hàng. Chính vì vậy, bảo mật dữ liệu và tuân thủ tiêu chuẩn ngày càng trở thành ưu tiên hàng đầu của các tổ chức xử lý thông tin cá nhân, đặc biệt trong các giai đoạn phát triển, kiểm thử phần mềm hay chuyển đổi số.

### **Tầm quan trọng của tiêu chuẩn trong bảo mật dữ liệu**

Tiêu chuẩn không chỉ đơn thuần là một bộ hướng dẫn kỹ thuật mà đã trở thành trụ cột quan trọng giúp tổ chức triển khai hiệu quả các biện pháp bảo mật. Những tiêu chuẩn này giúp thiết lập các nguyên tắc, quy trình và khuôn khổ quản lý nhằm đảm bảo dữ liệu được xử lý an toàn, giảm thiểu rủi ro và đáp ứng yêu cầu pháp lý hiện hành.

Ví dụ, những tiêu chuẩn quốc tế như ISO/IEC 27001 hay GDPR (Quy định chung về bảo vệ dữ liệu của Liên minh châu Âu) đã được nhiều tổ chức áp dụng rộng rãi để thiết lập hệ thống quản lý an ninh thông tin toàn diện, từ xác định rủi ro, kiểm soát truy cập đến bảo vệ quyền riêng tư của người dung.

Các tiêu chuẩn này đem lại nhiều lợi ích thiết thực: nhất quán quy trình bảo mật, giảm thiểu rủi ro, tăng cường niềm tin của khách hàng và đối tác, đồng thời giúp tổ chức sẵn sàng ứng phó với những mối đe dọa ngày càng tinh vi của tội phạm mạng.

### **Giúp tổ chức triển khai giải pháp an toàn hơn**

Các kỹ thuật bảo mật chỉ thực sự hiệu quả khi được hỗ trợ bởi một khung tiêu chuẩn rõ ràng, bài bản. Các tiêu chuẩn quốc tế như ISO/IEC 20889 (quy định thuật ngữ và kỹ thuật khử nhận dạng), ISO/IEC 27701 (hệ thống quản lý thông tin quyền riêng tư) hay ISO/IEC 27001 (quản lý an ninh thông tin) cung cấp nền tảng vững chắc giúp tổ chức triển khai biện pháp bảo mật một cách bài bản và tuân thủ yêu cầu pháp lý.

Việc áp dụng các tiêu chuẩn này không chỉ giúp đáp ứng luật bảo vệ dữ liệu cá nhân mà còn góp phần tạo ra chiến lược bảo mật toàn diện, giảm thiểu rủi ro, đồng thời thúc đẩy sự phát triển bền vững trong kỷ nguyên số. Mặc dù đem lại nhiều lợi ích, các tổ chức hiện vẫn đối mặt với nhiều thách thức khi triển khai các biện pháp tuân thủ dữ liệu, như thiếu hụt nhân sự chuyên môn cao và hệ thống công nghệ tương thích, đặc biệt trong bối cảnh luật bảo vệ dữ liệu cá nhân ngày càng nghiêm ngặt hơn.

Trong tương lai, cùng với tiến bộ công nghệ, các giải pháp bảo mật như che giấu dữ liệu sẽ được nâng cấp và tích hợp sâu hơn với công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), giúp tự động hóa việc bảo vệ dữ liệu và giảm thiểu sự phụ thuộc vào thao tác thủ công.

Tuy vậy, để duy trì an ninh dữ liệu bền vững, các tổ chức cần không ngừng cập nhật tiêu chuẩn, thường xuyên rà soát, đánh giá và hoàn thiện chiến lược bảo mật - từ con người đến công nghệ - nhằm ứng phó hiệu quả với các mối đe dọa mới trong kỷ nguyên số./.

0

## **QCVN 139:2025/BKHCN CHO DỊCH VỤ CHỨNG THỰC THÔNG ĐIỆP DỮ LIỆU**

**Bộ Khoa học và Công nghệ vừa ban hành Thông tư số 53/2025/TT-BKHCN, chính thức công bố Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu đối với dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu (QCVN 139:2025/BKHCN) - bước ngoặt quan trọng trong xây dựng hạ tầng tin cậy số quốc gia, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện và minh bạch.**

Chứng thực thông điệp dữ liệu là dịch vụ cung cấp bằng chứng pháp lý cho các hoạt động gửi, nhận và tồn tại của thông điệp điện tử trong môi trường số. Đây là cơ chế giúp đảm bảo một thông điệp không bị sửa đổi, xóa bỏ hay can thiệp trái phép trong suốt quá trình truyền tải. Trong thực tiễn, dịch vụ này giữ vai trò đặc biệt quan trọng đối với giao dịch điện

tử mang tính pháp lý và kinh tế cao. Ví dụ như hợp đồng điện tử, hóa đơn điện tử, giao dịch tài chính - ngân hàng, logistics hay thương mại điện tử xuyên biên giới. Khi các hoạt động này diễn ra trên môi trường số, một hệ thống chứng thực thông điệp đáng tin cậy sẽ giúp củng cố niềm tin giữa các bên tham gia giao dịch.



Trước khi QCVN 139:2025/BKHCN được ban hành, dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu chưa có một khuôn khổ kỹ thuật chuẩn quốc gia thống nhất. Điều này từng tạo ra rủi ro pháp lý và kỹ thuật, khiến các doanh nghiệp và tổ chức gặp khó khăn trong việc đảm bảo chất lượng dịch vụ và tuân thủ các quy định hiện hành.

Theo quy chuẩn, QCVN 139:2025/BKHCN quy định chi tiết các yêu cầu kỹ thuật cốt lõi đối với dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu, bao gồm nhưng không giới hạn ở các nội dung sau:  
**Hệ thống kỹ thuật:** Phải đảm bảo cơ sở hạ tầng phù hợp với các tiêu chuẩn kỹ thuật tiên tiến, có tính mở và dễ tương thích với các môi trường số đa dạng.

**Bảo đảm an toàn thông tin:** Yêu cầu nghiêm ngặt về an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu trước nguy cơ tấn công, truy cập trái phép, cũng như quản lý khóa bảo mật và chứng thư số.

**Quy trình cung cấp dịch vụ:** Phải minh bạch, chuẩn hóa từ khâu tiếp nhận đến xử lý và xác thực thông điệp, đảm bảo tính chính xác và không bị chối bỏ.

**Kiểm soát vận hành và quản lý rủi ro:** Nhằm hạn chế sai sót, gián đoạn dịch vụ và các sự cố ngoài ý muốn.

**Lưu trữ dữ liệu:** Dịch vụ phải duy trì hồ sơ hoạt động và dữ liệu liên quan theo tiêu chuẩn về lưu trữ an toàn để phục vụ kiểm tra, giám sát khi cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu.

Quy chuẩn này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu tại Việt Nam, trừ các dịch vụ chuyên dùng cho công vụ. Các đơn vị cung cấp dịch vụ chịu trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu nêu trên, đồng thời sẵn sàng phục vụ công tác thanh tra,

giám sát của cơ quan quản lý nhà nước khi được yêu cầu.

Việc chuẩn hóa dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu thông qua QCVN 139:2025/BKHCN không chỉ mang ý nghĩa kỹ thuật mà còn có tầm ảnh hưởng sâu rộng đối với môi trường kinh tế số. Quy chuẩn này đặt nền tảng để thị trường dịch vụ tin cậy số phát triển một cách minh bạch, an toàn và cạnh tranh hơn.

Nhiều chuyên gia nhận định việc ban hành QCVN 139:2025/BKHCN là bước chuẩn bị quan trọng về thể chế nhằm xây dựng một hạ tầng tin cậy số quốc gia vững chắc, tạo cơ sở để tiếp cận các thông lệ quốc tế trong phát triển dịch vụ tin cậy số. Với quy chuẩn này, Việt Nam không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các doanh nghiệp công nghệ trong nước, mà còn mở ra cơ hội nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế trong thời đại chuyển đổi số sâu rộng./.

## CHUẨN HÓA QUẢN LÝ ĐA DẠNG SINH HỌC THEO ISO 17298:2025

**Trong bối cảnh đa dạng sinh học toàn cầu suy giảm nhanh chóng và ngày càng trở thành thách thức đe dọa ổn định hệ sinh thái, sức khỏe cộng đồng và nền kinh tế, Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế (ISO) đã chính thức công bố Tiêu chuẩn ISO 17298:2025 về đa dạng sinh học - bộ tiêu chuẩn quốc tế đầu tiên hướng dẫn các tổ chức đánh giá, quản lý và giảm thiểu tác động lên tự nhiên trong chiến lược và hoạt động của mình.**



Sự suy giảm đa dạng sinh học đã trở thành một trong những thách thức môi trường nghiêm trọng nhất hiện nay. Trước thực trạng đó, tiêu chuẩn hóa các quy trình theo chuẩn quốc tế được xem là giải pháp then chốt để tạo ra ngôn ngữ thống nhất và các bước thực thi rõ ràng, hỗ trợ tổ chức - doanh nghiệp kiểm soát và giảm thiểu tác động tới đa dạng sinh học. ISO 17298:2025 được phát triển bởi Ủy ban Kỹ thuật ISO/TC 331 về đa dạng sinh học với sự tham gia của chuyên gia từ hơn 60 quốc gia. Đây là tiêu chuẩn quốc tế đầu tiên giúp các tổ chức lồng ghép yếu tố đa dạng sinh học vào chiến lược phát triển và hoạt động hàng ngày một cách toàn diện.

Tiêu chuẩn ISO 17298:2025 không chỉ đơn thuần là hướng dẫn lý thuyết mà còn đưa ra các yêu cầu và chỉ dẫn thực tiễn cho tổ chức trong quá trình triển khai:

**Nhận diện và đánh giá:** Tổ chức cần ghi nhận thành phần đa dạng sinh học bị ảnh hưởng và các loại dịch vụ hệ sinh thái phụ thuộc, từ đó đánh giá đầy đủ rủi ro liên quan.

**Biện pháp giảm thiểu và phục hồi:** Định hướng phương án tránh, giảm thiểu và phục hồi tác động dựa trên phương pháp tiếp cận vòng đời, từ lập kế hoạch đến vận hành và kết thúc dự án.

**Giám sát và báo cáo:** Thiết lập quy trình theo dõi lâu dài và truyền thông minh bạch về kết quả đánh giá, góp phần nâng cao trách nhiệm bền vững.

**Tham gia đa bên liên quan:** Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng địa phương, cơ quan quản lý và đối tác trong các bước lập kế hoạch và thực hiện, từ đó gia tăng hiệu quả quản lý.

Tiêu chuẩn cũng cho phép tổ chức tự điều chỉnh, cải tiến liên tục theo bối cảnh hoạt động

và đặc thù môi trường, tạo ra vòng phản hồi hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng quản lý đa dạng sinh học.

ISO 17298:2025 không chỉ đóng góp trực tiếp vào bảo tồn đa dạng sinh học mà còn tương thích với nhiều Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) của Liên Hợp Quốc, tạo nên sự liên kết giữa tiêu chuẩn hóa kỹ thuật và các cam kết quốc tế về phát triển bền vững.

Trước hết, tiêu chuẩn hỗ trợ các mục tiêu liên quan tới bảo tồn hệ sinh thái trên cạn và dưới nước (SDG 14 và 15) thông qua các yêu cầu đánh giá tác động tới sinh cảnh như đất ngập nước, rừng và biển. Tiếp theo, yêu cầu minh bạch trong quản lý và báo cáo đa dạng sinh học giúp thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững (SDG 12), khi doanh nghiệp buộc phải xem xét chuỗi cung ứng và chiến lược sử dụng tài nguyên tự nhiên một cách hiệu quả.

Ngoài ra, tiêu chuẩn còn hỗ trợ ứng phó biến đổi khí hậu (SDG 13) thông qua các giải pháp bảo tồn rừng, đất ngập mặn hay phục hồi các hệ sinh thái quan trọng có vai trò hấp thụ carbon và giảm thiểu rủi ro thiên tai.

Việc ISO 17298 tương thích với Khung Đa dạng Sinh học Toàn cầu Kunming-Montreal (GBF) cũng giúp các tổ chức tuân thủ cam kết quốc tế về theo dõi, đánh giá và công bố thông tin liên quan tới đa dạng sinh học một cách minh bạch và nhất quán.

Việc áp dụng ISO 17298:2025 mang lại nhiều lợi ích rõ rệt cho cả doanh nghiệp và tổ chức quản lý. Trước tiên, tiêu chuẩn tạo ra cấu trúc thống nhất, giúp doanh nghiệp giảm thiểu rủi ro pháp lý, nhất là trong bối cảnh các quốc gia siết chặt yêu cầu về đánh giá tác động môi

trường. Tiếp đó, ứng dụng tiêu chuẩn giúp cải thiện chỉ số ESG, đặc biệt là yếu tố môi trường (E), qua đó nâng cao uy tín với đối tác quốc tế, các quỹ đầu tư và khách hàng.

ISO 17298 còn thúc đẩy quan hệ phối hợp giữa doanh nghiệp, cơ quan quản lý và cộng đồng địa phương, góp phần hình thành mô hình đồng quản lý (co-management) hiệu quả và bền vững. Trong kỷ nguyên mà phát triển bền vững và bảo tồn thiên nhiên trở thành yêu cầu cấp thiết trên toàn cầu, ISO 17298:2025 được kỳ vọng trở thành công cụ chiến lược giúp các tổ chức chuyển từ cam kết sang hành động, đặt nền móng vững chắc cho một tương lai hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường./.

0

## TCVN 14505: 2025 – CHUẨN HÓA ĐÁNH GIÁ ESG CHO CÁC ĐÔ THỊ

**TCVN 14505:2025 quy định, thiết lập các định nghĩa và phương pháp luận đối với bộ chỉ số nhằm cung cấp thông tin về hồ sơ môi trường, xã hội và quản trị (ESG) cho các đô thị.**



Trong bối cảnh đô thị hóa diễn ra nhanh chóng, các thách thức về môi trường, an sinh xã hội, quản trị đô thị và phát triển bền vững ngày

càng gia tăng, đòi hỏi các đô thị phải có công cụ đo lường, đánh giá một cách minh bạch, khoa học và thống nhất.

Theo đó, TCVN 14505:2025 về Đô thị và cộng đồng bền vững - Các chỉ số về môi trường, xã hội và quản trị (ESG) cho các đô thị (Sustainable cities and communities - Environmental, social and governance (ESG) indicator for cities) ra đời, nhằm quy định, thiết lập các định nghĩa và phương pháp luận đối với bộ chỉ số nhằm cung cấp thông tin về hồ sơ môi trường, xã hội và quản trị (ESG) cho các đô thị. Nói cách khác, TCVN 14505:2025 giúp các đô thị có một “bộ thước đo chung” để đánh giá mức độ phát triển bền vững của mình.

Tiêu chuẩn này bao gồm một tập hợp cốt lõi các KPI hoàn toàn dạng số, giúp các nhà lãnh đạo đô thị trên toàn thế giới định hướng các chương trình, kế hoạch và dịch vụ đô thị có thông tin và định hướng

ESG. Kết hợp với các tiêu chuẩn ISO 37120, TCVN ISO 37122 (ISO 37122) và TCVN ISO 37123 (ISO 37123), tiêu chuẩn này nhằm cung cấp một bộ chỉ số đầy đủ hơn để đánh giá và theo dõi tiến trình hồ sơ ESG của đô thị.

TCVN 14505:2025 được xây dựng dựa trên cơ sở tham khảo ISO 37125:2024. TCVN

14505:2025 do Tiểu Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVN/TC 268/SC 1 Cơ sở hạ tầng cộng đồng thông minh biên soạn, Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam đề nghị, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ và công bố./.

0

## HÀ TỈNH BAN HÀNH QUY CHUẨN KỸ THUẬT VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH

**UBND tỉnh Hà Tĩnh vừa ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương QCDP 02:2026/HTh về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh. Đây là bước đi quan trọng nhằm đảm bảo nguồn nước sinh hoạt an toàn cho người dân, đồng thời tạo cơ sở pháp lý để quản lý, giám sát chất lượng nước sạch hiệu quả hơn.**



Quy chuẩn trên quy định mức giới hạn các thông số chất lượng nước sạch và yêu cầu quản lý đối với nước dùng cho sinh hoạt. Đối tượng áp dụng bao gồm các đơn vị cấp nước, đơn vị sử dụng nước, hộ gia đình tự khai thác nước phục vụ sinh hoạt, cơ quan quản lý nhà nước phụ trách thanh tra, kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch, cùng các phòng thử nghiệm và tổ chức chứng nhận trên địa bàn tỉnh.

Quy chuẩn cũng nêu rõ một số trường hợp không áp dụng, như nước uống trực tiếp

tại vòi; nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai sử dụng với mục đích giải khát; nước sản xuất từ bình lọc nước hoặc các loại nước không dùng cho mục đích sinh hoạt.

Về yêu cầu quản lý và kiểm tra chất lượng nước sạch, quy chuẩn này áp dụng theo các quy định hiện hành của Bộ Y tế. Theo đó, việc nội kiểm chất lượng nước được thực hiện theo Điều 4 Thông tư số 52/2024/TT-BYT; hoạt động ngoại kiểm và giám sát chất lượng thực hiện theo Điều 5 Thông tư 52/2024/TT-BYT; phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm tuân theo QCVN 01-1:2024/BYT. Đồng thời, các yêu cầu đối với phòng thử nghiệm chất lượng nước sạch cũng được quy định cụ thể nhằm đảm bảo kết quả kiểm tra chính xác, tin cậy.

Một điểm nhấn quan trọng của quy chuẩn là quy định về công bố hợp quy. Các đơn vị cấp nước phải tự tiến hành đánh giá và công bố hợp quy theo Thông tư 28/2012/TT-BKHCN và Thông tư 02/2017/TT-BKHCN về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Việc ban hành quy chuẩn được đánh giá là cần thiết trong bối cảnh nhu cầu sử dụng nước sạch ngày càng tăng, đồng thời góp phần nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về chất lượng nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, hướng tới mục tiêu bảo vệ sức khỏe cộng đồng một cách bền vững./.

0

## NGÀNH RAU QUẢ CHUẨN HÓA TRUY XUẤT NGUỒN GỐC ĐỂ CHINH PHỤC MỐC XUẤT KHẨU 10 TỶ USD

**Chuẩn hóa truy xuất nguồn gốc và minh bạch chuỗi sản xuất đang trở thành điều kiện bắt buộc để ngành rau quả Việt Nam mở rộng thị trường xuất khẩu. Việc triển khai hệ thống truy xuất nguồn gốc thống nhất được kỳ vọng tạo đột phá về giá trị và năng lực cạnh tranh.**



Ngành rau quả Việt Nam đang đứng trước cơ hội lớn để bứt phá, với mục tiêu chinh phục mốc kim ngạch xuất khẩu 10 tỷ USD trong những năm tới. Tuy nhiên, song hành với cơ hội là những yêu cầu ngày càng khắt khe từ thị trường nhập khẩu về an toàn thực phẩm, chất lượng và tính minh bạch của sản phẩm. Trong bối cảnh đó, truy xuất nguồn gốc và chuẩn hóa chuỗi sản xuất không còn là lựa chọn, mà đã trở thành yêu cầu then chốt để doanh nghiệp rau quả nâng cao vị thế trên thị trường quốc tế.

Nhằm đáp ứng yêu cầu này, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành Kế hoạch xây dựng và vận hành Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản thống nhất, sử dụng tập trung và xuyên suốt, kết nối từ khâu sản xuất đến tiêu dùng. Hệ thống được thiết kế để bảo đảm công khai, minh bạch thông tin về chất

lượng sản phẩm, đồng thời tạo nền tảng dữ liệu phục vụ quản lý, điều hành và phát triển thị trường nông sản bền vững.

Theo lộ trình, từ ngày 1/7/2026, Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản sẽ chính thức được đưa vào sử dụng đối với hầu hết các mặt hàng nông sản quan trọng làm thực phẩm.

Hệ thống sẽ ghi nhận các dữ liệu thông tin tối thiểu trong toàn bộ chuỗi giá trị, bao gồm: thông tin nông hộ tham gia chuỗi; vùng trồng, cơ sở sản xuất; thời gian sản xuất, thu hoạch; các công đoạn trong kế hoạch sản xuất; thông tin tem xác thực điện tử, tem truy xuất nguồn gốc và cơ chế tra cứu thông tin thông qua mã QR hoặc các vật mang dữ liệu phù hợp trên nhãn sản phẩm.

Ở góc độ doanh nghiệp công nghệ, bà Bùi Thị Bích Thắm – Giám đốc Dự án truy xuất nguồn gốc, Công ty Neta Group cho biết, hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản Việt Nam sẽ gắn mỗi sản phẩm với một tem truy xuất điện tử, tích hợp công nghệ tiên tiến và giải pháp chống giả. Các tiêu chuẩn kỹ thuật sẽ được ban hành để bảo đảm khả năng tích hợp, kết nối giữa các doanh nghiệp cung cấp giải pháp truy xuất và doanh nghiệp xuất khẩu nông sản.

Theo bà Thắm, khi toàn bộ dữ liệu nông sản của Việt Nam được tích hợp, tập trung trên hệ thống truy xuất nguồn gốc quốc gia, không chỉ doanh nghiệp và người tiêu dùng được hưởng lợi từ tính minh bạch, mà Nhà nước còn có cơ sở dữ liệu quan trọng để phục vụ công tác điều tiết vĩ mô, hoạch định chính sách và phát triển ngành hàng một cách bền vững./.

0

## VAI TRÒ CỦA QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA TRONG PHÁT TRIỂN ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ

**Việc ban hành đồng bộ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường sắt đô thị từ năm 2026 đánh dấu bước hoàn thiện quan trọng của hành lang pháp lý trong lĩnh vực giao thông đô thị. Các quy chuẩn này giữ vai trò then chốt trong bảo đảm an toàn, chất lượng và tính thống nhất kỹ thuật cho hệ thống metro.**



Thực tiễn triển khai các tuyến metro tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy, bên cạnh nguồn vốn, công nghệ và tổ chức thực hiện, hệ thống quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) đóng vai trò nền tảng, quyết định chất lượng và tính bền vững của các dự án. Việc Nhà nước ban hành và hoàn thiện các quy chuẩn trong lĩnh vực này thể hiện rõ quyết tâm chính trị của Đảng và Nhà nước trong phát triển giao thông đô thị hiện đại, đồng thời đáp ứng yêu cầu quản lý ngày càng cao.

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường sắt đô thị là hệ thống quy định mang tính bắt buộc, được áp dụng thống nhất đối với tất cả các khâu từ thiết kế, thi công, nhập khẩu phương tiện đến kiểm tra, nghiệm thu và vận hành, khai thác. Các chủ đầu tư, nhà thầu, đơn vị tư vấn, đơn vị vận hành đều phải tuân thủ nghiêm ngặt nhằm bảo đảm an toàn tuyệt đối cho hành khách và hệ thống. Không chỉ kiểm soát chất lượng kỹ thuật, các quy chuẩn còn hướng tới sự hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế tiên tiến, đồng

thời phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam.

Trong bối cảnh các tuyến metro tại Việt Nam sử dụng công nghệ đến từ nhiều quốc gia khác nhau như Trung Quốc, châu Âu hay Nhật Bản, vai trò “kết nối” của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia càng trở nên rõ nét. Nhờ có quy chuẩn thống nhất, các hệ thống dù khác biệt về công nghệ, thiết kế hay giải pháp kỹ thuật vẫn được kiểm soát theo cùng một mặt bằng an toàn, hạn chế nguy cơ thiếu đồng bộ, lãng phí nguồn lực và kéo dài tiến độ dự án. Đồng thời, đây cũng là cơ sở quan trọng để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực đường sắt đô thị.

Một minh chứng cụ thể cho vai trò này là Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 18:2023/BGTVT về an toàn kỹ thuật toa xe đường sắt đô thị, được sửa đổi, bổ sung từ phiên bản ban hành năm 2018. Quy chuẩn đã khắc phục những bất cập trong giai đoạn đầu triển khai metro, đồng thời tiệm cận các thông lệ tiên tiến của thế giới.

Thực tế triển khai tại các tuyến metro tiêu biểu cho thấy hiệu quả rõ rệt của việc áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Tuyến Cát Linh – Hà Đông, tuyến metro đầu tiên của cả nước, dù sử dụng công nghệ chủ yếu từ Trung Quốc, vẫn đáp ứng yêu cầu an toàn nhờ tuân thủ nghiêm ngặt các quy chuẩn quốc gia và có sự điều chỉnh linh hoạt phù hợp với thực tiễn. Tuyến Nhổn – Ga Hà Nội áp dụng các tiêu chuẩn châu Âu nghiêm ngặt, được đánh giá, chứng nhận bởi các tổ chức tư vấn quốc tế độc lập, nhưng vẫn vận hành thống nhất trong khuôn khổ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Tương tự, tuyến Bến Thành – Suối Tiên tại Thành phố Hồ Chí Minh, với công nghệ Nhật Bản và châu Âu, cũng được kiểm soát đồng bộ về an toàn kỹ thuật, đặc biệt đối với các hạng mục ngầm phức tạp.

Điểm chung của các dự án này là dù khác nhau về hệ thống cấp điện, tổ chức đoàn tàu

hay mức độ tự động hóa, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia vẫn đóng vai trò như “lá chắn an toàn”, bảo đảm mọi tuyến metro khi đưa vào khai thác đều đáp ứng yêu cầu kỹ thuật thống nhất, phục vụ hiệu quả nhu cầu đi lại của người dân và đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế – xã hội.

Từ năm 2026, cùng với việc Bộ Xây dựng ban hành Thông tư số 44/2025/TT-BXD (có

hiệu lực từ ngày 1/1/2026), hệ thống 8 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia mới trong lĩnh vực đường sắt đô thị đã được hoàn thiện. Các quy chuẩn này bao quát nhiều nội dung quan trọng như tín hiệu, khai thác, vận hành, phương tiện và các bộ phận kỹ thuật then chốt, tạo nên hành lang pháp lý đồng bộ cho việc đầu tư, xây dựng và kết nối các tuyến metro trong tương lai./.

0

## TIÊU CHUẨN VÀ TƯƠNG LAI CỦA NGÀNH DƯỢC PHẨM SINH HỌC

**Các tiêu chuẩn được ban hành trong ngành dược phẩm sinh học giúp quá trình sản xuất các chế phẩm sinh học, chẳng hạn như liệu pháp gen và vắc-xin được kiểm soát chặt chẽ có hệ thống hơn.**



Dược phẩm sinh học đang trở thành một trong những lĩnh vực phát triển nhanh và có tác động sâu rộng nhất của y học hiện đại. Từ vaccine, kháng thể đơn dòng cho đến các liệu pháp gen và liệu pháp tế bào, những sản phẩm sinh học tiên tiến này mở ra hy vọng điều trị cho nhiều căn bệnh nan y. Tuy nhiên, song hành với tiềm năng to lớn là những thách thức phức tạp về sản xuất, kiểm soát chất lượng và quản lý dữ liệu. Trong bối cảnh đó, các tiêu chuẩn kỹ thuật ngày càng được xem là nền tảng quan trọng, định hình tương lai của toàn ngành dược phẩm sinh học.

Khác với dược phẩm hóa học truyền thống, sản phẩm sinh học được tạo ra từ các hệ thống sống như tế bào động vật, vi khuẩn hoặc

nấm men. Bản chất sinh học khiến các sản phẩm này nhạy cảm với những thay đổi nhỏ trong nguyên liệu, quy trình và điều kiện sản xuất. Chỉ một sai lệch nhỏ cũng có thể ảnh hưởng đến độ ổn định, hiệu lực hoặc độ an toàn của sản phẩm. Điều này đặt ra yêu cầu rất cao đối với việc chuẩn hóa quy trình và kiểm soát chất lượng trong suốt vòng đời sản phẩm.

Một trong những thách thức lớn nhất hiện nay là sản xuất các liệu pháp sinh học tiên tiến với quy mô lô nhỏ, đặc biệt phổ biến trong lĩnh vực liệu pháp gen. Do sản lượng hạn chế, việc lấy mẫu để kiểm tra chất lượng có thể tiêu tốn một phần đáng kể sản phẩm. Thực tế này không chỉ làm tăng chi phí mà còn làm giảm số lượng sản phẩm có thể sử dụng cho điều trị hoặc thử nghiệm lâm sàng, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tiếp cận của bệnh nhân.

Chính vì vậy, việc xây dựng các tiêu chuẩn phù hợp trở thành giải pháp then chốt. Theo ASTM International, tiêu chuẩn không chỉ giúp thống nhất cách tiếp cận giữa các nhà sản xuất, nhà cung cấp và cơ quan quản lý, mà còn hỗ trợ tối ưu hóa nguồn lực trong bối cảnh sản xuất ngày càng phức tạp. Tiêu chuẩn, ở góc độ này, đóng vai trò như “ngôn ngữ chung” của toàn ngành.

Một ví dụ điển hình là tiêu chuẩn ASTM E3443, được phát triển nhằm hỗ trợ việc kiểm tra độ ổn định đối với các lô sản phẩm có năng suất thấp. Tiêu chuẩn này đưa ra hướng dẫn

giúp giảm lượng mẫu cần sử dụng cho thử nghiệm mà vẫn đảm bảo yêu cầu khoa học và quy định. Nhờ đó, nhà sản xuất có thể tiết kiệm nguyên liệu quý giá, đồng thời rút ngắn thời gian sản xuất và giảm số lô cần tạo ra để đáp ứng nhu cầu thị trường.

Bên cạnh bài toán lô sản phẩm, dữ liệu nguyên liệu thô cũng là một yếu tố then chốt ảnh hưởng đến chất lượng dược phẩm sinh học. Trong thực tế, dữ liệu từ nhà cung cấp nguyên liệu thường không đồng nhất, gây khó khăn cho việc phân tích, so sánh và dự báo. Nhằm khắc phục vấn đề này, ASTM đã xây dựng tiêu chuẩn E3077, tập trung vào việc chuẩn hóa định dạng và cách thức truyền tải dữ liệu nguyên liệu từ nhà cung cấp đến nhà sản xuất. Tiêu chuẩn này giúp cải thiện khả năng phân tích dữ liệu, tăng độ tin cậy trong dự báo chất lượng và hỗ trợ quản lý rủi ro hiệu quả hơn.

Đáng chú ý, quá trình xây dựng các tiêu chuẩn này không diễn ra một cách khép kín. ASTM đã tăng cường hợp tác với các tổ chức chuyên ngành như BioPhorum – mạng lưới quy tụ các doanh nghiệp dược phẩm sinh học hàng

đầu thế giới. Thông qua các nhóm công tác và hội thảo chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn của ngành được chuyển hóa thành các tiêu chuẩn dựa trên sự đồng thuận, vừa có tính khoa học, vừa phù hợp với thực tế sản xuất.

Cách tiếp cận hợp tác này còn giúp các tiêu chuẩn đi trước các yêu cầu pháp lý, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tuân thủ quy định của các cơ quan quản lý như FDA hay EMA. Khi tiêu chuẩn đã được ngành công nghiệp chấp nhận rộng rãi, quá trình thẩm định và phê duyệt sản phẩm cũng trở nên minh bạch và hiệu quả hơn.

Không chỉ dừng lại ở chất lượng và an toàn, các tiêu chuẩn mới trong lĩnh vực dược phẩm sinh học còn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Việc giảm lãng phí nguyên liệu, tối ưu hóa sử dụng năng lượng và hạn chế chất thải trong sản xuất đang trở thành ưu tiên chung của toàn ngành. ASTM cho biết nhiều nhóm kỹ thuật đang tiếp tục xây dựng các tiêu chuẩn hỗ trợ doanh nghiệp đạt được mục tiêu môi trường song song với yêu cầu kỹ thuật nghiêm ngặt./.

0

## TIÊU CHUẨN MỚI ĐỊNH HÌNH NGÀNH THỜI TRANG “XANH” BỀN VỮNG

**Các tiêu chuẩn mới tập trung vào quy trình thiết kế sản phẩm và mối liên hệ của nó với tác động môi trường của sản phẩm đó.**

Trong bối cảnh khủng hoảng khí hậu, cạn kiệt tài nguyên và áp lực rác thải ngày càng gia tăng trên phạm vi toàn cầu, khái niệm phát triển bền vững không còn là một lựa chọn mang tính đạo đức, mà đã trở thành yêu cầu tất yếu đối với các nền kinh tế và doanh nghiệp. Một trong những hướng tiếp cận đang được quan tâm mạnh mẽ hiện nay là thiết kế theo mô hình vòng lặp kín (closed-loop design) – nền tảng cốt lõi của kinh tế tuần hoàn, nơi sản phẩm và vật liệu không bị “loại bỏ” sau sử dụng mà tiếp tục được tái dùng, tái chế và quay trở lại chu trình giá trị.

Theo ASTM International việc “khép kín vòng lặp” không chỉ là vấn đề xử lý chất thải ở cuối vòng đời, mà quan trọng hơn, phải bắt đầu ngay từ giai đoạn thiết kế sản phẩm. Chính tại thời điểm này, những quyết định then chốt liên quan đến vật liệu, cấu trúc, khả năng sửa chữa, tái sử dụng hay tái chế đã được định hình, qua đó quyết định phần lớn tác động môi trường của sản phẩm trong suốt vòng đời của nó.

Khác với mô hình kinh tế tuyến tính truyền thống “khai thác – sản xuất – tiêu dùng – thải bỏ”, thiết kế vòng lặp kín yêu cầu các nhà thiết kế và nhà sản xuất phải tư duy toàn diện hơn. Sản phẩm không còn được nhìn nhận như một thực thể đơn lẻ, mà là một mắt xích trong hệ sinh thái rộng lớn, nơi mỗi lựa chọn thiết kế đều kéo theo những hệ quả về môi trường, kinh

tế và xã hội. Đây cũng là lý do ASTM nhấn mạnh rằng, thiết kế bền vững không chỉ dừng ở hình thức hay công năng, mà phải bao hàm cả trách nhiệm đối với tài nguyên và hệ sinh thái.



Tuy nhiên, trên thực tế, việc triển khai thiết kế vòng lặp kín vẫn đối mặt với nhiều thách thức. Một trong những khó khăn lớn nhất là sự thiếu thống nhất về thuật ngữ và cách tiếp cận trong lĩnh vực kinh tế tuần hoàn. Các khái niệm như “thiết kế bền vững”, “thiết kế sinh thái” hay “vòng lặp kín” được sử dụng rộng rãi, nhưng lại chưa có khung chuẩn chung để các ngành công nghiệp áp dụng một cách nhất quán. Điều này khiến các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ, gặp lúng túng khi chuyển đổi mô hình sản xuất.

Trước thực tế đó, ASTM đã xây dựng và ban hành tiêu chuẩn E3461 – Hướng dẫn các nguyên tắc thiết kế sản phẩm theo kinh tế tuần hoàn. Tiêu chuẩn này không đưa ra những yêu cầu cứng nhắc, mà đóng vai trò như một khung định hướng linh hoạt, giúp các nhà thiết kế và nhà sản xuất đánh giá toàn diện vòng đời sản phẩm, nhận diện các điểm đánh đổi và đưa ra lựa chọn phù hợp với mục tiêu bền vững. Điểm đáng chú ý của tiêu chuẩn E3461 là cách tiếp cận dựa trên đánh giá đa thuộc tính, thay vì chỉ tập trung vào một yếu tố đơn lẻ như tỷ lệ vật liệu tái chế. Theo đó, các yếu tố như độ bền, khả năng sửa chữa, hiệu quả sử dụng tài

nguyên, tác động môi trường và chi phí kinh tế đều được xem xét song song. Cách tiếp cận này giúp tránh những giải pháp “bền vững nửa vời”, khi cải thiện một khía cạnh nhưng lại làm trầm trọng thêm các khía cạnh khác.

ASTM cũng nhấn mạnh rằng, thiết kế vòng lặp kín không thể là nỗ lực đơn độc của một cá nhân hay một doanh nghiệp. Để vòng lặp thực sự được khép kín, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bên trong chuỗi giá trị, từ nhà cung ứng nguyên liệu, nhà sản xuất, đơn vị phân phối cho đến người tiêu dùng và hệ thống thu hồi, tái chế. Trong bối cảnh đó, các tiêu chuẩn đóng vai trò như “ngôn ngữ chung”, giúp các bên hiểu và phối hợp với nhau hiệu quả hơn.

Bên cạnh khung hướng dẫn chung, ASTM còn phát triển các tiêu chuẩn áp dụng cho những lĩnh vực có tính đặc thù cao. Trong lĩnh vực chăm sóc y tế, nơi các sản phẩm dùng một lần chiếm tỷ lệ lớn và yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, các hướng dẫn mới tập trung vào việc thiết kế sao cho vật liệu có thể được thu hồi và tái chế tốt hơn mà vẫn đảm bảo tiêu chuẩn vô trùng. Trong ngành xây dựng, các tiêu chuẩn hướng tới việc đánh giá vòng đời vật liệu, kéo dài tuổi thọ công trình và giảm phát thải trong suốt quá trình sử dụng.

Nhìn rộng hơn, thiết kế vòng lặp kín không chỉ là một giải pháp kỹ thuật, mà còn phản ánh sự chuyển dịch trong tư duy phát triển. Khi tài nguyên không còn vô hạn và môi trường chịu áp lực ngày càng lớn, việc coi chất thải là nguồn tài nguyên tiềm năng thay vì gánh nặng là bước ngoặt quan trọng. Những tiêu chuẩn mới của ASTM cho thấy nỗ lực cụ thể nhằm biến các khái niệm về kinh tế tuần hoàn thành công cụ thực tiễn, có thể áp dụng trong sản xuất và thiết kế hàng ngày./.

0

## TIÊU CHUẨN PHÂN TÍCH THÉP HỢP KIM THẤP MỚI

**Tiêu chuẩn này sẽ lấp đầy khoảng trống kỹ thuật trong phân tích quang phổ phát xạ nguyên tử plasma ghép nối cảm ứng.**



Trong bối cảnh các ngành công nghiệp chế tạo và xây dựng ngày càng đòi hỏi cao về độ bền, độ an toàn và tính ổn định của vật liệu, ASTM International mới đây đã ban hành một tiêu chuẩn phân tích mới dành cho thép hợp kim thấp. Tiêu chuẩn này được kỳ vọng sẽ nâng cao tính nhất quán, độ chính xác và độ tin cậy trong việc xác định thành phần hóa học của thép – yếu tố then chốt quyết định chất lượng và tuổi thọ của nhiều công trình và sản phẩm công nghiệp.

Tiêu chuẩn mới mang ký hiệu ASTM E3515, do Ủy ban E01 về Hóa học phân tích cho kim loại, quặng và vật liệu liên quan xây dựng và chính thức phê duyệt vào tháng 12/2025. Điểm nổi bật của tiêu chuẩn là việc áp dụng phương pháp quang phổ phát xạ nguyên tử plasma cảm ứng tích hợp (ICP-AES) để phân tích thành phần hóa học của thép hợp kim thấp

– một kỹ thuật hiện đại, cho phép xác định đồng thời nhiều nguyên tố với độ chính xác cao.

Thép hợp kim thấp là vật liệu được sử dụng rộng rãi trong các lĩnh vực quan trọng như ô tô, hàng không, năng lượng, cơ khí chế tạo và xây dựng hạ tầng. Đặc tính cơ lý của loại thép này phụ thuộc chặt chẽ vào hàm lượng các nguyên tố hợp kim như crom, niken, mangan, cũng như sự hiện diện của các tạp chất vi lượng như photpho, chì, asen hay antimon. Chỉ một sai lệch nhỏ trong thành phần hóa học cũng có thể ảnh hưởng đáng kể đến độ bền, khả năng chống ăn mòn và mức độ an toàn của sản phẩm cuối cùng.

Theo ASTM, trước khi E3515 được ban hành, việc phân tích thép hợp kim thấp bằng ICP-AES chưa có một tiêu chuẩn thống nhất, dẫn đến sự khác biệt về kết quả giữa các phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị. Tiêu chuẩn mới ra đời nhằm khắc phục khoảng trống này, tạo ra một khung kỹ thuật chung giúp các phép thử đạt độ lặp lại và khả năng so sánh cao hơn.

Khác với các tiêu chuẩn mang tính quy trình cứng nhắc, ASTM E3515 được xây dựng theo hướng dựa trên hiệu suất. Tiêu chuẩn không bắt buộc một cấu hình thiết bị hay trình tự thao tác cố định, mà tập trung vào việc đảm bảo các yêu cầu về độ chính xác, độ chụm và giới hạn phát hiện của phép đo. Cách tiếp cận này cho phép các phòng thí nghiệm linh hoạt áp dụng công nghệ hiện có, đồng thời vẫn đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật nghiêm ngặt của tiêu chuẩn./.

0

## TUYÊN QUANG XÂY DỰNG HỆ THỐNG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC ĐỂ MINH BẠCH HÓA THỊ TRƯỜNG

Giai đoạn 2026–2030, Tuyên Quang triển khai đồng bộ hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa nhằm nâng cao hiệu quả quản lý chất lượng. Đây được xem là bước đi quan trọng hỗ trợ doanh nghiệp,

thúc đẩy chuyển đổi số và tăng khả năng kết nối thị trường.

UBND tỉnh Tuyên Quang vừa ban hành kế hoạch triển khai hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2026–2030, với



mục tiêu xây dựng cơ chế quản lý hiện đại, minh bạch thông tin và tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Việc triển khai hệ thống được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, gắn với tiến trình chuyển đổi số và ứng dụng khoa học – công nghệ trong quản lý chuỗi cung ứng.

Theo kế hoạch, hệ thống truy xuất nguồn gốc của tỉnh sẽ được xây dựng và vận hành theo hướng tập trung, bảo đảm khả năng kết nối, liên thông với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia. Qua đó, thông tin về nguồn gốc, quá trình sản xuất, lưu thông và phân phối sản phẩm được công khai, minh bạch, góp phần nâng cao niềm tin của người tiêu dùng và tăng tính cạnh tranh của hàng hóa Tuyên Quang trên thị trường.

UBND tỉnh yêu cầu các sở, ngành và địa phương tăng cường công tác tuyên truyền,

hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện truy xuất nguồn gốc đúng quy định; đồng thời phấn đấu đến năm 2030, toàn bộ các sản phẩm, hàng hóa thuộc danh mục ưu tiên của tỉnh được hướng dẫn áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc và kết nối với hệ thống quốc gia.

Kế hoạch xác định 6 nhóm nhiệm vụ trọng tâm, bao gồm: rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến truy xuất nguồn gốc; đẩy mạnh

thông tin, tuyên truyền và phổ biến kiến thức cho doanh nghiệp và người dân; vận hành, nâng cấp và mở rộng hệ thống truy xuất nguồn gốc của tỉnh; tổ chức thu thập dữ liệu, đánh giá thực trạng và nhu cầu áp dụng; hỗ trợ doanh nghiệp triển khai hệ thống; hướng dẫn kết nối với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc quốc gia. Trong quá trình triển khai, Tuyên Quang chú trọng nâng cấp hệ thống theo hướng bảo đảm tính tương tác, an toàn và bảo mật thông tin.

Việc áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sẽ được ưu tiên đối với các sản phẩm chủ lực của địa phương, sản phẩm OCOP, nông sản, thực phẩm, dược liệu, gỗ và những ngành hàng tiềm ẩn rủi ro cao về chất lượng. Song song đó, tỉnh xây dựng các mô hình điểm gắn với xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm và kết nối tiêu thụ, làm cơ sở đánh giá hiệu quả và nhân rộng trong toàn tỉnh./.

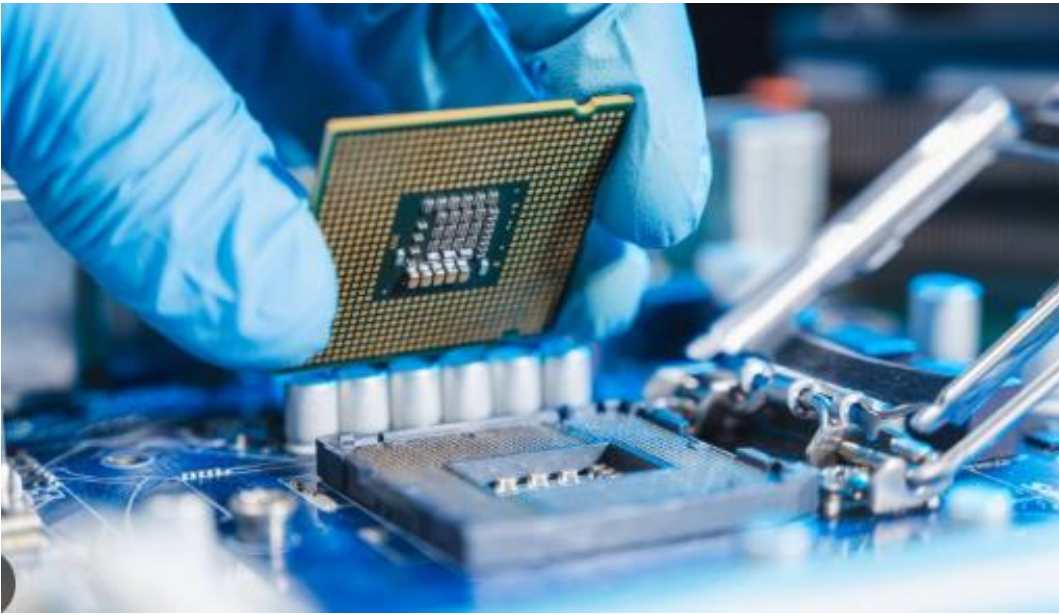
0

## XÂY DỰNG HỆ THỐNG TIÊU CHUẨN QUỐC GIA CHO 11 NHÓM NGÀNH CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC

**Năm 2026, Việt Nam đẩy mạnh xây dựng hệ thống tiêu chuẩn quốc gia cho 11 nhóm ngành công nghệ chiến lược theo định hướng của Chính phủ. Đây là nền tảng quan trọng nhằm hỗ trợ quản lý nhà nước, thúc**

**đẩy đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.**

Trong bối cảnh khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đang trở thành động lực then chốt của tăng trưởng, việc xây dựng hệ thống



triển nhanh như năng lượng, môi trường, công nghệ số, công nghệ tự động hóa, logistics, truy xuất nguồn gốc, báo điện tử, thực tế ảo, phương tiện bay không người lái, robotics thương mại hay các phương pháp kiểm tra, đánh giá phát thải khí nhà kính phù hợp với

tiêu chuẩn quốc gia đồng bộ, hiện đại cho các ngành công nghệ chiến lược được xem là nhiệm vụ cấp thiết. Trên cơ sở Quyết định số 1131/QĐ-TTg ngày 12/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược, năm 2026, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia (Bộ Khoa học và Công nghệ) xác định trọng tâm là phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) cho 11 nhóm ngành công nghệ chiến lược, đáp ứng yêu cầu quản lý, sản xuất và hội nhập quốc tế.

Theo định hướng đặt ra, hệ thống tiêu chuẩn quốc gia trong giai đoạn tới không chỉ phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước mà còn trở thành công cụ hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp và thị trường. Năm 2026, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia đặt mục tiêu xây dựng hệ thống TCVN có khả năng đáp ứng khoảng 70-80% nhu cầu của các lĩnh vực kinh tế, trong đó tập trung vào các ngành công nghệ mũi nhọn, kinh tế số, trí tuệ nhân tạo, sản xuất thông minh, thương mại điện tử, kinh tế dữ liệu và các mô hình kinh doanh mới trên môi trường số.

Trong khuôn khổ kế hoạch này, dự kiến khoảng 400 tiêu chuẩn quốc gia mới sẽ được công bố, tập trung vào các sản phẩm, hàng hóa và lĩnh vực có vai trò nền tảng hoặc tác động lan tỏa lớn đối với nền kinh tế. Nhiều nội dung tiêu chuẩn hướng tới các lĩnh vực đang phát

thông lệ quốc tế. Việc xây dựng các tiêu chuẩn này được kỳ vọng sẽ tạo hành lang kỹ thuật rõ ràng, giúp doanh nghiệp tiếp cận công nghệ mới và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Song song với hoạt động tiêu chuẩn hóa, công tác phát triển hệ thống chuẩn đo lường quốc gia cũng được đẩy mạnh. Trong năm 2026, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia sẽ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt thêm các chuẩn đo lường quốc gia mới, nâng tổng số chuẩn đo lường quốc gia của Việt Nam lên hơn 50 chuẩn. Đây là nền tảng quan trọng để bảo đảm độ chính xác, độ tin cậy trong đo lường, phục vụ sản xuất, thương mại, nghiên cứu khoa học và hội nhập quốc tế.

Bên cạnh đó, việc xây dựng hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI) hiện đại tiếp tục được xác định là nhiệm vụ xuyên suốt. Các hoạt động về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sẽ được triển khai theo hướng tập trung, đồng bộ từ trung ương đến địa phương, gắn chặt với khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Hệ thống tiêu chuẩn quốc gia được định hướng hài hòa với tiêu chuẩn khu vực và quốc tế, đồng thời phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam, qua đó nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ.

Để đạt được mục tiêu này, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia xác định lấy doanh nghiệp làm trung tâm, tăng cường xã

hội hóa hoạt động tiêu chuẩn hóa, đẩy mạnh chuyển đổi số trong toàn bộ quy trình xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn.

Cùng với đó, cơ chế đặt hàng xây dựng tiêu chuẩn từ nhu cầu thực tiễn của quản lý và thị trường sẽ tiếp tục được hoàn thiện, gắn rõ trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương và

cộng đồng doanh nghiệp. Công tác truyền thông, phổ biến tiêu chuẩn cũng được tăng cường nhằm nâng cao nhận thức và hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, tiếp cận và áp dụng hiệu quả các tiêu chuẩn quốc gia./.

*(Thanh Thúy)*

## ĐỀ XUẤT XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN AN TOÀN CHO KHUNG THÀNH BÓNG ĐÁ

**ASTM International vừa đề xuất xây dựng một tiêu chuẩn an toàn và hiệu suất mới dành cho khung thành bóng đá có trọng lượng nhẹ, nhằm lấp khoảng trống tiêu chuẩn kỹ thuật hiện nay và giảm thiểu rủi ro tai nạn trong các hoạt động thể thao cộng đồng, đặc biệt tại trường học và sân chơi phong trào.**



ASTM International mới đây đã công bố kế hoạch phát triển một dự thảo tiêu chuẩn mới dành cho khung thành bóng đá có trọng lượng 40 pounds (khoảng 18 kg) hoặc nhẹ hơn. Dự thảo này được xây dựng trong bối cảnh các loại khung thành nhẹ ngày càng phổ biến, song lại chưa có quy định kỹ thuật cụ thể để đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng.

Theo ASTM, bóng đá là môn thể thao được chơi rộng rãi ở nhiều cấp độ, từ chuyên nghiệp đến phong trào. Tại các trường học, công viên, sân bóng cộng đồng, khung thành nhẹ thường được lựa chọn vì dễ lắp đặt và di chuyển. Tuy nhiên, nếu không được thiết kế và

thử nghiệm phù hợp, các khung thành này có thể tiềm ẩn nguy cơ lật đổ hoặc mất ổn định, gây nguy hiểm cho người chơi, đặc biệt là trẻ em.

Trước đây, ASTM đã ban hành tiêu chuẩn F2950 nhằm quy định yêu cầu an toàn và hiệu suất đối với khung thành bóng đá có trọng lượng lớn hơn 40 pounds. Tiêu chuẩn này chủ

yếu áp dụng cho các cơ sở thể thao và trường học có điều kiện lắp đặt cố định. Tuy nhiên, đối với các khung thành nhẹ hơn, vốn được sử dụng ngày càng nhiều trong thực tiễn, hiện vẫn chưa có tiêu chuẩn riêng, tạo ra khoảng trống trong quản lý an toàn thiết bị thể thao.

Để giải quyết vấn đề này, ASTM đã khởi động dự thảo tiêu chuẩn mang mã WK94637, do Tiểu ban an toàn khung thành bóng đá thuộc Ủy ban sản phẩm tiêu dùng

F15 phụ trách. Tiêu chuẩn dự kiến sẽ đưa ra các yêu cầu cơ bản về thiết kế, cấu trúc và phương pháp thử nghiệm, nhằm đảm bảo khung thành nhẹ đạt mức an toàn và hiệu suất tối thiểu trước khi đưa ra thị trường.

Mục tiêu của tiêu chuẩn mới không chỉ là bảo vệ người chơi mà còn hỗ trợ các nhà sản xuất trong việc thiết kế sản phẩm phù hợp với thông lệ quốc tế. Khi có khung tiêu chuẩn rõ ràng, người tiêu dùng cũng sẽ dễ dàng hơn trong việc lựa chọn thiết bị an toàn, phù hợp với nhu cầu sử dụng tại các sân bóng nhỏ và hoạt động ngoài trời./.

0

## SIẾT CHẶT QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ ĐĂNG KÝ SẢN PHẨM

Dưới sự chỉ đạo sát sao của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, Bộ Y tế đã phối hợp chặt chẽ với các bộ ngành liên quan như Tư pháp, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Công Thương, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ, Tài chính để trình Chính phủ ban hành các văn bản quan trọng. Những quy định mới nhằm thay thế, sửa đổi và bổ sung hướng dẫn Luật An toàn thực phẩm (ATTP) cùng quy định về công bố, đăng ký sản phẩm thực phẩm. Cụ thể, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 66.13/2026/NQ-CP và Nghị định số 46/2026/NĐ-CP, cả hai đều có hiệu lực từ ngày 26 tháng 1 năm 2026.

Đầu tiên, về cải cách TTHC, các quy định mới thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025-2026. Các lĩnh vực như quảng cáo thực phẩm, chỉ định đơn vị kiểm nghiệm, và kiểm tra nhà nước về ATTP nhập khẩu được đơn giản hóa đáng kể. Ví dụ, với quảng cáo thực phẩm, đã cắt giảm 2 TTHC (chiếm 10,5% tổng số), giảm 20% thời gian giải quyết xác nhận nội dung quảng cáo. Đối với chỉ định cơ sở kiểm nghiệm, theo Quyết định 1661/QĐ-TTg ngày 4/10/2021, cắt giảm 60% TTHC, đơn giản hóa 40%, và giảm 33,33% thời gian giải quyết. Tổng cộng, hiện có 39 TTHC về



ATTP thuộc ba bộ chính (Y tế, Nông nghiệp, Công Thương), và đã phân cấp thêm 3 thủ tục liên quan đến kiểm tra ATTP nhập khẩu theo các phương thức giảm, thông thường, chặt thuộc thẩm quyền Bộ Y tế. Kết quả, 31/39 TTHC (79,49%) đã được phân

Những thay đổi này xuất phát từ nhu cầu cải cách thủ tục hành chính (TTHC), tăng cường quản lý để ngăn chặn các vi phạm nghiêm trọng như sản xuất thực phẩm giả, quảng cáo sai sự thật, và nâng cao chất lượng sản phẩm thực phẩm trên thị trường. Theo đó, các văn bản mới tập trung vào ba nội dung chính: cải cách TTHC, phân cấp quản lý cho địa phương, và siết chặt kiểm soát toàn diện từ sản xuất đến lưu thông.

cấp cho địa phương theo các Nghị định 136/2025, 146/2025, 148/2025/NĐ-CP.

Bên cạnh đó, để đối phó với các vụ việc vi phạm nghiêm trọng – như doanh nghiệp lợi dụng kẽ hở trong Nghị định 15/2018/NĐ-CP để sản xuất thực phẩm giả, sữa giả, quảng cáo phóng đại công dụng – các quy định mới tăng cường quản lý toàn diện, kết hợp "tiền kiểm" và "hậu kiểm". Điều này dựa trên kiến nghị từ Viện

Kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ Công an, nhằm kiểm soát cả tiêu chuẩn an toàn lẫn chất lượng.

Ở khâu sản xuất, các yêu cầu được nâng cao đối với một số nhóm sản phẩm nhạy cảm. Các cơ sở sản xuất thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, thực phẩm bổ sung, sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ đến 36 tháng tuổi phải áp dụng các chứng nhận như HACCP, ISO 22000, IFS, BRC, FSSC 22000 hoặc GMP. Cơ sở sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe vẫn duy trì yêu cầu GMP. Quan trọng hơn, để tránh tình trạng công ty thương mại lợi dụng đứng tên công bố sản phẩm mà không ràng buộc với nhà sản xuất, quy định mới buộc cơ sở sản xuất phải đứng tên công bố, chịu trách nhiệm pháp lý toàn diện về hồ sơ và chất lượng sản phẩm.



Về kiểm soát trước lưu thông, quản lý công bố tiêu chuẩn áp dụng (trước đây là tự công bố) được siết chặt. Tổ chức, cá nhân phải công bố đối với thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến, bao bì tiếp xúc trực tiếp nếu chưa có quy chuẩn đầy đủ; vi chất dinh dưỡng; và thực phẩm bổ sung chỉ chứa vitamin, khoáng chất không có health claims. Phiếu kiểm nghiệm phải bao gồm cả chỉ tiêu an toàn và chất lượng. Cơ sở sản xuất công bố theo Điều 23 Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa. Các hồ sơ cũ phải hoàn thiện trong 12 tháng, nếu không sẽ mất hiệu lực. Cơ quan tiếp nhận sẽ đăng tải hồ sơ sau 15 ngày nếu không có ý kiến, nhưng tổ chức cá nhân chịu trách nhiệm hoàn toàn.

Đối với đăng ký bản công bố sản phẩm, áp dụng cho thực phẩm bảo vệ sức khỏe, dinh

dưỡng y học, chế độ ăn đặc biệt, thực phẩm bổ sung (trừ loại chỉ vitamin/khoáng chất), và sản phẩm cho trẻ đến 36 tháng. Hồ sơ đăng ký được bổ sung chặt chẽ hơn, học hỏi kinh nghiệm từ Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Mỹ, bao gồm thành phần, quy trình sản xuất, bao bì, công dụng. Cơ quan thẩm định trong 90 ngày, có thể thành lập tiểu ban hoặc hội đồng tư vấn. Hồ sơ cũ phải hoàn thiện trong 24 tháng, sản phẩm cũ được lưu thông đến hết hạn sử dụng.

Ngoài ra, đối với sản phẩm có quy chuẩn đầy đủ, tiến hành đăng ký hợp quy. Một số trường hợp miễn công bố như sản phẩm xuất khẩu, nội bộ, viện trợ, kiểm nghiệm, nghiên cứu. Về kiểm tra nhập khẩu, bỏ miễn kiểm tra đối với sản phẩm đã đăng ký; sửa đổi phương thức kiểm tra giảm (kiểm tra 100% hồ sơ), thông thường (kiểm tra hồ sơ + mẫu cảm quan), chặt (kiểm tra 100% chỉ tiêu). Sản phẩm xuất khẩu chuyển tiêu thụ nội địa phải tuân thủ như nhập khẩu.

Ở khâu hậu kiểm, quy định mới bổ sung rõ ràng khái niệm này, học theo mô hình FDA Mỹ. Các bộ và UBND tỉnh xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ, đột xuất; cơ sở kiểm nghiệm chủ động lấy mẫu giám sát trong 30 ngày sau đăng ký. Bổ sung thu hồi giấy tờ nếu vi phạm. Đặc biệt, tăng cường quản lý quảng cáo trên sàn TMĐT và mạng xã hội: yêu cầu công khai hồ sơ, giám sát người ảnh hưởng, trách nhiệm liên đới của sàn; xây dựng bộ quy tắc ứng xử quảng cáo. Các bộ liên quan rà soát quy chuẩn, tiêu chuẩn để kiểm soát chất lượng sữa và thực phẩm chức năng.

Những thay đổi này được kỳ vọng sẽ tạo môi trường kinh doanh lành mạnh, bảo vệ người tiêu dùng, đặc biệt trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ mang thai. Với việc phân cấp và số hóa, thời gian xử lý TTHC giảm đáng kể, góp phần thúc đẩy kinh tế. Tuy nhiên, doanh nghiệp cần nhanh chóng cập nhật để tránh vi phạm. Bộ Y tế cam kết giám sát chặt chẽ để đảm bảo hiệu quả thực thi./.

0

## **NGHỊ ĐỊNH 36/2026/NĐ-CP SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN, THỬ NGHIỆM PHƯƠNG TIỆN ĐO, CHUẨN ĐO LƯỜNG**

**Để tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực đo lường, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026. Văn bản này sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP (ngày 01/7/2016) quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường. Nghị định 105 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 154/2018/NĐ-CP và Nghị định 133/2025/NĐ-CP về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN).**



Nghị định mới tập trung hoàn thiện các quy định về điều kiện hoạt động, thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký, trách nhiệm quản lý nhà nước và nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm (gọi tắt là tổ chức cung cấp dịch vụ). Mục tiêu là nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, đảm bảo tính chính xác, khách quan, minh bạch trong hoạt động đo lường – lĩnh vực quan trọng đối

với sản xuất, kinh doanh, thương mại và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Một trong những nội dung trọng tâm là sửa đổi, bổ sung Điều 3 về điều kiện hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm. Theo đó, tổ chức phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau:

Thứ nhất, có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam.

Thứ hai, có đủ cơ sở vật chất, kỹ thuật (bao gồm chuẩn đo lường, phương tiện, điều kiện môi trường) phù hợp với quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm do tổ chức công bố áp dụng. Quy trình này phải phù hợp với hướng dẫn của cơ quan nhà nước về đo lường

thuộc Bộ KH&CN, khuyến nghị quốc tế của Tổ chức Đo lường Pháp định Quốc tế (OIML), tiêu chuẩn của Ủy ban Kỹ thuật Điện Quốc tế (IEC), Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế (ISO), hoặc tài liệu của nhà sản xuất liên quan.

Thứ ba, có ít nhất 01 nhân viên kỹ thuật đáp ứng: là viên chức hoặc người lao động ký hợp đồng lao động từ 12 tháng trở lên (xác định thời hạn) hoặc không xác định thời hạn; tốt nghiệp trung cấp trở lên; có giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng, tập huấn chuyên

môn, nghiệp vụ theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước về đo lường.

Thứ tư, đảm bảo tính độc lập, khách quan: công khai minh bạch quy trình qua trang thông tin điện tử, trụ sở hoặc địa điểm hoạt động; người đứng đầu và nhân viên kỹ thuật phải tuân thủ hệ thống quản lý, quy trình đã công bố, chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả.

Thứ năm, thiết lập và duy trì hệ thống quản lý phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN

ISO/IEC 17025 đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.

Thứ sáu, đã nộp hồ sơ đăng ký và được cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ theo quy định.

Đối với tổ chức được chỉ định kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm (thường liên quan đến phương tiện đo nhóm 2 và chuẩn đo lường dùng trực tiếp kiểm định nhóm 2), Nghị định sửa đổi Điều 4 với các yêu cầu chặt chẽ hơn. Ngoài các điều kiện cơ bản tương tự, bổ sung yêu cầu về chuẩn công tác, chất chuẩn phải được hiệu chuẩn, thử nghiệm hoặc so sánh tại tổ chức phù hợp trong nước hoặc nước ngoài được công nhận, chứng nhận theo Luật Đo lường. Nhân viên kiểm định phương tiện đo nhóm 2 phải được chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường. Đặc biệt nhấn mạnh trách nhiệm của người đứng đầu và nhân viên: không chịu tác động, chi phối từ bất kỳ tổ chức, cá nhân nào; chịu trách nhiệm trực tiếp về tính chính xác, khách quan của kết quả.

Một điểm nổi bật khác là cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp. Thẩm quyền cấp, cấp lại, chấm dứt hiệu lực giấy chứng nhận đăng ký được phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Thời gian giải quyết rút ngắn: trong 05 ngày làm việc (giảm từ 07 ngày) kể từ nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cấp giấy chứng nhận (theo Mẫu số 03 Phụ lục). Nếu hồ

sơ không hợp lệ, thông báo trong 03 ngày (giảm từ 05 ngày). Hồ sơ nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa, qua bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Nghị định cũng quy định chi tiết về cấp lại giấy chứng nhận trong các trường hợp thu hẹp phạm vi, mất/hư hỏng bản giấy, bổ sung lĩnh vực, mở rộng phạm vi, điều chỉnh thông tin do hợp nhất, sáp nhập, đổi tên, thay đổi địa chỉ... Đồng thời làm rõ trường hợp cấp lại sau khi giấy bị chấm dứt hiệu lực nhưng tổ chức đã khắc phục xong.

Ngoài ra, Nghị định thay thế, bãi bỏ một số quy định không còn phù hợp của các Nghị định trước; quy định rõ trách nhiệm của Bộ KH&CN trong hướng dẫn, quản lý, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đo lường; yêu cầu tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ chuyên môn, công khai giá dịch vụ, lưu trữ hồ sơ, báo cáo định kỳ.

Với những sửa đổi này, Nghị định 36/2026/NĐ-CP được kỳ vọng sẽ thúc đẩy môi trường kinh doanh minh bạch, nâng cao năng lực tổ chức đo lường, góp phần bảo vệ chất lượng sản phẩm, hàng hóa và hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội. Các tổ chức liên quan cần nhanh chóng cập nhật để tuân thủ, tránh vi phạm. Nghị định có hiệu lực từ ngày ban hành (23/01/2026)./.

0

## **NGHỊ ĐỊNH 37/2026/NĐ-CP: ĐẨY MẠNH ỨNG DỤNG MÃ SỐ, MÃ VẠCH VÀ HỆ CHIẾU SỐ TRONG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA**

**Nhằm thúc đẩy chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa và hỗ trợ phát triển kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 37/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Nghị định chính thức có hiệu lực từ ngày 23 tháng 1 năm 2026, với trọng tâm là khuyến khích ứng dụng công nghệ hiện đại như mã số, mã vạch, hệ**

**chiếu số sản phẩm trong toàn bộ chuỗi cung ứng.**

Nghị định nhấn mạnh việc xây dựng và ứng dụng nền tảng công nghệ số để thu thập, lưu trữ và chia sẻ thông tin chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Cụ thể, Chính phủ khuyến khích tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sử dụng các loại mã như mã hóa một chiều, mã QR, mã hai chiều dạng ma trận dữ liệu (Datamatrix), công nghệ RFID, NFC và các công

nghe phù hợp khác. Đặc biệt, ưu tiên kết hợp trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT) để theo dõi dữ liệu chất lượng xuyên suốt chuỗi cung ứng.



Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) được giao ban hành hướng dẫn cung cấp thông tin chất lượng, đảm bảo kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp và người dân, phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế.

Một nội dung quan trọng là khuyến khích ứng dụng mã số, mã vạch trong quản lý chất lượng và truy xuất nguồn gốc. Tổ chức, cá nhân có quyền tự quyết định áp dụng trên nền tảng công nghệ như blockchain, IoT, AI hoặc các công nghệ mới. Khi lựa chọn sử dụng, phải tuân thủ các quy định tại Nghị định. Hệ thống truy xuất nguồn gốc phải đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế, khu vực hoặc cơ sở, được công bố hợp chuẩn hoặc hợp quy (nếu có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan).

Dữ liệu truy xuất bao gồm: tên sản phẩm, hình ảnh, tên và địa chỉ đơn vị sản xuất/kinh doanh, xuất xứ, thương hiệu, số lô/mẻ/sê-ri, hạn sử dụng (nếu có).

Về quản lý nhà nước, Bộ KH&CN chịu trách nhiệm chính: quy định hệ thống truy xuất kết nối dữ liệu, xây dựng tiêu chuẩn/quy chuẩn về mã số, mã vạch và truy xuất nguồn gốc; vận hành Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc quốc gia; quản lý nền tảng định danh, xác thực và

truy xuất; hỗ trợ nâng cao năng lực kỹ thuật cho các ngành, địa phương; kiểm tra, xử lý vi phạm.

Các bộ quản lý ngành phối hợp với Bộ KH&CN triển khai truy xuất trong lĩnh vực mình, kết nối với cổng quốc gia, quản lý hồ sơ số và xử lý vi phạm. UBND tỉnh, thành phố kiểm tra tại địa phương. Bộ Công an phối hợp xây dựng, vận hành nền tảng quốc gia về định danh và truy xuất.

Nghị định cũng quy định triển khai hộ chiếu số sản phẩm và nhãn điện tử hàng hóa – bước tiến quan trọng trong quản lý chất lượng hiện đại. Hộ chiếu số phải bao gồm nội dung tối thiểu: tên sản phẩm, mã GTIN, thông tin đơn vị sản xuất/nhập khẩu/kinh doanh, xuất xứ, truy xuất nguồn gốc, chứng nhận hợp chuẩn/hợp quy, ngày sản xuất, hạn sử dụng, cảnh báo an toàn và các thông tin khác theo yêu cầu quản lý.

Hộ chiếu số được thiết lập dưới dạng dữ liệu điện tử, gắn với mã định danh duy nhất, thông tin phải trung thực, đầy đủ, cập nhật kịp thời và kết nối với cổng quốc gia. Tổ chức, cá nhân có thể dùng hộ chiếu số thay thế nhãn điện tử nếu đầy đủ nội dung ghi nhãn bắt buộc.

Bộ KH&CN chủ trì, phối hợp các bộ ngành trình Thủ tướng phê duyệt lộ trình áp dụng hộ chiếu số cho các sản phẩm, hàng hóa cụ thể. Doanh nghiệp được khuyến khích áp dụng sớm để nâng cao tính minh bạch, cạnh tranh và đáp ứng thông lệ quốc tế.

Với Nghị định 37/2026/NĐ-CP, Việt Nam đang đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý chất lượng, góp phần bảo vệ người tiêu dùng, thúc đẩy sản xuất kinh doanh bền vững và hội nhập sâu rộng. Các doanh nghiệp cần chủ động cập nhật, ứng dụng công nghệ để tận dụng cơ hội từ chính sách này./.

0

## TÁI CHẾ RÁC THẢI NHỰA THEO CÔNG NGHỆ VÀ TIÊU CHUẨN: GIẢI PHÁP GIẢM Ô NHIỄM, PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

**Rác thải nhựa gia tăng, chứa hóa chất độc hại và vi nhựa xâm nhập môi trường, cơ thể con người. Việc tái chế theo công nghệ và tiêu chuẩn đúng cách là giải pháp giảm ô nhiễm, phát triển bền vững.**



Hàng năm tại Việt Nam ước tính có khoảng 1,8 triệu tấn rác thải nhựa thải ra môi trường, trong đó từ 0,28 đến 0,73 triệu tấn chảy ra biển, chỉ khoảng 27% lượng nhựa được tái chế. Sự gia tăng không kiểm soát của rác thải nhựa, cùng hàng loạt hóa chất độc hại và vi nhựa đã và đang xâm nhập vào môi trường và cơ thể người.

Rác thải như chai nhựa có thể mất từ 450 đến 1.000 năm, ống hút hoặc nắp chai có thể mất 100-500 năm mới phân hủy hoàn toàn. Trong khi đó, ngành tái chế nhựa tại Việt Nam hiện vẫn còn nhỏ lẻ, công nghệ lạc hậu, phân loại rác chưa thực sự hiệu quả: có tới 90% rác nhựa bị chôn, lấp hoặc đốt, chỉ khoảng 10% được tái chế đúng cách.

Tác hại của nhựa và vi nhựa đến sức khỏe con người không thể xem nhẹ. Nhựa tái chế nếu không được kiểm soát có thể chứa BPA, phthalate, kim loại nặng như chì, cadmium; vi nhựa có thể xâm nhập cơ thể qua đường hô hấp, tiêu hóa và tích tụ lâu dài, dẫn đến căng

thẳng oxy hóa, rối loạn chuyển hoá, thậm chí là ung thư hay các bệnh tim mạch, vô sinh.

Vì vậy, việc sản xuất, sử dụng và tái chế nhựa phải thực hiện theo các tiêu chuẩn kỹ thuật, kiểm tra nghiêm ngặt và phân loại chất thải từ nguồn.

Một hướng đi đang được nhiều quốc gia và doanh nghiệp khởi xướng là biến rác thải nhựa thành vật liệu xây dựng, vật dụng nội thất, sản phẩm composite từ nhựa tái chế kết hợp với bột gỗ hoặc vật liệu khác, đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế. Khi nhựa tái chế được quy chuẩn sản xuất theo tiêu chuẩn kỹ thuật, được kiểm định, xử lý và tái sử dụng đúng chất lượng thì vừa giảm tải rác thải, vừa tiết kiệm tài nguyên,

vừa chủ động tạo chuỗi giá trị từ môi trường đến kinh tế.

Theo ông Lê Hoài Nam, Phó Giám đốc dự án “Lồng ghép chống chịu biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường để phát triển các đô thị xanh” do Bộ Nông nghiệp và Môi trường triển khai thí điểm, việc ứng dụng công nghệ sản xuất gỗ nhựa composite từ hạt nhựa tái chế không chỉ mang lại lợi ích kinh tế mà còn góp phần giải quyết vấn đề rác thải nhựa, phù hợp xu hướng sản xuất sạch hơn và kinh tế tuần hoàn. Thành công trong thí điểm là tiền đề quan trọng để khuyến khích nhân rộng mô hình ra nhiều địa phương, góp phần giải quyết một trong những vấn đề môi trường nhức nhối nhất hiện nay là rác thải nhựa.

Tuy nhiên để đạt hiệu quả cần ba nhóm giải pháp đồng bộ: Khung pháp lý và tiêu chuẩn. Cần xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn quốc gia về nhựa tái chế - xác định rõ loại nhựa được tái chế, yêu cầu chất lượng, kiểm định, ghi nhãn và chứng nhận sản phẩm cuối. Đầu tư công nghệ

tái chế hiện đại, thiết lập hệ thống thu gom – phân loại – tái chế sạch sẽ, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và môi trường.

Doanh nghiệp sản xuất nhựa tái chế phải đáp ứng tiêu chuẩn, kiểm soát chất lượng đầu vào và đầu ra. Hỗ trợ sản phẩm nhựa tái chế đạt chuẩn bằng chính sách ưu đãi thuế, hỗ trợ đổi mới công nghệ; đồng thời nâng cao nhận thức cộng đồng về phân loại rác, ưu tiên sử dụng vật liệu từ nhựa tái chế đạt chuẩn.

Khi ba yếu tố này được thực hiện đồng bộ, việc biến rác thải nhựa thành nguồn nguyên liệu sạch và sản phẩm giá trị cao sẽ không chỉ là giải pháp môi trường mà còn là động lực phát triển kinh tế xanh. Việt Nam có cơ hội chuyển từ “người chịu thua” trước ô nhiễm nhựa sang “chủ động biến thách thức thành cơ hội”, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và môi trường

sống lành mạnh cho thế hệ tương lai.

Liên quan tới việc tái chế nhựa, trước đó, Bộ Nông nghiệp và Môi trường phối hợp Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) thông qua Chương trình Đối tác hành động quốc gia về nhựa (NPAP) Việt Nam cùng Đại sứ quán Na Uy tổ chức hưởng ứng Ngày Môi trường Thế giới 2025 với thông điệp "Đánh bại ô nhiễm nhựa".

Dự kiến, nếu được thực thi hiệu quả, Hệ thống Đặt cọc hoàn trả sẽ chuyển hướng tới 77.000 tấn chất thải bao bì khỏi các bãi chôn lấp hàng năm, cắt giảm 265.000 tấn phát thải CO<sub>2</sub>e, đồng thời tạo ra khoảng 6.400 việc làm chính thức và 9.600 cơ hội trong khu vực lao động tự do về rác thải./.

0

## **BỘ KH&CN KỲ VỌNG NGHỊ ĐỊNH 263 TẠO CÚ HÍCH LỚN CHO PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ**

**Bộ KH&CN kỳ vọng cơ chế chính sách mới tại Nghị định 263 sẽ là "chìa khóa" mở cánh cửa thu hút nhân tài quốc tế chất lượng cao, xóa bỏ các rào cản hành chính về lương, thu nhập, từ đó tạo ra một cú hích thực sự cho sự phát triển của khoa học công nghệ Việt Nam.**

**Nghị định 263 tháo gỡ nhiều nút thắt**

Mới đây, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 263/2025/NĐ-CP (gọi tắt là Nghị định 263) ngày 14/10/2025 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST) về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực KH,CN&ĐMST. Đây được xem là một bước đi mang tính đột phá, mở ra hành lang pháp lý thông thoáng, trao quyền nhiều hơn cho các tổ chức KH&CN, giúp họ chủ động trong hoạt động và gắn kết chặt chẽ với thị trường.

Theo đại diện Vụ Tổ chức cán bộ (Bộ KH&CN), Nghị định 263 thể chế hóa quy định tại Luật KH,CN&ĐMST năm 2025 đối với tổ

chức và hoạt động của tổ chức KH&CN công lập: “Nhà nước đầu tư cơ sở vật chất, hỗ trợ kinh phí hoạt động, giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho tổ chức KH&CN công lập về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính, hợp tác quốc tế, liên doanh, liên kết”.

Về tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập trong quản lý nhân lực, Nghị định 263 giao quyền cho các tổ chức KH&CN công lập được quyết định việc tuyển dụng, quản lý, sử dụng viên chức và người lao động theo quy định khi tổ chức có phòng, ban hoặc viên chức chuyên trách công tác tổ chức, cán bộ (Điều 8 Nghị định 263). Quy định mới này giúp các tổ chức KH&CN công lập hoàn toàn chủ động tháo gỡ các nút thắt trong việc tuyển dụng, quản lý, sử dụng viên chức và người lao động của tổ chức.

Về bình đẳng quyền lợi trong tổ chức KH&CN công lập của Người lao động lâu nay chỉ ăn lương từ đề tài nghiên cứu, Điều 14 Nghị định 263 quy định tổ chức KH&CN công lập tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tiền lương và thu nhập cho viên chức và cả người lao động trên



ơ sở cơ chế chi trả 04 loại tiền lương và thu nhập, gồm: lương cơ bản; lương tự chủ của tổ chức; thu nhập tăng thêm; thu nhập cho viên chức và người lao động là tác giả của kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo được thương mại hóa. Quy định cụ thể về chi trả tiền lương và thu nhập cho viên chức và người lao động của tổ chức KH&CN công lập được thảo luận dân chủ và ban hành công khai tại Quy chế hoạt động nội bộ của tổ chức.

Về cơ chế giám sát việc tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập: Để giúp tổ chức KH&CN công lập tự kiểm soát việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm toàn diện, Nghị định 263 quy định tổ chức có trách nhiệm thiết lập, duy trì và tổ chức thực hiện cơ chế tự kiểm soát, quy định tổ chức KH&CN công lập phải bố trí bộ phận, hoặc cá nhân, hoặc thuê tư vấn, kiểm toán độc lập thực hiện các nội dung tự kiểm soát (Điều 6 Nghị định 263). Bên cạnh đó, Chính phủ cũng giao Bộ KH&CN có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định.

### **Bước tiến trong chính sách đãi ngộ, thu hút chuyên gia quốc tế**

Trong đó, riêng đối với cơ chế giao quyền cho các tổ chức KH&CN công lập được quyết định việc tuyển dụng, quản lý, sử dụng viên chức và người lao động theo quy định khi tổ chức có phòng, ban hoặc viên chức chuyên trách công tác tổ chức, cán bộ, Vụ Tổ chức cán bộ cho biết, khi rào cản tài chính được gỡ bỏ, các tổ chức KH&CN Việt Nam có thể cạnh tranh để thu hút người Việt Nam định cư ở nước ngoài và các chuyên gia người nước ngoài.

Cơ chế này cho phép đưa ra các "gói" đãi ngộ (lương, nhà ở, điều kiện làm việc) đủ hấp dẫn để thuyết phục các nhà khoa học có tên tuổi về Việt Nam làm việc. Chỉ có cơ chế đãi ngộ "vượt khung", theo thỏa thuận mới có thể tiếp cận được nhóm nhân lực tinh hoa này.

Nghị định 263 cho phép tổ chức KH&CN công lập chủ động thu hút chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài tham gia hoạt động nghiên cứu, phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo, đào tạo nhân lực và các hoạt động chuyên môn khác tại tổ chức; được quyền

thuê chuyên gia, nhà khoa học là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, là người nước ngoài đảm nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý tại tổ chức KH&CN công lập.

Cơ chế thu hút nhân lực KH,CN&ĐMST nước ngoài của Nghị định 263 nhằm tạo ra "sự trở về" của các nhà khoa học Việt Nam ở nước ngoài, kết nối KH,CN&ĐMST Việt Nam với thế giới, giúp Việt Nam hội nhập sâu và rộng hơn vào chuỗi giá trị và mạng lưới nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo toàn cầu, giải quyết các bài toán chiến lược của đất nước, góp phần giúp Việt Nam phát triển mạnh mẽ hơn trong giai đoạn vươn mình hiện nay.

Mặt khác, khi thu hút được các chuyên gia hàng đầu, Bộ KH&CN kỳ vọng họ sẽ tiếp thu tri thức và kinh nghiệm tiên tiến: Các nhà khoa học này mang theo không chỉ kiến thức chuyên môn sâu rộng mà còn là kinh nghiệm làm việc trong môi trường nghiên cứu đẳng cấp quốc tế, phương pháp luận hiện đại, và mạng lưới kết nối toàn cầu.

Tạo động lực nội sinh mạnh mẽ: Sự trở về của các nhân tài sẽ mang theo kiến thức, kinh nghiệm, tư duy đổi mới, và mạng lưới quan hệ quốc tế, trực tiếp nâng cao năng lực nghiên cứu, phát triển công nghệ trong nước.

Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia: Đội ngũ nhân tài mạnh mẽ là yếu tố cốt lõi để Việt Nam làm chủ công nghệ lõi, tự chủ sản xuất các sản phẩm công nghệ cao, giảm phụ thuộc vào nước ngoài và nâng cao vị thế trên bản đồ công nghệ toàn cầu. Đồng thời, kết nối Việt Nam với thế giới: Họ là cầu nối quan trọng giúp Việt Nam hội nhập sâu rộng hơn vào chuỗi giá trị và mạng lưới nghiên cứu khoa học toàn cầu.

Bộ KH&CN kỳ vọng cơ chế chính sách mới tại Nghị định 263 sẽ là "chìa khóa" mở cánh cửa thu hút nhân tài quốc tế chất lượng cao, xóa bỏ các rào cản hành chính về lương, thu nhập, từ đó tạo ra một cú hích thực sự cho sự phát triển của khoa học công nghệ Việt Nam./.

0

## HOÀN THIỆN HỆ THỐNG TIÊU CHUẨN, DẪN DẮT PHÁT TRIỂN AI VÀ BẢO ĐẢM AN NINH MẠNG

**Trước bối cảnh trí tuệ nhân tạo (AI) phát triển mạnh mẽ, làm gia tăng nguy cơ và mức độ tinh vi của các cuộc tấn công mạng, việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn quốc gia cho AI và an ninh mạng đang trở thành yêu cầu cấp thiết.**

Báo cáo tình hình nguy cơ an toàn thông tin tại Việt Nam quý III năm 2025 của Công ty An ninh mạng Viettel ghi nhận nhiều con số đáng lo ngại khi gần 6,5 triệu tài khoản cá nhân bị đánh cắp, gần 4.000 tên miền lừa đảo được phát hiện và hơn 547.000 cuộc tấn công DDoS. Đáng chú ý, nhiều cuộc tấn công đã có sự hỗ trợ của trí tuệ nhân tạo, làm gia tăng đáng kể mức độ nguy hiểm và khó kiểm soát.

Trước thực tế đó, các chuyên gia cho rằng, cùng với việc thúc đẩy ứng dụng AI, Việt Nam

cần sớm hoàn thiện hệ thống bảo đảm an toàn thông tin – an ninh mạng tương xứng, trong đó tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật đóng vai trò nền tảng.

Thời gian qua, Bộ KH&CN đã phối hợp với các bộ, ngành xây dựng và ban hành nhiều Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) liên quan đến AI, như TCVN 14365:2025 về tổng quan các phương pháp tính toán cho hệ thống AI; TCVN ISO/IEC 42001:2025 về hệ thống quản lý trí tuệ nhân tạo; TCVN 14364:2025 về khung cho hệ thống AI sử dụng học máy. Đến nay, Bộ KH&CN đã ban hành, công bố rộng rãi danh mục tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) liên quan đến 6 sản phẩm công nghệ chiến lược gồm: AI Camera xử lý tại biên, Robot di động tự hành, thiết bị bay không người lái (UAV), hạ tầng mạng Blockchain và các lớp ứng dụng truy xuất

nguồn gốc, Hệ thống & thiết bị mạng 5G, Mô hình ngôn ngữ lớn & Trợ lý ảo tiếng Việt. Việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trí tuệ nhân tạo và an toàn thông tin – an ninh mạng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, nhằm chuẩn hóa các yêu cầu kỹ thuật, quy trình bảo vệ, giám sát, ứng phó và kiểm định an ninh mạng cho các hệ thống thông tin.

Đặc biệt, TCVN 14423:2025 “An ninh mạng – Yêu cầu đối với hệ thống thông tin quan trọng” được đánh giá là bộ tiêu chuẩn kỹ thuật đầu tiên của Việt Nam quy định một cách toàn diện các yêu cầu bảo đảm an ninh mạng đối với hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước và các hệ thống trọng yếu liên quan đến an ninh quốc gia.

Theo Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia (Bộ KH&CN), trên cơ sở Quyết định số 1131/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ xác định 11 nhóm công nghệ chiến lược, yêu cầu đặt ra hiện nay là phải sớm xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho các lĩnh vực ưu tiên, đặc biệt là những công nghệ mới nổi có tác động lan tỏa lớn tới phát triển kinh tế – xã hội.

Cùng với AI và an toàn thông tin – an ninh mạng, nhiều tiêu chuẩn quốc gia cũng đã được xây dựng cho các lĩnh vực như đô thị thông

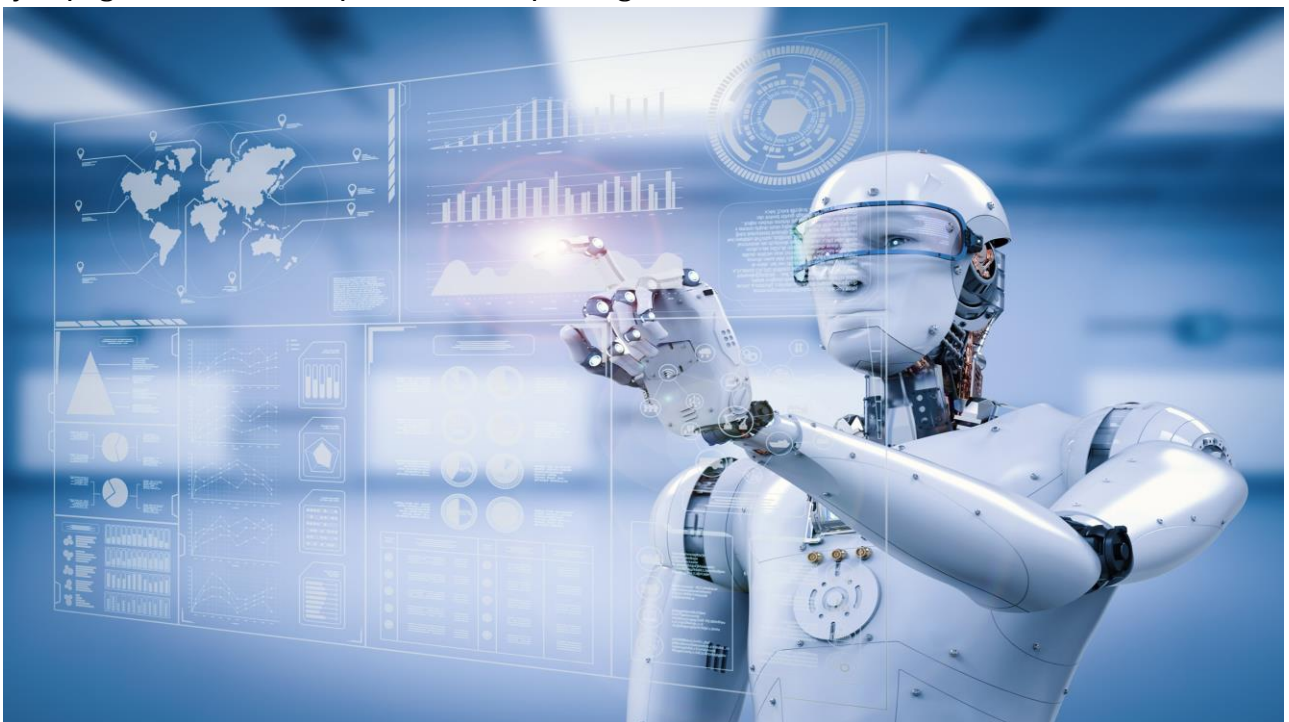
minh, blockchain, nền tảng dữ liệu và dữ liệu mở. Đây được xem là nền tảng kỹ thuật quan trọng, bảo đảm các công nghệ mới phát triển an toàn, đồng bộ và bền vững.

Theo định hướng của Bộ KH&CN, tiêu chuẩn không chỉ là công cụ quản lý kỹ thuật mà cần được coi là công cụ chiến lược để định hướng và dẫn dắt phát triển công nghệ. Cách tiếp cận này thể hiện sự chuyển dịch từ tư duy “đi sau để quản lý” sang “đi trước để kiến tạo”, góp phần hình thành hệ sinh thái công nghệ đồng bộ và nâng cao năng lực tự chủ công nghệ quốc gia.

Việc xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn được triển khai theo hướng mở, linh hoạt, phù hợp thông lệ quốc tế, đẩy mạnh chấp nhận, chuyển đổi và hài hòa hóa các tiêu chuẩn quốc tế, qua đó rút ngắn thời gian tiếp cận công nghệ mới và giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp.

Tiêu chuẩn chỉ phát huy hiệu quả khi gắn với sản phẩm cụ thể và doanh nghiệp cụ thể – những chủ thể trực tiếp nghiên cứu, phát triển và đưa công nghệ vào thị trường. Trên cơ sở đó, lộ trình triển khai được thiết kế theo các bước chặt chẽ, từ rà soát tiêu chuẩn hiện có, xác định doanh nghiệp đồng hành đến xây dựng và hoàn thiện TCVN phù hợp với thực tiễn./.

0



## CÁC TIÊU CHUẨN MỚI CẬP NHẬT TRONG THÁNG 01/2025

### ❖ **TIÊU CHUẨN QUỐC GIA**

#### **Sửa đổi 1:2025 TCVN I-1:2017**

Bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc  
- Phần 1: Phương pháp kiểm  
nghiệm thuốc

Số trang: 62

#### **Sửa đổi 1:2025 TCVN I-2:2017**

Bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc  
- Phần 2: Nguyên liệu hóa dược

Số trang: 26

#### **Sửa đổi 1:2025 TCVN I-3:2017**

Bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc  
- Phần 3: Thành phẩm hóa dược

Số trang: 22

#### **Sửa đổi 1:2025 TCVN I-4:2017**

Bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc  
- Phần 4: Dược liệu và thuốc từ  
dược liệu

Số trang: 80

#### **Sửa đổi 1:2025 TCVN I-5:2017**

Bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc  
- Phần 5: Vắc xin và sinh phẩm y  
tế

Số trang: 20

#### **Sửa đổi 1:2025 TCVN IV:2015**

Bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc

Số trang: 28

#### **Sửa đổi 1:2025 TCVN VI:2017**

Bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc

Số trang: 22

#### **Sửa đổi 2:2025 TCVN I-1:2017**

Bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc  
- Phần 1: Phương pháp kiểm  
nghiệm thuốc

Số trang: 50

#### **Sửa đổi 2:2025 TCVN IV:2015**

Bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc

Số trang: 16

#### **Sửa đổi 2:2025 TCVN V:2017**

Bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc

Số trang: 26

#### **Sửa đổi 2:2025 TCVN VI:2017**

Bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc

Số trang: 14

#### **Sửa đổi 3:2025 TCVN I-1:2017**

Bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc  
- Phần 1: Phương pháp kiểm  
nghiệm thuốc

Số trang: 182

#### **TCVN 12469-11:2025**

Gà giống nội - Phần 11: Gà Kiến

Số trang: 12

#### **TCVN 14300-5:2025**

Tấm nhiều lớp ép áp lực cao  
(HPL, HPDL) – Loại sử dụng  
nhựa nhiệt rắn (thường gọi là  
tấm laminate) – Phần 5: Phân  
loại và yêu cầu kỹ thuật cho tấm  
laminate có chiều dày nhỏ hơn 2  
mm được dán với tấm nền sử  
dụng làm ván lát sàn nhiều lớp

Số trang: 16

#### **TCVN 14300-6:2025**

Tấm nhiều lớp ép áp lực cao  
(HPL, HPDL) – Loại sử dụng  
nhựa nhiệt rắn (thường gọi là  
tấm laminate) – Phần 6: Phân  
loại và yêu cầu kỹ thuật cho tấm  
laminate cứng (compact  
laminate) có chiều dày lớn hơn  
hoặc bằng 2 mm sử dụng ngoài  
trời

Số trang: 18

#### **TCVN 14300-7:2025**

Tấm nhiều lớp ép áp lực cao  
(HPL, HPDL) – Loại sử dụng  
nhựa nhiệt rắn (thường gọi là  
tấm laminate) – Phần 7: Phân  
loại và yêu cầu kỹ thuật cho tấm

laminate có bề mặt trang trí  
theo thiết kế

Số trang: 30

#### **TCVN 14300-8:2025**

Tấm nhiều lớp ép áp lực cao  
(HPL, HPDL) – Loại sử dụng  
nhựa nhiệt rắn (thường gọi là  
tấm laminate) – Phần 8: Phân  
loại và yêu cầu kỹ thuật cho tấm  
laminate có lõi khác loại

Số trang: 24

#### **TCVN 14384:2025**

Thạch cao và sản phẩm thạch  
cao – Phương pháp phân tích  
hóa học

Số trang: 47

Thay thế: TCVN 8654:2011

#### **TCVN 14385:2025**

Kính xây dựng – Kính dán quang  
điện mặt trời sử dụng trong  
công trình xây dựng

Số trang: 21

#### **TCVN 14486:2025**

Quy trình khảo nghiệm sản  
phẩm xử lý chất thải chăn nuôi

Số trang: 16

#### **TCVN 14581:2025**

Thực phẩm Halal – Yêu cầu đối  
với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn  
uống

Số trang: 17

#### **TCVN X:2025**

Bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc

#### **TCVN XI-1:2025**

Bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc  
- Phần 1: Phương pháp kiểm  
nghiệm thuốc

Số trang: 40

#### **TCVN XI-2:2025**

Bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc

– Phần 2: Nguyên liệu hóa dược  
Số trang: 40

**TCVN XI-3:2025**

Bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc  
– Phần 3: Thành phần hóa dược  
Số trang: 26

**TCVN XI-4:2025**

Bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc  
– Phần 4: Dược liệu và thuốc từ  
dược liệu  
Số trang: 106

**TCVN XI-5:2025**

Bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc  
– Phần 5: Vắc xin và sinh phẩm y  
tế  
Số trang: 50

❖ **TIÊU CHUẨN ISO**

**ISO/DIS 10701**

Steel and iron — Determination  
of sulfur content — Methylene  
blue spectrophotometric  
method

Pages: 12

Replaces: ISO 10701:1994

**ISO/DIS 14451-6**

Pyrotechnic articles —  
Pyrotechnic articles for vehicles  
— Part 6: Requirements and  
categorization for airbag  
modules

Pages: 8

Replaces: ISO 14451-6:2013

**ISO/IEC DIS 28033-3**

Information security — Fully  
homomorphic encryption —  
Part 3: Mechanisms for  
arithmetic on approximate  
numbers

Pages: 24

**ISO/DIS 22479**

Corrosion of metals and alloys  
— Sulfur dioxide test in a humid  
atmosphere (fixed gas method)

Pages: 15

Replaces: ISO 22479:2019

**ISO 21575:2026**

Raw optical glass — Powder  
test method for the water  
resistance of optical glass —  
Test method and classification

Pages: 5

Replaces: ISO 21575:2018

**ISO/DIS 25664-1**

Health informatics — Categorical  
structure for semantic  
representation in TCM  
informatics — Part 1:

Framework

Pages: 9

**ISO/DIS 25243**

Textiles — Smart textiles  
systems — Test method for  
repeated underwater  
pressurization

Pages: 3

**ISO 18060:2026**

Sustainable tourism —  
Indicators for organizations in  
the tourism value chain —  
Requirements and guidance for  
use

Pages: 31

**ISO/IEC DIS 7816-3**

Identification cards —  
Integrated circuit cards — Part  
3: Electrical interface and  
transmission protocols

Pages: 58

Replaces: ISO/IEC 7816-

3:2006/Amd 1:2025

**ISO/DIS 19870-3**

Hydrogen technologies —  
Methodology for determining  
the greenhouse gas emissions  
associated with the hydrogen  
supply chain — Part 3:

Emissions associated with the  
production, storage and  
transport of ammonia up to  
delivery gate and the  
conversion of ammonia into  
hydrogen

Pages: 121

Replaces: ISO/TS 19870:2023

**ISO/TR 17739-1:2026**

Intelligent transport systems —  
Roadside infrastructure  
supported location-based  
services on nomadic and mobile  
devices for urban connected  
automated mobility — Part 1:  
General information and use  
case definition

Pages: 42

**ISO/IEC DIS 18305**

Information technology — Real  
time locating systems — Test  
and evaluation of localization  
and tracking systems

Pages: 83

Replaces: ISO/IEC 18305:2016

**ISO/IEC DIS 18013-5**

Personal identification — ISO-  
compliant driving licence —  
Part 5: Mobile driving licence  
(mDL) application

Pages: 176

Replaces: ISO/IEC 18013-  
5:2021

<p><b>ISO/DIS 23739</b> Fine ceramics (advanced ceramics, advanced technical ceramics) — Methods for chemical analysis of zirconium oxide powders Pages: 16 Replaces: ISO 23739:2021</p> <p><b>ISO 19615:2026</b> Meat and fish products — Determination of total volatile basic nitrogen — Semi-micro nitrogen determination method Pages: 8</p> <p><b>ISO/DIS 20492-2</b> Glass in buildings — Insulating glass — Part 2: Chemical fogging tests Pages: 15 Replaces: ISO 20492-2:2008</p> <p><b>ISO/DIS 12217-2</b> Small craft — Stability and buoyancy assessment and categorization — Part 2: Sailing boats Pages: 71 Replaces: ISO 12217-2:2022</p> <p><b>ISO 2738:2026</b> Sintered metal materials, excluding hardmetals — Permeable sintered metal materials — Determination of density, oil content and open porosity Pages: 12 Replaces: ISO 2738:1999</p> <p><b>ISO 3536:2026</b> Road vehicles — Safety glazing materials — Vocabulary Pages: 5</p>	<p>Replaces: ISO 3536:2016</p> <p><b>ISO/DIS 25490</b> Traditional Chinese medicine — Citrus reticulata pericarp Pages: 13</p> <p><b>ISO 6956:2026</b> Textiles — Water resistant clothing — Determination of protection characteristic against rainfall using a motion-manikin Pages: 12</p> <p><b>ISO/TS 16733-2:2026</b> Fire safety engineering — Selection of design fire scenarios and design fires — Part 2: Design fires Pages: 48 Replaces: ISO/TS 16733-2:2021</p> <p><b>ISO/DIS 29501</b> Operating management systems — Requirements with guidance for use Pages: 50</p> <p><b>ISO 8000-119:2026</b> Data quality — Part 119: Application of ISO 8000-115 to transport unit identifiers Pages: 5</p> <p><b>ISO 294-5:2026</b> Plastics — Injection moulding of test specimens of thermoplastic materials — Part 5: Preparation of standard specimens for investigating anisotropy Pages: 6 Replaces: ISO 294-5:2017</p> <p><b>ISO/DIS 8442-5</b> Materials and articles in contact with foodstuffs — Cutlery and table holloware — Part 5:</p>	<p>Specification for sharpness and cutting wear resistance test of cutlery Pages: 9 Replaces: ISO 8442-5:2004</p> <p><b>ISO/DIS 18722-1</b> Tobacco heating systems — Determination of aerosol collected mass and nicotine in the aerosol — Part 1: Electrically heated tobacco products (eHTPs) Pages: 10</p> <p><b>ISO/DIS 9853</b> Thermoplastics piping systems — Crushing test for moulded fittings Pages: 6 Replaces: ISO 9853:1991</p> <p><b>ISO/DIS 20769-1</b> Non-destructive testing — Radiographic inspection of corrosion and deposits in pipes by X- and gamma rays — Part 1: Tangential radiographic inspection Pages: 35</p> <p><b>ISO/DIS 19226</b> Nuclear energy — Determination of neutron fluence and displacement per atom (dpa) in reactor vessel and internals Pages: 12</p> <p><b>ISO/DIS 22382</b> Security and resilience — Authenticity, integrity and trust for products and documents — Guidelines for the content, security, issuance and</p>
----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

examination of tax stamps Pages: 40 Replaces: ISO 22382:2018 <b>ISO 7889:2026</b> Yoghurt — Enumeration of characteristic microorganisms — Colony-count technique Pages: 16 Replaces: ISO 7889:2003 <b>ISO/DIS 17651-4</b> Simultaneous interpreting — Interpreters' working environment — Part 4: Requirements and recommendations for signed language interpreting Pages: 35 <b>ISO/DIS 14451-1</b> Pyrotechnic articles — Pyrotechnic articles for vehicles — Part 1: Vocabulary Pages: 12 Replaces: ISO 14451-1:2013 <b>ISO/DIS 22915-21</b> Industrial trucks — Verification of stability — Part 21: Order-picking trucks with operator position elevating above 1 200 mm Pages: 6 Replaces: ISO 22915-21:2019 <b>ISO/DIS 19884-1</b> Gaseous Hydrogen — Pressure vessels for stationary storage — Part 1: general requirements Pages: 30 <b>ISO/TS 18734:2026</b> Requirements and recommendations for elastic barriers, waterproofing and	protection of underground concrete structures Pages: 13 <b>ISO 1436:2026</b> Rubber hoses and hose assemblies — Wire-braid-reinforced hydraulic types for oil-based or water-based fluids — Specification Pages: 13 <b>ISO/DIS 15500-7</b> Road vehicles — Compressed natural gas (CNG) fuel system components — Part 7: Gas injector Pages: 6 Replaces: ISO 15500-7:2015 <b>ISO/DIS 15524</b> Pneumatic fluid power — Cylinders — Single-rod short-stroke cylinders, 1 000 kPa (10 bar) series, bores from 20 mm to 100 mm Pages: 6 Replaces: ISO 15524:2011 <b>ISO/DIS 14451-5</b> Pyrotechnic articles — Pyrotechnic articles for vehicles — Part 5: Requirements and categorization for airbag gas generators Pages: 9 Replaces: ISO 14451-5:2013 <b>ISO/DIS 9681</b> Manganese ores and concentrates — Determination of iron content — Flame atomic absorption spectrometric method Pages: 13	Replaces: ISO 9681:1990 <b>ISO 18418-1:2026</b> Gasoline engines — High pressure liquid fuel supply connections — Part 1: 60° concave cone connectors Pages: 4 Replaces: ISO 18418-1:2016 <b>ISO/DIS 25242</b> Textiles — Smart textiles systems — Test method for cyclic environmental temperature change <b>ISO/PAS 45007:2026</b> Occupational health and safety management — Risks arising from climate change and climate change action — Guidance for organizations Pages: 35 <b>ISO/DIS 19870-2</b> Hydrogen technologies — Methodology for determining the greenhouse gas emissions associated with the hydrogen supply chain — Part 2: Emissions associated with the conditioning and transport of gaseous and liquid hydrogen up to consumption gate Pages: 45 Replaces: ISO/TS 19870:2023 <b>ISO 3325:2026</b> Sintered metal materials, excluding hardmetals — Determination of transverse rupture strength Pages: 4 Replaces: ISO 3325:1996/Amd 1:2001
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

<p><b>ISO/DIS 14451-9</b> Pyrotechnic articles — Pyrotechnic articles for vehicles — Part 9: Requirements and categorization for actuators Pages: 6 Replaces: ISO 14451-9:2013</p> <p><b>ISO/DIS 20492-1</b> Glass in buildings — Insulating glass — Part 1: Durability of edge seals by climate tests Pages: 34 Replaces: ISO 20492-1:2008</p> <p><b>ISO/DIS 12217-1</b> Small craft — Stability and buoyancy assessment and categorization — Part 1: Non- sailing boats Pages: 74 Replaces: ISO 12217-1:2022</p> <p><b>ISO/DIS 15500-6</b> Road vehicles — Compressed natural gas (CNG) fuel system components — Part 6: Automatic valve Pages: 6 Replaces: ISO 15500-6:2020</p> <p><b>ISO/DIS 30441</b> Human resource management — Workplace well-being — Guidelines for thriving workplaces Pages: 30</p> <p><b>ISO 11987:2026</b> Ophthalmic optics — Contact lenses — Determination of shelf-life Pages: 7 Replaces: ISO 11987:2012</p> <p><b>ISO/DIS 25500-100</b></p>	<p>Supply chain interoperability and integration — Part 100: Verification of supply chain data Pages: 8</p> <p><b>ISO/IEC 19896-2:2026</b> Information security, cybersecurity and privacy protection — Requirements for the competence of IT security conformance assessment body personnel — Part 2: Knowledge and skills requirements for testers and validators according to ISO/IEC 19790 and ISO/IEC 24759 Pages: 17</p> <p><b>ISO 16924:2026</b> Natural gas fuelling stations — Liquefied natural gas (LNG) stations for fuelling road vehicles Pages: 82 Replaces: ISO 16924:2016</p> <p><b>ISO/TS 11353:2026</b> Nanotechnologies — A test method for detection of nano- object(s) release from mask media Pages: 21</p> <p><b>ISO 20812:2026</b> Thermal insulation products for buildings — Cellular glass products — Specification Pages: 10</p> <p><b>ISO/DIS 20957-10</b> Stationary training equipment — Part 10: Exercise bicycles with a fixed wheel or without freewheel — Additional specific safety requirements and test</p>	<p>methods Pages: 14 Replaces: ISO 20957-10:2017</p> <p><b>ISO 7685:2026</b> Glass-reinforced thermosetting plastics (GRP) pipes — Determination of initial ring stiffness Pages: 9 Replaces: ISO 7685:2019</p> <p><b>ISO 11986:2026</b> Ophthalmic optics — Contact lenses and contact lens care products — Determination of preservative uptake and release Pages: 6 Replaces: ISO 11986:2017</p> <p><b>ISO 32543-3:2026</b> Non-destructive testing — Characteristics of focal spots in industrial X-ray systems — Part 3: Measurement of the effective focal spot size of mini and micro focus X-ray tubes Pages: 14</p> <p><b>ISO 16840-6:2026</b> Wheelchair seating — Part 6: Determination of changes in properties of seat cushions following simulated use Pages: 28 Replaces: ISO 16840-6:2015</p> <p><b>ISO 28079:2026</b> Hardmetals — Palmqvist toughness test Pages: 10 Replaces: ISO 28079:2009</p> <p><b>ISO/DIS 6162-1</b> Hydraulic fluid power — Flange connections with split or one-</p>
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

- piece flange clamps and metric or inch screws — Part 1: Flange connectors, ports and mounting surfaces for use at pressures of 3,5 MPa (35 bar) to 35 MPa (350 bar), DN 13 to DN 127  
Pages: 19  
**ISO/DIS 1403**  
Rubber hoses, textile-reinforced, for general-purpose water applications — Specification  
Pages: 3  
Replaces: ISO 1403:2019  
**ISO 9985:2026**  
Information and documentation — Transliteration of Armenian characters into Latin characters  
Pages: 4  
Replaces: ISO 9985:1996  
**ISO 5530-1:2026**  
Wheat flour — Physical characteristics of doughs — Part 1: Determination of water absorption and rheological properties using a farinograph  
Pages: 39  
Replaces: ISO 5530-1:2025  
**ISO 18581:2026**  
Compressed natural gas (CNG) and liquefied natural gas (LNG) equipment and accessories — CNG and LNG propulsion systems for small craft — Installation requirements  
Pages: 34  
**ISO/DIS 25500-3**  
Supply chain interoperability and integration — Part 3: Verification of trading entity identity  
Pages: 9  
**ISO/DIS 17597**  
Test method for measuring in-duct Airborne Microorganisms Inactivation/Removal Effectiveness (AMIRE)  
Pages: 15  
**ISO/DIS 463**  
Geometrical product specifications (GPS) — Dimensional measuring equipment — Design and metrological characteristics of indicators  
Pages: 16  
**ISO/DIS 10146**  
Crosslinked polyethylene (PE-X) and crosslinked medium density polyethylene (PE-MDX) — Effect of time and temperature on expected strength  
Pages: 13  
Replaces: ISO 10146:2019  
**ISO/DIS 12467-3**  
Chemical analysis of lithium composite oxides — Part 3: Determination of lithium carbonate and lithium hydroxide contents  
Pages: 8  
**ISO 24914:2026**  
Microbiology of the food chain — Loop-mediated isothermal amplification (LAMP) for the detection of microorganisms and associated genetic markers — General requirements and definitions  
Pages: 16  
**ISO 11378-2:2026**  
Textile floor coverings — Laboratory soiling — Part 2: Drum test  
Pages: 8  
Replaces: ISO 11378-2:2001/Amd 1:2017  
**ISO/IEC 23090-23:2026**  
Information technology — Coded representation of immersive media — Part 23: Conformance and reference software for MPEG immersive video  
Pages: 14  
Replaces: ISO/IEC 23090-23:2023  
**ISO/DIS 14451-4**  
Pyrotechnic articles — Pyrotechnic articles for vehicles — Part 4: Requirements and categorization for micro gas generators  
Pages: 6  
Replaces: ISO 14451-4:2013  
**ISO 2859-1:2026**  
Sampling procedures for inspection by attributes — Part 1: Sampling schemes indexed by acceptance quality limit (AQL) for lot-by-lot inspection  
Pages: 82  
Replaces: ISO 2859-1:1999/Cor 1:2001  
**ISO 8458-3:2026**  
Steel wire for mechanical springs — Part 3: Oil-hardened and tempered wire  
Pages: 7  
Replaces: ISO 8458-3:2002

<p><b>ISO/DIS 22899-2</b> Determination of the resistance to jet fires of passive fire protection materials — Part 2: Guidance on test method selection and implementation methods Pages: 17</p>	<p>Information technology — Keyboard layouts for text and office systems — Part 9: Groups and mechanisms for multilingual and multiscript input Pages: 78 Replaces: ISO/IEC 9995-9:2016/Amd 1:2019</p>	<p>— Determination of fatty acids composition — Capillary gas chromatographic method Pages: 45 Replaces: ISO 16958:2015</p>
<p><b>ISO/DIS 16440</b> Oil and gas industries including lower carbon energy — Pipeline transportation systems — Design, construction and maintenance of steel cased pipelines Pages: 39 Replaces: ISO 16440:2016</p>	<p><b>ISO 11925-2:2026</b> Reaction to fire tests — Ignitability of products subjected to direct impingement of flame — Part 2: Single-flame source test Pages: 27 Replaces: ISO 11925-2:2020</p>	<p><b>ISO/DIS 20507</b> Fine ceramics (advanced ceramics, advanced technical ceramics) — Vocabulary Pages: 36 Replaces: ISO 20507:2022</p>
<p><b>ISO 21513:2026</b> Project, programme and portfolio management — Guidance on post-project and post-programme evaluation Pages: 23</p>	<p><b>ISO/TR 25088:2026</b> Guidance for the application of low-carbon technologies in steel plants Pages: 20</p>	<p><b>ISO/DIS 14451-10</b> Pyrotechnic articles — Pyrotechnic articles for vehicles — Part 10: Requirements and categorization for semi-finished products Pages: 4 Replaces: ISO 14451-10:2013</p>
<p><b>ISO/DIS 14250</b> Steel — Metallographic characterization of duplex grain size and distributions Pages: 15</p>	<p><b>ISO/DIS 14451-8</b> Pyrotechnic articles — Pyrotechnic articles for vehicles — Part 8: Requirements and categorization for igniters Pages: 6 Replaces: ISO 14451-8:2013</p>	<p><b>ISO 19643:2026</b> Meat and meat products — Determination of nitrite and nitrate content — Continuous flow analysis (CFA) method Pages: 11</p>
<p><b>ISO 16921-1:2026</b> Biotechnology — Gene delivery systems — Part 1: Vocabulary Pages: 12</p> <p><b>ISO/DIS 22176</b> Cosmetics — Analytical methods — Validation of quantitative analytical methods using an integrated approach Pages: 45 Replaces: ISO/TS 22176:2020</p> <p><b>ISO/IEC 9995-9:2026</b></p>	<p><b>ISO/DIS 13760</b> Plastics pipes for the conveyance of fluids under pressure — Miner's rule — Calculation method for cumulative damage Pages: 9 Replaces: ISO 13760:1998</p> <p><b>ISO 16958:2026</b> Milk, milk products, infant formula and adult nutritionals</p>	<p><b>ISO/DIS 30440</b> Human resource management — Strategic and ethical integration of technology</p> <p><b>ISO 16923:2026</b> Natural gas fuelling stations — Compressed natural gas (CNG) stations for fuelling vehicles Pages: 48 Replaces: ISO 16923:2016</p> <p><b>ISO 18998:2026</b> Water reuse in urban areas — Guidelines for decentralized water reuse system — Management of a decentralized</p>

water reuse system

Pages: 16

**ISO/DIS 12800**

Nuclear fuel technology —  
Guidelines on the measurement  
of the specific surface area of  
uranium dioxide and plutonium  
dioxide powders by the BET  
method

Pages: 16

**ISO/DIS 3715-1**

Ships and marine technology —  
Propulsion plants for ships —  
Part 1: Vocabulary for geometry  
of screw propellers

Pages: 18

Replaces: ISO 3715-1:2002

**ISO/DIS 6486-2**

Ceramic ware, glass-ceramic  
ware and glass dinnerware in  
contact with food — Release of  
lead and cadmium — Part 2:  
Permissible limits

Pages: 5

Replaces: ISO 6486-2:1999

**ISO/DIS 25136**

Modified starch —  
Determination of  
hydroxypropyl content —  
Spectrophotometric method

Pages: 8

**ISO/IEC 9995-11:2026**

Information technology —  
Keyboard layouts for office  
systems — Part 11:  
Functionality and labelling of  
dead keys

Pages: 9

Replaces: ISO/IEC 9995-  
11:2015

**ISO/DIS 25500-120**

Supply chain interoperability  
and integration — Part 120:  
Verification of data in support of  
local purchasing

Pages: 8

**ISO/DIS 20492-4**

Glass in buildings — Insulating  
glass — Part 4: Test methods  
for the physical attributes of  
edge seals

Pages: 25

Replaces: ISO 20492-4:2010

❖ **TIÊU CHUẨN IEC**

**CISPR TR 30-3:2026**

Test method on electromagnetic  
emissions - Part 3: Electronic  
control gear for LED light  
sources - Built-in control gear

Pages: 21

**IEC 60034-26:2026 RLV**

Rotating electrical machines -  
Part 26: Effects of unbalanced  
voltages on the performance of  
three-phase cage induction  
motors

Pages: 44

**IEC 60034-26:2026**

Rotating electrical machines -  
Part 26: Effects of unbalanced  
voltages on the performance of  
three-phase cage induction  
motors

Pages: 10

**IEC 60076-4:2026 PRV**

Power transformers - Part 4:  
Lightning impulse and  
switching impulse tests of  
power transformers and  
reactors

Pages: 70

**IEC 60092-504:2026 PRV**

Electrical installations in ships -  
Part 504: Automation, control  
and instrumentation

Pages: 70

**IEC 60352-7:2026 RLV**

Solderless connections - Part 7:  
Spring clamp connections -  
General requirements, test  
methods and practical guidance

Pages: 113

**IEC 60352-7:2026**

Solderless connections - Part 7:  
Spring clamp connections -  
General requirements, test  
methods and practical guidance

Pages: 37

**IEC 60364-8-82/AMD1:2026  
PRV**

Amendment 1 - Low-voltage  
electrical installations - Part 8-  
82: Functional aspects -  
Prosumer's low-voltage  
electrical installations

Pages: 19

**IEC 60601-2-22/  
AMD1:2026 PRV**

Amendment 1 - Medical  
electrical equipment - Part 2-22:  
Particular requirements for  
basic safety and essential  
performance of surgical,  
cosmetic, therapeutic and  
diagnostic laser equipment

Pages: 6

**IEC 60721-3-5:2026**

Classification of environmental  
conditions - Part 3-5:  
Classification of groups of  
environmental parameters and  
their severities - Ground vehicle  
installations

Pages: 16

<b>IEC 60730-2-15:2025 PRV</b> Automatic electrical controls - Part 2-15: Particular requirements for automatic electrical air flow, water flow and water level sensing controls Pages: 42	Pages: 25	Ferrite cores - Standard inductance factor for gapped cores and its tolerance Pages: 40
<b>IEC 60747-5-13:2021+ AMD1:2026 CSV</b> Semiconductor devices - Part 5-13: Optoelectronic devices - Hydrogen sulphide corrosion test for LED packages Pages: 36	<b>IEC 61753-021-03:2026 PRV</b> Fibre optic interconnecting devices and passive components - Performance standard - Part 021-03: Single-mode fibre optic connectors terminated as pigtailed and patchcords for category OP – Outdoor protected environment Pages: 19	<b>IEC 62358:2026</b> Ferrite cores - Standard inductance factor for gapped cores and its tolerance Pages: 19
<b>IEC 60747-5-13:2021/ AMD1:2026</b> Amendment 1 - Semiconductor devices - Part 5-13: Optoelectronic devices - Hydrogen sulphide corrosion test for LED packages Pages: 2	<b>IEC 62047-4:2026 RLV</b> Semiconductor devices - Micro-electromechanical devices - Part 4: Generic specification for MEMS Pages: 39	<b>IEC 62496-4-3:2026</b> Optical circuit boards - Part 4-3: Interface standards - Terminated waveguide OCB assembly using a single-row thirty-two-channel PMT connector intermateable with a 250 µm pitch MPO 16 Pages: 30
<b>IEC 60747-16-11:2026 PRV</b> Semiconductor devices - Part 16-11: Microwave integrated circuits - Power detectors Pages: 36	<b>IEC 62047-4:2026</b> Semiconductor devices - Micro-electromechanical devices - Part 4: Generic specification for MEMS Pages: 19	<b>IEC 62541-5:2026</b> OPC unified architecture - Part 5: Information Model Pages: 189
<b>IEC 60794-1-131:2026</b> Optical fibre cables - Part 1-131: Generic specification - Basic optical cable test procedures - Mechanical tests methods - Microduct inner clearance test, Method E31 Pages: 6	<b>IEC TR 62316:2026 RLV</b> Guidance for the interpretation of OTDR backscattering traces for single-mode fibres Pages: 55	<b>IEC 62541-8:2026 RLV</b> OPC unified architecture - Part 8: Data access Pages: 281
<b>IEC 61169-1-3:2026 PRV</b> Radio-frequency connectors - Part 1-3: Electrical test methods - Surge withstand - Surge protective devices built in a coaxial connector - Performance requirements and testing methods	<b>IEC TR 62316:2026</b> Guidance for the interpretation of OTDR backscattering traces for single-mode fibres Pages: 26	<b>IEC 62541-14:2026</b> OPC unified architecture - Part 14: PubSub Pages: 316
	<b>IEC 62343:2023+AMD1:2026 CSV</b> Dynamic modules - Generic specification Pages: 59	<b>IEC 62541-21:2026</b> OPC unified architecture - Part 21: Device Onboarding Pages: 53
	<b>IEC 62343:2023/AMD1:2026</b> Amendment 1 - Dynamic modules - Generic specification Pages: 3	<b>IEC 62541-24:2026</b> OPC unified architecture - Part 24: Scheduler Pages: 30
	<b>IEC 62358:2026 RLV</b>	<b>IEC/IEEE 62704-1:2025 PRV</b> Determining the peak spatial-average specific absorption rate (SAR) in the human body from wireless communications

devices, 100 kHz to 10 GHz - Part 1: General requirements for using the finite-difference time-domain (FDTD) method for SAR calculations Pages: 85 <b>IEC 62792:2026 PRV</b> Measurement method for the output of electroshock weapons Pages: 41 <b>IEC 62862-4-2:2026</b> Solar thermal electric plants - Part 4-2: Heliostat field control system of solar tower plants Pages: 21 <b>IEC 62899-403-2:2026 PRV</b> Printed electronics - Part 403-2: Printability - Requirements for reproducibility - Basic patterns for printing plate Pages: 19 <b>IEC 63041-2:2025 PRV</b> Piezoelectric sensors - Part 2: Chemical and biochemical sensors Pages: 16 <b>IEC 63066:2026 PRV</b> Low-voltage docking connectors for removable energy storage units Pages: 66 <b>IEC 63138-4:2026</b> Multi-channel radio-frequency connectors - Part 4: Sectional specification for type L32-4 and L32-5 circular connectors Pages: 28 <b>IEC TR 63179:2026</b> Planning of HVDC systems Pages: 37 <b>IEC 63230:2026 PRV</b> Fatigue assessment of hydraulic turbine runners: from design to	quality assurance Pages: 44 <b>IEC 63372:2026</b> Quantification and communication of carbon footprint, GHG emission reductions and avoided emissions from electric and electronic products and systems - Principles, methodologies, requirements and guidance Pages: 84 <b>IEC TR 63436:2026</b> Insulation monitoring device - Marine AC application example Pages: 21 <b>IEC 63465:2026</b> Calibration and quality control in the use of radionuclide calibrators Pages: 49 <b>IEC 63479-3:2026</b> Infotainment services for public vehicles (PVIS) - Part 3: Framework Pages: 21 <b>IEC 63497:2025 PRV</b> Shunt-connected active correction devices (ACD) Pages: 44 <b>IEC 63508:2026 PRV</b> CDD Database - Circuit-breakers and similar equipment for household use Pages: 33 <b>IEC 63522-19:2026 PRV</b> Electrical relays - Tests and measurements - Part 19: Electrical endurance Pages: 31 <b>IEC 63552:2026 PRV</b> Switching device for islanding (SDFI)	Pages: 30 <b>ISO/IEC 9995-1:2026</b> Information technology - Keyboard layouts for text and office systems - Part 1: General principles governing keyboard layouts Pages: 16 <b>ISO/IEC 9995-11:2026</b> Information technology - Keyboard layouts for office systems - Part 11: Functionality and labelling of dead keys Pages: 9 <b>ISO/IEC 15417:2007/ AMD1:2026</b> Information technology - Automatic identification and data capture techniques - Code 128 bar code symbology specification - Amendment 1 Pages: 2 <b>ISO/IEC 23090-23:2026</b> Information technology - Coded representation of immersive media - Part 23: Conformance and reference software for MPEG immersive video Pages: 14 <b>ISO/IEC 30108-1:2026</b> Biometrics - Identity attributes verification services - Part 1: IAVS services Pages: 79  <b>❖ TIÊU CHUẨN BS</b>  <b>BS ISO 7195:2020+A1:2026</b> Nuclear energy. Packagings for the transport of uranium hexafluoride (UF <sub>6</sub> ) <b>BS ISO/IEC 15417:2007 +A1:2026</b>
----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Information technology. Automatic identification and data capture techniques. Code 128 bar code symbology specification Replace: BS ISO/IEC 15417:2000 <b>BS ISO 9985:2026</b>	stiffness <b>BS ISO 3536:2026</b> Road vehicles. Safety glazing materials. Vocabulary <b>BS ISO 13332:2026</b> Reciprocating internal combustion engines. Test code for the measurement of structure-borne noise emitted from high-speed and medium-speed reciprocating internal combustion engines measured at the engine feet <b>BS ISO 18418-1:2026</b> Gasoline engines. High pressure liquid fuel supply connections - 60° concave cone connectors Replace: BS ISO 18418-1:2016 <b>BS ISO 10604:2026</b> Road vehicles. Measuring procedure for aiming of luminous beams of front lighting devices <b>BS EN 2002-001:2026</b> Aerospace series. Metallic materials. Test methods - Tensile testing at ambient temperature <b>PD ISO/TS 16733-2:2026</b> Fire safety engineering. Selection of design fire scenarios and design fires - Design fires <b>BS ISO 22366:2026</b> Security and resilience. Community resilience. Framework and principles for energy resilience <b>BS EN 18000-1:2026</b> Animal health diagnostic analyses. Control of in vitro diagnostic reagents -	Application file for the initial and the batch-to-batch control <b>BS EN 18000-2:2026</b> Animal health diagnostic analyses. Control of in vitro diagnostic reagents - Reagents for immunological techniques <b>BS EN IEC 63341-3:2026</b> Railway applications. Hydrogen and fuel cell systems for rolling stock - Performance test methods for fuel cell power system <b>BS EN ISO 27799:2026</b> Health informatics. Information security controls in health based on ISO/IEC 27002 Replace: BS EN ISO 27799:2016 <b>BS EN IEC 63437:2026</b> Off grid and unreliable grid refrigerating appliances for domestic and light commercial use. Characteristics and test methods. Performance requirements and energy consumption <b>BS EN ISO/IEEE 11073-10206:2026</b> Health informatics. Device interoperability - Personal health device communication. Abstract content information model <b>BS EN ISO/IEEE 11073-10421:2026</b> Health informatics. Device interoperability - Personal health device communication. Device specialization. Peak expiratory flow monitor (peak flow) <b>BS ISO 18581:2026</b>
Information and documentation — Transliteration of Armenian characters into Latin characters <b>BS ISO 16921-1:2026</b> Biotechnology — Gene delivery systems - Vocabulary <b>BS EN IEC 62933-3-1:2026</b> Electrical energy storage (EES) systems - Planning and performance assessment of electrical energy storage systems. General specification <b>BS EN IEC 61643-21:2026</b> Low voltage surge protective devices - Surge protective devices connected to telecommunications and signalling networks. Requirements and test methods Replace: BS EN 61643-21:2001+A2:2013 <b>PD ISO/TR 18727:2026</b> Health informatics — Quality management of health data in the real world — A case study <b>BS ISO 9984:2026</b> Information and documentation. Transliteration of Georgian characters into Latin characters <b>BS ISO 7685:2026</b> Glass-reinforced thermosetting plastics (GRP) pipes. Determination of initial ring		

Compressed natural gas (CNG) and liquefied natural gas (LNG) equipment and accessories. CNG and LNG propulsion systems for small craft. Installation requirements <b>BS EN ISO 21805:2023+A1:2026</b> Guidance and recommendations on design, selection and installation of vents to safeguard the structural integrity of enclosures protected by gaseous fire-extinguishing systems <b>BS ISO 5101:2026</b> Road vehicles — Field load specification for brake actuation and modulation systems <b>BS IEC 62862-4-2:2026</b> Solar thermal electric plants - Heliostat field control system of solar tower plants <b>BS IEC 63465:2026</b> Calibration and quality control in the use of radionuclide calibrators Replace: PD IEC TR 61948-4:2019 <b>BS ISO 21513:2026</b> Project, programme and portfolio management. Guidance on post-project and post-programme evaluation <b>BS ISO 22095:2020+A1:2026</b> Chain of custody — General terminology and models <b>BS EN IEC 63382-1:2026</b> Management of distributed energy storage systems based on electrically chargeable vehicle batteries - Use cases and	architectures <b>BS EN 4902:2026</b> Aerospace series — Surface treatments — Terms, definitions and test methods <b>PD ISO/TS 11353:2026</b> Nanotechnologies — A test method for detection of nano-object(s) release from mask media <b>BS ISO 18060:2026</b> Sustainable tourism — Indicators for organizations in the tourism value chain — Requirements and guidance for use <b>BS ISO 19067:2026</b> Building and civil engineering sealants — Determination of changes in colour after laboratory accelerated weathering procedures <b>BS ISO 18962:2026</b> Ships and marine technology — Installation and operational requirements for swappable batteries on ships <b>BS ISO 19615:2026</b> Meat and fish products — Determination of total volatile basic nitrogen — Semi-micro nitrogen determination method <b>BS ISO 19643:2026</b> Meat and meat products — Determination of nitrite and nitrate content — Continuous flow analysis (CFA) method <b>BS IEC 62358:2026</b> Ferrite cores - Standard inductance factor for gapped cores and its tolerance Replace: BS EN 62358:2013	<b>PD ISO/TR 17739-1:2026</b> Intelligent transport systems — Roadside infrastructure supported location-based services on nomadic and mobile devices for urban connected automated mobility - General information and use case definition <b>BS EN 4098:2026</b> Aerospace series — Steel 40CrMoV12 (1.8523) — Consumable electrode remelted — Hardened and tempered — Forgings <b>BS EN ISO 5530-1:2026</b> Wheat flour — Physical characteristics of doughs - Determination of water absorption and rheological properties using a farinograph Replace: BS EN ISO 5530-1:2025 <b>BS ISO 24359-1:2026</b> Building commissioning process planning - New buildings <b>BS EN IEC 61076-2:2026</b> Connectors for electrical and electronic equipment. Product requirements - Sectional specification for circular connectors <b>BS EN IEC 60079-29-0:2026</b> Explosive atmospheres - Gas detection equipment — General requirements and test methods <b>BS ISO 22262-2:2026</b> Air quality — Bulk materials - Quantitative determination of asbestos by gravimetric and microscopical methods <b>BS EN ISO/ASTM 52948:2026</b>
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Additive manufacturing of metals — Powder bed fusion — Classification of imperfections <b>BS ISO 15830-2:2022+A1:2026</b>	shelf-life Replace: BS EN ISO 11987:2012 <b>BS EN IEC 62849:2026</b> Performance evaluation methods of robots for household and similar use <b>BS ISO 7889:2026</b>	<b>BS ISO 1436:2026</b> Rubber hoses and hose assemblies — Wire-braid-reinforced hydraulic types for oil-based or water-based fluids — Specification Replace: BS ISO 1436:2020 <b>BS EN ISO 10318-1:2026</b>
Road vehicles — Design and performance specifications for the WorldSID 50th percentile male side-impact dummy - Mechanical subsystems Replace: BS ISO 15830-2:2013 <b>BS EN IEC 60749-7:2026</b>	Yoghurt — Enumeration of characteristic microorganisms — Colony-count technique <b>PD IEC TR 63179:2026</b> Planning of HVDC systems <b>BS EN ISO 2738:2026</b>	Geosynthetics - Vocabulary Replace: BS EN ISO 10318-1:2015+A1:2018 <b>BS EN ISO 32543-2:2026</b>
Semiconductor devices. Mechanical and climatic test methods - Internal moisture content measurement and the analysis of other residual gases Replace: BS EN 60749-7:2011 <b>BS EN IEC 60749-24:2026</b>	Sintered metal materials, excluding hardmetals. Permeable sintered metal materials. Determination of density, oil content and open porosity Replace: BS EN ISO 2738:2000 <b>BS EN ISO 11378-2:2026</b>	Non-destructive testing. Characteristics of focal spots in industrial X-ray systems - Edge method with hole or disk type test objects <b>BS ISO 8000-119:2026</b>
Semiconductor devices. Mechanical and climatic test methods - Accelerated moisture resistance. Unbiased HAST <b>BS EN IEC 60749-22-1:2026</b>	Textile floor coverings — Laboratory soiling - Drum test Replace: BS EN ISO 11378-2:2001+A1:2017 <b>BS ISO 20812:2026</b>	Data quality - Application of ISO 8000-115 to transport unit identifiers <b>BS ISO 16840-6:2026</b>
Semiconductor devices — Mechanical and climatic test methods - Bond strength — wire bond pull test methods <b>BS EN IEC 60749-22-2:2026</b>	Thermal insulation products for buildings — Cellular glass products — Specification <b>BS ISO/IEC 9995-1:2026</b>	Wheelchair seating - Determination of changes in properties of seat cushions following simulated use <b>BS EN IEC 60601-2-57:2026 +A11:2026</b>
Semiconductor devices — Mechanical and climatic test methods - Bond strength — Wire bond shear test methods <b>BS EN ISO 11986:2026</b>	Information technology. Keyboard layouts for text and office systems - General principles governing keyboard layouts <b>BS EN IEC 63616:2026</b>	Medical electrical equipment - Particular requirements for the basic safety and essential performance of non-laser light source equipment intended for therapeutic, diagnostic, monitoring, cosmetic and aesthetic use <b>BS EN 16382:2026</b>
Ophthalmic optics. Contact lenses and contact lens care products. Determination of preservative uptake and release Replace: BS EN ISO 11986:2017 <b>BS EN ISO 11987:2026</b>	Measurement of the conductivity for metal thin films at microwave and millimeter-wave frequencies - Balanced-type circular disk resonator method	Thermal insulation products for building applications — Determination of the pull-through resistance of plate and spiral plate anchors through
Ophthalmic optics — Contact lenses — Determination of		

thermal insulation

**BS ISO/IEC 9995-11:2026**

Information technology —  
Keyboard layouts for office  
systems - Functionality and  
labelling of dead keys

❖ **TIÊU CHUẨN ASTM**

**ASTM A1088-25**

Standard Specification for Steel,  
Sheet, Cold-Rolled, Complex  
Phase (CP), Dual Phase (DP) and  
Transformation Induced  
Plasticity (TRIP)

Pages: 5

Replace: ASTM A1088-13(2019)

**ASTM B881-25a**

Standard Terminology Relating  
to Aluminum- and Magnesium-  
Alloy Products

Pages: 7

Replace: ASTM B881-25

**ASTM C557-03(2026)**

Standard Specification for  
Adhesives for Fastening  
Gypsum Wallboard to Wood  
Framing

Pages: 9

Replace: ASTM C557-03(2017)

**ASTM D1686-25**

Standard Test Method for Color  
of Solid Aromatic Hydrocarbons  
and Related Materials in the  
Molten State (Platinum-Cobalt  
Scale)

Pages: 3

Replace: ASTM D1686-19

**ASTM D1782-26**

Standard Test Methods for  
Operating Performance of  
Particulate Cation-Exchange  
Materials

Pages: 6

Replace: ASTM D1782-17

**ASTM D1909-13(2026)**

Standard Tables of Commercial  
Moisture Regains and  
Commercial Allowances for  
Textile Fibers

Pages: 3

Replace: ASTM D1909-  
13(2020)e1

**ASTM D4236-26**

Standard Practice for Labeling  
Art Materials for Chronic Health  
Hazards

Pages: 5

Replace: ASTM D4236-  
94(2021)

**ASTM D5060-25**

Standard Test Method for  
Determining Impurities in High-  
Purity Ethylbenzene by Gas  
Chromatography

Pages: 4

Replace: ASTM D5060-  
12(2021)e1

**ASTM D5135-25**

Standard Test Method for  
Analysis of Styrene by Capillary  
Gas Chromatography

Pages: 5

Replace: ASTM D5135-21

**ASTM D6694/D6694M-25**

Standard Specification for  
Liquid-Applied Silicone Coating  
Used in Spray Polyurethane  
Foam Roofing Systems

Pages: 3

Replace: ASTM  
D6694/D6694M-15(2023)

**ASTM D6766-25**

Standard Test Method for  
Evaluation of Hydraulic  
Properties of Geosynthetic Clay

Liners Permeated with  
Potentially Incompatible  
Aqueous Solutions

Pages: 11

Replace: ASTM D6766-20a

**ASTM D7240-25**

Standard Practice for Electrical  
Leak Location Using  
Geomembranes with an  
Insulating Layer in Intimate  
Contact with a Conductive Layer  
via Electrical Capacitance  
Technique (Conductive-Backed  
Geomembrane Spark Test)

Pages: 4

Replace: ASTM D7240-18

**ASTM E2443-05(2026)**

Standard Guide for Verifying  
Computer-Generated Test  
Results Through The Use Of  
Standard Data Sets

Pages: 5

Replace: ASTM E2443-  
05(2018)e1

**ASTM E2706-26**

Standard Practice for  
Equipment Technology and  
Operations for Mobile and  
Plant-Based Secure Destruction  
Safety Requirements

Pages: 13

Replace: ASTM E2706-18

**ASTM E3494-25**

Standard Test Method for  
Effectiveness of Antifoaming  
Agents for Agriculture Tank Mix

Pages: 4

**ASTM A1063/A1063M-25**

Standard Specification for Steel  
Sheet, Twin-Roll Cast, Zinc-  
Coated (Galvanized) by the Hot-  
Dip Process

Pages: 11

Replace: ASTM A1063/A1063M-22 <b>ASTM A924/A924M-25a</b> Standard Specification for General Requirements for Steel Sheet, Metallic-Coated by the Hot-Dip Process Pages: 13 Replace: ASTM A924/A924M- 25 <b>ASTM C1417-19(2026)</b> Standard Specification for Manufacture of Reinforced Concrete Sewer, Storm Drain, and Culvert Pipe for Direct Design Pages: 7 Replace: ASTM C1417-19 <b>ASTM C1417M-19(2026)</b> Standard Specification for Manufacture of Reinforced Concrete Sewer, Storm Drain, and Culvert Pipe for Direct Design (Metric) Pages: 8 Replace: ASTM C1417M-19 <b>ASTM C1686-09(2025)</b> Standard Practice for Installation and Testing of Reinforced Autoclaved Aerated Concrete (AAC) Units Pages: 3 Replace: ASTM C1686-09(2017) <b>ASTM C1693-11(2025)</b> Standard Specification for Autoclaved Aerated Concrete (AAC) Pages: 7 Replace: ASTM C1693-11(2017) <b>ASTM C1694-09(2025)</b> Standard Specification for Reinforced Autoclaved Aerated Concrete (AAC) Elements	Pages: 4 Replace: ASTM C1694-09(2017) <b>ASTM C1880-26</b> Standard Practice for Sampling Gaseous Uranium Hexafluoride using Alumina Pellets Pages: 7 Replace: ASTM C1880-19 <b>ASTM C444/C444M-21(2026)</b> Standard Specification for Perforated Concrete Pipe Pages: 3 Replace: ASTM C444/C444M-21 <b>ASTM C547-25</b> Standard Specification for Mineral Fiber Pipe Insulation Pages: 7 Replace: ASTM C547-22a <b>ASTM C900-25</b> Standard Test Method for Pullout Strength of Hardened Concrete Pages: 10 Replace: ASTM C900-23 <b>ASTM D1006/D1006M-26</b> Standard Practice for Conducting Exterior Exposure Tests of Hand and Factory Applied Paints on Wood and Wood Composite Materials Pages: 8 Replace: ASTM D1006/D1006M-21 <b>ASTM D1007-11(2026)</b> Standard Specification for sec- Butyl Alcohol Pages: 2 Replace: ASTM D1007- 11(2019) <b>ASTM D1078-11(2026)</b> Standard Test Method for Distillation Range of Volatile Organic Liquids	Pages: 9 Replace: ASTM D1078- 11(2019) <b>ASTM D1719-11(2026)</b> Standard Specification for Isobutyl Alcohol Pages: 2 Replace: ASTM D1719- 11(2019) <b>ASTM D1779-98(2026)</b> Standard Specification for Adhesive for Acoustical Materials Pages: 3 Replace: ASTM D1779-98(2017) <b>ASTM D1995-92(2026)</b> Standard Test Methods for Multi-Modal Strength Testing of Autohesives (Contact Adhesives) Pages: 13 Replace: ASTM D1995- 92(2017) <b>ASTM D2990-17(2025)</b> Standard Test Methods for Tensile, Compressive, and Flexural Creep and Creep- Rupture of Plastics Pages: 22 Replace: ASTM D2990-17 <b>ASTM D304-11(2026)</b> Standard Specification for n- Butyl Alcohol (Butanol) Pages: 2 Replace: ASTM D304-11(2019) <b>ASTM D3130-11(2026)</b> Standard Specification for n- Propyl Acetate (96 % Grade) Pages: 2 Replace: ASTM D3130- 11(2019) <b>ASTM D331-11(2026)</b>
----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Standard Specification for 2-Ethoxyethanol Pages: 2 Replace: ASTM D331-11(2019) <b>ASTM D3530-20(2025)</b> Standard Test Method for Volatiles Content of Composite Material Prepreg Pages: 3 Replace: ASTM D3530-20 <b>ASTM D3666-26</b> Standard Specification for Minimum Requirements for Agencies Testing and Inspecting Road and Paving Materials Pages: 7 Replace: ASTM D3666-25 <b>ASTM D4960-25</b> Standard Test Method for Evaluation of Color for Thermoplastic Pavement Marking Materials Pages: 3 Replace: ASTM D4960-20 <b>ASTM D608-05(2026)</b> Standard Specification for Dibutyl Phthalate Pages: 2 Replace: ASTM D608-05(2019) <b>ASTM D6243/D6243M-26</b> Standard Test Method for Determining the Internal and Interface Shear Strength of Geosynthetic Clay Liner by the Direct Shear Method Pages: 12 Replace: ASTM D6243/D6243M-25 <b>ASTM D6648-25a</b> Standard Test Method for Determining the Flexural Creep Stiffness of Asphalt Binder Using the Bending Beam	Rheometer (BBR) Pages: 19 Replace: ASTM D6648-25 <b>ASTM D7201-26</b> Standard Test Method for Sampling and Counting Airborne Fibers, Including Asbestos Fibers, in the Workplace, by Phase Contrast Microscopy (with an Option of Transmission Electron Microscopy) Pages: 25 Replace: ASTM D7201-25 <b>ASTM D740-11(2026)</b> Standard Specification for Methyl Ethyl Ketone Pages: 2 Replace: ASTM D740-11(2019) <b>ASTM E136-26</b> Standard Test Method for Assessing Combustibility of Materials Using a Vertical Tube Furnace at 750 °C Pages: 13 Replace: ASTM E136-24c <b>ASTM E1770-19(2025)</b> Standard Practice for Optimization of Instrumentation for Graphite Furnace Atomic Absorption Spectrometry Pages: 5 Replace: ASTM E1770-19 <b>ASTM E1953-25</b> Standard Practice for Description of Thermal Analysis and Rheology Apparatus Pages: 4 Replace: ASTM E1953-20 <b>ASTM E2307-25b</b> Standard Test Method for Determining Fire Resistance of	Perimeter Fire Barriers Using Intermediate-Scale, Multi-story Test Apparatus Pages: 23 Replace: ASTM E2307-25a <b>ASTM E260-96(2026)</b> Standard Practice for Packed Column Gas Chromatography Pages: 18 Replace: ASTM E260-96(2019) <b>ASTM E329-25b</b> Standard Specification for Agencies Engaged in Construction Inspection, Testing, or Special Inspection Pages: 10 Replace: ASTM E329-25a <b>ASTM E3430-25</b> Standard Practice for On-Site Inspection of Installed Board and Wrap Type Fireproofing Materials Pages: 8 <b>ASTM E664/E664M-25</b> Standard Practice for the Measurement of the Apparent Attenuation of Longitudinal Ultrasonic Waves by Immersion Method Pages: 3 Replace: ASTM E664/E664M-15(2020)e1 <b>ASTM F1360-25a</b> Standard Specification for Ovens, Microwave, Electric Pages: 7 Replace: ASTM F1360-25 <b>ASTM F2922-25a</b> Standard Specification for Polyethylene (PE) Corrugated Wall Stormwater Collection Chambers Pages: 7
---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Replace: ASTM F2922-25 <b>ASTM F3066/F3066M-26</b> Standard Specification for Aircraft Powerplant Installation Hazard Mitigation Pages: 8 Replace: ASTM F3066/F3066M-25 <b>ASTM F3071-26</b> Standard Guide for Basic Land GNSS Receiver Use (GNSS-I) Endorsement Pages: 3 Replace: ASTM F3071-14(2020) <b>ASTM F3072-26</b> Standard Guide for Intermediate Land GNSS Receiver Use (GNSS-II) Endorsement Pages: 3 Replace: ASTM F3072-14(2020) <b>ASTM F3077-25</b> Standard Specification for Eye Protectors for Women's Lacrosse Pages: 9 Replace: ASTM F3077-21 <b>ASTM C1077-26</b> Standard Practice for Agencies Testing Concrete and Concrete Aggregates for Use in Construction and Criteria for Testing Agency Evaluation Pages: 9 Replace: ASTM C1077-25a <b>ASTM C1550-26</b> Standard Test Method for Flexural Toughness of Fiber Reinforced Concrete (Using Centrally Loaded Round Panel) Pages: 14 Replace: ASTM C1550-25 <b>ASTM C1688/C1688M-26</b> Standard Test Method for	Density and Void Content of Freshly Mixed Pervious Concrete Pages: 4 Replace: ASTM C1688/C1688M-25 <b>ASTM C232/C232M-26</b> Standard Test Method for Bleeding of Concrete Pages: 3 Replace: ASTM C232/C232M-21 <b>ASTM C31/C31M-26</b> Standard Practice for Making and Curing Concrete Test Specimens in the Field Pages: 7 Replace: ASTM C31/C31M-25b <b>ASTM C637-26</b> Standard Specification for High-Density Aggregates for Concrete Pages: 4 Replace: ASTM C637-20 <b>ASTM C638-26</b> Standard Descriptive Nomenclature of Constituents of High-Density Aggregates for Concrete Pages: 4 Replace: ASTM C638-20 <b>ASTM C94/C94M-25a</b> Standard Specification for Ready-Mixed Concrete Pages: 15 Replace: ASTM C94/C94M-25 <b>ASTM D2513-26</b> Standard Specification for Polyethylene (PE) Gas Pressure Pipe, Tubing, and Fittings Pages: 17 Replace: ASTM D2513-25 <b>ASTM D3622-11(2026)</b> Standard Specification for 1-Propanol (n-Propyl Alcohol)	Pages: 2 Replace: ASTM D3622-11(2019) <b>ASTM D3939/D3939M-26</b> Standard Test Method for Snagging Resistance of Fabrics (Mace) Pages: 8 Replace: ASTM D3939/D3939M-13(2017) <b>ASTM D4034/D4034M-26</b> Standard Test Method for Resistance to Yarn Slippage at the Sewn Seam in Woven Upholstery Fabrics Pages: 5 Replace: ASTM D4034/D4034M-19 <b>ASTM D4360-11(2026)</b> Standard Specification for Methyl n-Amyl Ketone Pages: 2 Replace: ASTM D4360-11(2019) <b>ASTM D4614-11(2026)</b> Standard Specification for Ethyl Acetate (All Grades) Pages: 2 Replace: ASTM D4614-11(2019) <b>ASTM D5062-09(2026)</b> Standard Test Method for Resin Solution Dilutability by Volumetric/Gravimetric Determination Pages: 8 Replace: ASTM D5062-09(2026) <b>ASTM D5267-97(2026)</b> Standard Test Method for Determination of Extrudability of Cartridge Adhesives Pages: 5
-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Replace: ASTM D5267-97(2017) <b>ASTM D8267-25a</b> Standard Test Method for Determination of Total Aromatic, Monoaromatic and Diaromatic Content of Aviation Turbine Fuels Using Gas Chromatography with Vacuum Ultraviolet Absorption Spectroscopy Detection (GC-VUV) Pages: 11	Replace: ASTM E1747-95(2019) <b>ASTM E2106-00(2026)</b> Standard Practice for General Techniques of Liquid Chromatography-Infrared (LC/IR) and Size Exclusion Chromatography-Infrared (SEC/IR) Analyses Pages: 7	and Handling of Liquid Rocket Propellants Pages: 2
Replace: ASTM D8267-25 <b>ASTM E1151-93(2026)</b> Standard Practice for Ion Chromatography Terms and Relationships Pages: 6	Replace: ASTM E2106-00(2019) <b>ASTM E594-96(2026)</b> Standard Practice for Testing Flame Ionization Detectors Used in Gas or Supercritical Fluid Chromatography Pages: 7	Replace: ASTM F3344-19 <b>ASTM F3585-25a</b> Standard Test Method for Measuring Exoskeleton Cognitive Fit, Perceived Safety, and Acceptance Pages: 22
Replace: ASTM E1151-93(2019) <b>ASTM E1449-92(2026)</b> Standard Guide for Supercritical Fluid Chromatography Terms and Relationships Pages: 6	Replace: ASTM E594-96(2019) <b>ASTM E682-92(2026)</b> Standard Practice for Liquid Chromatography Terms and Relationships Pages: 9	Replace: ASTM F3585-25 <b>ASTM B117-26</b> Standard Practice for Operating Salt Spray (Fog) Apparatus Pages: 12
Replace: ASTM E1449-92(2019) <b>ASTM E1578-18(2026)</b> Standard Guide for Laboratory Informatics Pages: 63	Replace: ASTM E682-92(2019) <b>ASTM E697-96(2026)</b> Standard Practice for Use of Electron-Capture Detectors in Gas Chromatography Pages: 13	Replace: ASTM B117-25 <b>ASTM B150/B150M-26</b> Standard Specification for Aluminum Bronze Rod, Bar, and Shapes Pages: 7
Replace: ASTM E1578-18 <b>ASTM E1657-98(2026)</b> Standard Practice for Testing Variable-Wavelength Photometric Detectors Used in Liquid Chromatography Pages: 8	Replace: ASTM E697-96(2019) <b>ASTM F2575-25</b> Standard Practice for Language Translation Pages: 11	Replace: ASTM B150/B150M-19(2025) <b>ASTM B187/B187M-26</b> Standard Specification for Copper, Bus Bar, Rod, and Shapes and General Purpose Rod, Bar, and Shapes Pages: 9
Replace: ASTM E1657-98(2019) <b>ASTM E1747-95(2026)</b> Standard Guide for Purity of Carbon Dioxide Used in Supercritical Fluid Applications Pages: 6	Replace: ASTM F2575-23e2 <b>ASTM F3284-25</b> Standard Guide for Recording and Reporting of Injuries and Illnesses for the Maritime Industry Pages: 14	Replace: ASTM B187/B187M-20 <b>ASTM B250/B250M-26</b> Standard Specification for General Requirements for Wrought Copper Alloy Wire Pages: 10
	Replace: ASTM F3284-18 <b>ASTM F3344-19(2026)</b> Standard Guide for Storage, Use,	Replace: ASTM B250/B250M-19 <b>ASTM B371/B371M-19(2026)</b> Standard Specification for Copper-Zinc-Silicon Alloy Rod Pages: 4
		Replace: ASTM B371/B371M-19 <b>ASTM B43-26</b> Standard Specification for

Seamless Red Brass Pipe, Standard Sizes Pages: 8 Replace: ASTM B43-20 <b>ASTM B950-26</b> Standard Guide for Editorial Procedures and Form of Product Specifications for Copper and Copper Alloys Pages: 16 Replace: ASTM B950-23 <b>ASTM B981/B981M-26</b> Standard Specification for Low- Leaded Brass Rod, Bar, Wire, and Shapes Pages: 4 Replace: ASTM B981/B981M-19 <b>ASTM C1787-25</b> Standard Specification for Installation of Non Metallic Plaster Bases (Lath) Used with Portland Cement Based Plaster Pages: 3 Replace: ASTM C1787-23 <b>ASTM D4968-25a</b> Standard Practice for Review of Test Methods and Specifications for Plastics Pages: 14 Replace: ASTM D4968-25 <b>ASTM D6031/D6031M-25</b> Standard Test Method for Nuclear Gauge Logging In Situ Water Content and Density of Soil and Rock in Drilled Access Holes or Trenches Using Horizontal, Slanted, and Vertical Access Tubes Pages: 10 Replace: ASTM D6031/D6031M-24 <b>ASTM D6442-06(2026)</b> Standard Test Method for	Determination of Copper Release Rate From Antifouling Coatings in Substitute Ocean Water Pages: 10 Replace: ASTM D6442- 06(2020) <b>ASTM D6464-03a(2026)</b> Standard Specification for Expandable Foam Adhesives for Fastening Gypsum Wallboard to Wood Framing Pages: 8 Replace: ASTM D6464- 03a(2017) <b>ASTM D6903-07(2026)</b> Standard Test Method for Determination of Organic Biocide Release Rate From Antifouling Coatings in Substitute Ocean Water Pages: 21 Replace: ASTM D6903- 07(2020) <b>ASTM D8093-25</b> Standard Guide for Nondestructive Evaluation of Nuclear Grade Graphite Pages: 19 Replace: ASTM D8093-19 <b>ASTM D975-26</b> Standard Specification for Diesel Fuel Pages: 29 Replace: ASTM D975-25 <b>ASTM ISO/ASTM52116-25</b> Standard Practice for Dosimetry for a Self-Contained Dry-Storage Gamma Irradiator Pages: 11 Replace: ASTM 52116- 13(2020)e1 <b>ASTM E2785-26</b>	Standard Practice for Exposure of Firestop Materials to Various Specified Enhanced Environmental Factors Pages: 8 Replace: ASTM E2785-25a <b>ASTM E3520-26</b> Standard Guide for Measuring the Stability of Concentrated Colloidal Dispersions of Nanoparticles Under Gravity Sedimentation Using Static Multiple Light Scattering (SMLS) Pages: 5 <b>ASTM E543-26</b> Standard Specification for Agencies Performing Nondestructive Testing Pages: 13 Replace: ASTM E543-21 <b>ASTM E907-25</b> Standard Test Method for Field Testing Uplift Resistance of Adhered Membrane Roofing Systems Pages: 7 Replace: ASTM E907-96(2004) <b>ASTM F2245-26</b> Standard Specification for Design and Performance of a Light Sport Airplane Pages: 35 Replace: ASTM F2245-23 <b>ASTM F2564-26</b> Standard Specification for Design and Performance of a Light Sport Glider Pages: 19 Replace: ASTM F2564-14(2022) <b>ASTM F3115/F3115M-26</b> Standard Specification for Structural Durability for Small Aeroplanes
-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Pages: 6 Replace: ASTM F3115/F3115M-23e1 <b>ASTM F3251-26</b> Standard Test Method for Laboratory Oil Spill Dispersant Effectiveness Using the Baffled Flask Pages: 6 Replace: ASTM F3251-21 <b>ASTM F3810-26</b> Standard Specification for Oxygen Systems for Light Sport Aircraft Pages: 3 <b>ASTM B1014-20(2026)</b> Standard Specification for Welded Copper and Copper Alloy Condenser and Heat Exchanger Tubes with a Textured Surface(s) Pages: 12 Replace: ASTM B1014-20 <b>ASTM B453/B453M-19(2026)</b> Standard Specification for Copper-Zinc-Lead Alloy (Leaded-Brass) Rod, Bar, and Shapes Pages: 6 Replace: ASTM B453/B453M-19 <b>ASTM D1534-95(2026)</b> Standard Test Method for Approximate Acidity in Electrical Insulating Liquids by Color-Indicator Titration Pages: 3 Replace: ASTM D1534-95(2017) <b>ASTM D1607-26</b> Standard Test Method for Nitrogen Dioxide Content of the Atmosphere (Griess-Saltzman Reaction)	Pages: 5 Replace: ASTM D1607-91(2018)e1 <b>ASTM D1903-08(2026)</b> Standard Practice for Determining the Coefficient of Thermal Expansion of Electrical Insulating Liquids of Petroleum Origin, and Askarels Pages: 2 Replace: ASTM D1903-08(2017) <b>ASTM D1933-03(2026)</b> Standard Specification for Nitrogen Gas as an Electrical Insulating Material Pages: 2 Replace: ASTM D1933-03(2017) <b>ASTM D2129-17(2026)</b> Standard Test Method for Color of Clear Electrical Insulating Liquids (Platinum-Cobalt Scale) Pages: 3 Replace: ASTM D2129-17 <b>ASTM D2300-08(2026)</b> Standard Test Method for Gassing of Electrical Insulating Liquids Under Electrical Stress and Ionization (Modified Pirelli Method) Pages: 5 Replace: ASTM D2300-08(2017) <b>ASTM D2759-00(2026)</b> Standard Practice for Sampling Gas from a Transformer Under Positive Pressure Pages: 2 Replace: ASTM D2759-00(2017) <b>ASTM D3087-26</b> Standard Test Method for	Operating Performance of Anion-Exchange Materials for Strong Acid Removal Pages: 4 Replace: ASTM D3087-17 <b>ASTM D5042-26</b> Standard Test Method for Estimating the Organic Fouling of Particulate Anion Exchange Resins Pages: 3 Replace: ASTM D5042-90(2009) <b>ASTM D5627-26</b> Standard Test Method for Water Extractable Residue from Particulate Ion-Exchange Resins Pages: 3 Replace: ASTM D5627-17 <b>ASTM D6990-20(2026)</b> Standard Practice for Evaluating Biofouling Resistance and Physical Performance of Marine Coating Systems Pages: 13 Replace: ASTM D6990-20 <b>ASTM D7446-09(2026)</b> Standard Specification for Structural Insulated Panel (SIP) Adhesives for Laminating Oriented Strand Board (OSB) to Rigid Cellular Polystyrene Thermal Insulation Core Materials Pages: 8 Replace: ASTM D7446-09(2017) <b>ASTM D7513-26</b> Standard Test Method for Capacity of Mixed Bed Ion Exchange Cartridges Pages: 4 Replace: ASTM D7513-17
----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

<b>ASTM D8569-26</b> Standard Practice for Surface Sampling of Non-Volatile and Semi-Volatile Organic Chemicals for Worker Protection Pages: 16	Standard Test Method for Determination of Fire-Test-Response Characteristics of Components or Composites of Mattresses or Furniture for Use in Correctional Facilities after Exposure to Vandalism, by Employing a Bench Scale Oxygen Consumption Calorimeter Pages: 13	Plain bearings-Wrapped bushes-Part 6: Checking the inside diameter Pages: 12
<b>ASTM E3196-21e1</b> Standard Terminology Relating to the Examination of Explosives Pages: 6	Replace: ASTM F1550-22	<b>JIS B 1584-7:2026</b> Plain bearings-Wrapped bushes-Part 7: Measurement of wall thickness of thin-walled bushes Pages: 12
<b>ASTM E3197-23e1</b> Standard Terminology Relating to Examination of Fire Debris Pages: 5	<b>ASTM F1870-26</b> Standard Guide for Selection of Fire Test Methods for the Assessment of Upholstered Furnishings in Detention and Correctional Facilities Pages: 14	<b>JIS B 7755:2026</b> Metallic materials-Charpy V-notch pendulum impact test-Instrumented testing machine Pages: 22
Replace: ASTM E3197-23	Replace: ASTM F1870-22	<b>JIS B 8248-2:2026</b> Cylindrical layered pressure vessels-Part 2: Alternative standards Pages: 52
<b>ASTM E3391-24e1</b> Standard Terminology Relating to Gunshot Residue Analysis (GSR) Pages: 3		<b>JIS B 8627:2026</b> Gas engine driven heat pump air conditioners Pages: 152
Replace: ASTM E3391-24	<b>❖ TIÊU CHUẨN JIS</b>	<b>JIS C 0364-7-702:2026</b> Low-voltage electrical installations-Part 7-702: Requirements for special installations or locations-Swimming pools and fountains Pages: 20
<b>ASTM E344-26</b> Terminology Relating to Thermometry and Hydrometry Pages: 22	<b>JIS A 5508:2026</b> Nails Pages: 30	<b>JIS C 0364-7-708:2026</b> Low-voltage electrical installations-Part 7-708: Requirements for special installations or locations-Caravan parks, camping parks and similar locations Pages: 14
Replace: ASTM E344-23	<b>JIS A 6209:2020/AMENDMENT 1:2026</b> Volcanic glass powder for use in concrete (Amendment 1) Pages: 1	<b>JIS C 0364-7-710:2026</b> Low-voltage electrical installations-Part 7-710: Requirements for special
<b>ASTM F1169-25</b> Standard Consumer Safety Specification for Full-Size Baby Cribs Pages: 34	Replace: JIS A 6209:2020	
Replace: ASTM F1169-19	<b>JIS B 1584-2:2026</b> Plain bearings-Wrapped bushes-Part 2: Test data for outside and inside diameters Pages: 18	
<b>ASTM F1534-26</b> Standard Test Method for Determining Changes in Fire-Test-Response Characteristics of Cushioning Materials After Water Leaching Pages: 4	<b>JIS B 1584-5:2026</b> Plain bearings-Wrapped bushes-Part 5: Checking the outside diameter Pages: 22	
Replace: ASTM F1534-22	<b>JIS B 1584-6:2026</b>	
<b>ASTM F1550-26</b>		

installations or locations- Medical locations Pages: 30 <b>JIS C 1216-2:2017/ AMENDMENT 1:2026</b> Alternating-current watt-hour meters (for connection through instrument transformer)-Part 2: Measuring instruments used in transaction or certification (Amendment 1) Pages: 5 Replace: JIS C 1216-2:2017 <b>JIS C 1271-2:2017/ AMENDMENT 1:2026</b> Alternating-current static meters for active energy-Classes 1 and 2-Part 2: Measuring instruments used in transaction or certification (Amendment 1) Pages: 9 Replace: JIS C 1271-2:2017 <b>JIS C 1272-2:2017/ AMENDMENT 1:2026</b> Alternating-current static meters for active energy-Classes 0.2 S and 0.5 S-Part 2: Measuring instruments used in transaction or certification (Amendment 1) Pages: 8 Replace: JIS C 1272-2:2017 <b>JIS C 1273-2:2017/ AMENDMENT 1:2026</b> Alternating-current static meters for reactive energy-Part 2: Measuring instruments used in transaction or certification (Amendment 1) Pages: 7 Replace: JIS C 1273-2:2017 <b>JIS C 1283-2:2017/ AMENDMENT 1:2026</b>	Maximum demand meter-Part 2: Measuring instruments used in transaction or certification (Amendment 1) Pages: 8 Replace: JIS C 1283-2:2017 <b>JIS C 8105-2-2:2026</b> Luminaires-Part 2-2: Particular requirements for safety- Recessed luminaires and recessed air-handling luminaires Pages: 22 <b>JIS C 60529:2026</b> Degrees of protection provided by enclosures (IP Code) Pages: 46 <b>JIS C 63294:2026</b> Test methods for electric cables with rated voltages up to and including 450/750 V Pages: 28 <b>JIS K 0148:2026</b> Surface chemical analysis- Determination of surface elemental contamination on silicon wafers by total-reflection X-ray fluorescence (TXRF) spectroscopy Pages: 28 <b>JIS K 0160:2026</b> Surface chemical analysis- Chemical methods for the collection of elements from the surface of silicon-wafer working reference materials and their determination by total- reflection X-ray fluorescence (TXRF) spectroscopy Pages: 24 <b>JIS K 1603-4:2026</b> Plastics-Aromatic isocyanates for use in the production of	polyurethanes-Part 4: Determination of the isomer ratio in toluenediisocyanate (TDI) Pages: 16 <b>JIS K 2246:2026</b> Rust preventive oils Pages: 44 <b>JIS K 6400-9:2026</b> Flexible cellular polymeric materials-Part 9: Determination of antibacterial effectiveness Pages: 20 <b>JIS K 7141-3:2026</b> Plastics-Acquisition and presentation of comparable multipoint data-Part 3: Environmental influences on properties Pages: 20 <b>JIS Q 1012:2026</b> Conformity assessment- Conformity assessment for Japanese Industrial Standards- Guidance on a third-party certification system for precast concrete products Pages: 42 <b>JIS Z 1524:2026</b> Pressure sensitive adhesive cloth tapes for packaging Pages: 8  <b>❖ TIÊU CHUẨN DIN</b>  <b>DIN EN 817 – Edition 2026-01</b> Sanitary tapware – Mechanical mixing valves (PN 10) – General technical specifications <b>DIN EN 18124 – Edition 2026- 01</b> Road marking materials – Temporary road markings
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

<b>DIN EN 14135 – Edition 2026-01</b>	Devices to prevent pollution by backflow of potable water – Air gap with injector – Family A – Type D	<b>2026-01</b>	Shell boilers – Materials for pressure parts of boilers and accessories
<b>DIN EN 17213 – Edition 2026-01</b>	Windows and doors – Environmental Product Declarations – Product category rules complementary to EN 15804	<b>DIN ISO 3796 – Edition 2026-01</b>	<b>DIN EN 81-76 – Edition 2026-01</b>
<b>DIN ISO 31031 – Edition 2026-01</b>	Managing risk for youth and school trips	<b>DIN ISO 4156-1 – Edition 2026-01</b>	Safety rules for the construction and installation of lifts – Evacuation of persons with disabilities
<b>DIN EN 18021 – Edition 2026-01</b>	Sanitary tapware – Measurement of functional performance of taps and showers	<b>DIN ISO 4156-2 – Edition 2026-01</b>	<b>DIN EN ISO 23387 – Edition 2026-01</b>
<b>DIN EN 16128 – Edition 2026-01</b>	Ophthalmic optics – Reference method for the testing of spectacle frames and sunglasses for nickel release	<b>DIN ISO 4156-3 – Edition 2026-01</b>	Building information modelling (BIM) – Data templates for objects
<b>DIN EN 12492 – Edition 2026-01</b>	Mountaineering equipment – Helmets for mountaineers – Safety requirements and test methods	<b>DIN EN 6049-009 – Edition 2026-01</b>	<b>DIN EN ISO 377 – Edition 2026-01</b>
<b>DIN EN 325 – Edition 2026-01</b>	Wood-based panels – Determination of dimensions of test pieces	Aerospace series – Electrical cables, installation – Protection sleeve in meta-aramid fibres	Steel and steel products – Location and preparation of samples and test pieces
<b>DIN EN 2450 – Edition 2026-01</b>	Aerospace series – Steel 31NiMoCr10-5-3 – Bars – $D_e \leq 40$ mm	<b>DIN EN 15051-1 – Edition 2026-01</b>	<b>DIN EN ISO 14093 – Edition 2026-01</b>
<b>DIN EN 13079 – Edition 2026-</b>	<b>DIN EN 12953-2 – Edition</b>	Workplace exposure – Measurement of the dustiness of bulk materials – Requirements and choice of test methods	Financing local adaptation to climate change – Performance-based climate resilience grants
		<b>DIN EN 15051-3 – Edition 2026-01</b>	<b>DIN EN ISO 15363 – Edition 2026-01</b>
		Workplace exposure – Measurement of the dustiness of bulk materials – Continuous drop method	Metallic materials – Tube ring hydraulic pressure test
		<b>DIN EN 12953-2 – Edition</b>	<b>DIN EN ISO 1120 – Edition 2026-01</b>
			Conveyor belts – Determination of strength of mechanical fastenings
			<b>DIN EN ISO 3953 – Edition 2026-01</b>
			Metallic powders – Determination of tap density
			<b>DIN EN ISO 17508 – Edition 2026-01</b>
			Packaging – Transport packaging for dangerous goods – Compatibility testing

<b>DIN EN ISO 2417 – Edition 2026-01</b>	Securing of loads on road vehicles Load distribution plan	Cooking Equipment <b>UL 444 Edition 5, 2026</b>
Leather – Determination of the static absorption of water		Communications Cables <b>UL 514C Edition 4, 2026</b>
<b>DIN EN ISO 14555 – Edition 2026-01</b>	❖ <b><u>Tiêu chuẩn của Hiệp hội các phòng thử nghiệm được ủy quyền Mỹ (UL)</u></b>	Nonmetallic Outlet Boxes, Flush-Device Boxes, and Covers <b>UL 541 Edition 9, 2026</b>
Welding – Arc stud welding of metallic materials	<b>UL 4 Edition 16, 2026</b>	Refrigerated Vending Machines <b>UL 555 Edition 7, 2026</b>
<b>DIN EN ISO 12870 – Edition 2026-01</b>	Armored Cable <b>UL 30 Edition 10, 2026</b>	Fire Dampers <b>UL 651 Edition 8, 2026</b>
Ophthalmic optics – Spectacle frames – Requirements and test methods	Metallic and Nonmetallic Safety Cans for Flammable and Combustible Liquids <b>UL 44 Edition 19, 2026</b>	Schedule 40 and 80 Rigid PVC Conduit and Fittings <b>UL 723S Edition 4, 2026</b>
<b>DIN EN ISO 23908 – Edition 2026-01</b>	Thermoset-Insulated Wires and Cables <b>UL 72 Edition 17, 2026</b>	Drop-Out Ceilings Installed Beneath Automatic Sprinklers <b>UL 746A Edition 6, 2026</b>
Sharps injury protection – Sharps protection mechanisms	Tests for Fire Resistance of Record Protection Equipment <b>UL 83 Edition 16, 2026</b>	Polymeric Materials – Short Term Property Evaluations <b>UL 746C Edition 7, 2026</b>
<b>DIN EN ISO 11350 – Edition 2026-01</b>	Thermoplastic-Insulated Wires and Cables <b>UL 94 Edition 7, 2026</b>	Polymeric Materials – Use in Electrical Equipment Evaluations <b>UL 778 Edition 6, 2026</b>
Water quality – Determination of the genotoxicity of water and wastewater	Tests for Flammability of Plastic Materials for Parts in Devices and Appliances <b>UL 125 Edition 10, 2026</b>	Motor-Operated Water Pumps <b>UL 869A Edition 4, 2026</b>
<b>DIN EN ISO 7396-3 – Edition 2026-01</b>	Flow Control Valves for Anhydrous Ammonia and LP-Gas <b>UL 136 Edition 8, 2026</b>	Reference Standard for Service Equipment <b>UL 943B Edition 3, 2026</b>
Medical gas pipeline systems – Proportioning units for synthetic medical air	Pressure Cookers <b>UL 203A Edition 1, 2026</b>	Appliance Leakage-Current Interrupters <b>UL 977 Edition 5, 2026</b>
<b>DIN EN ISO 9241-5 – Edition 2026-01</b>	Sway Brace Devices for Sprinkler System Piping <b>UL 217 Edition 10, 2026</b>	Fused Power-Circuit Devices <b>UL 999K Edition 1, 2026</b>
Ergonomics of human-system interaction – Workstation layout	Smoke Alarms <b>UL 296 Edition 11, 2026</b>	Sub 999K – CSDS Pilot Test Use <b>UL 1004-1 Edition 2, 2026</b>
<b>DIN EN ISO 3377-2 – Edition 2026-01</b>	Oil Burners <b>UL 300 Edition 4, 2026</b>	Rotating Electrical Machines – General Requirements <b>UL 1034 Edition 6, 2026</b>
Leather – Determination of double edge tear load	Fire Testing of Fire Extinguishing Systems for Protection of Commercial	Burglary-Resistant Electric Locking Mechanisms <b>UL 1042 Edition 5, 2026</b>
<b>DIN EN ISO/ASTM 52953 – Edition 2026-01</b>		Electric Baseboard Heating
Additive manufacturing for metals – Registration of process monitoring data		
<b>VDI 2700 Blatt 4 – Edition 2026-01</b>		

Equipment <b>UL 1097 Edition 6, 2026</b>	Control and Communication Units for Mass Notification Systems <b>UL 2600 Edition 3, 2026</b>	Cans for Flammable and Combustible Liquids <b>ULC 125 Edition 10, 2026</b>
Double Insulation Systems for Use in Electrical Equipment <b>UL 1363 Edition 6, 2026</b>	Relocatable Buildings <b>UL 2703 Edition 1, 2026</b>	Flow Control Valves for Anhydrous Ammonia and LP- Gas <b>ULC 139 Edition 4, 2026</b>
Relocatable Power Taps <b>UL 1429 Edition 4, 2026</b>	Mounting Systems, Mounting Devices, Clamping/Retention Devices, and Ground Lugs for Use with Flat-Plate Photovoltaic Modules and Panels <b>UL 2748A Edition 1, 2026</b>	Fire Test for Circuit Integrity of Fire-Resistive Power, Instrumentation, Control, and Data Cables <b>ULC 531 Edition 5, 2026</b>
Pullout Switches <b>UL 1638A Edition 1, 2026</b>	Arcing Fault Interrupting Devices <b>UL 62841-1 Edition 1, 2026</b>	Smoke Alarms <b>ULC 533 Edition 4, 2026</b>
Visual Signal Appliances for General Signaling Use <b>UL 1647 Edition 6, 2026</b>	Electric Motor-Operated Hand- Held Tools, Transportable Tools and Lawn and Garden Machinery – Safety – Part 1: General Requirements <b>UL 62841-2-4 Edition 1, 2026</b>	Egress Door Securing and Releasing Devices <b>ULC 642 Edition 4, 2026</b>
Motor-Operated Massage and Exercise Machines <b>UL 1741 Edition 3, 2026</b>	Particular Requirements for Hand-Held Sanders and Polishers Other Than Disc Type <b>UL 62841-2-21 Edition 1, 2026</b>	Compounds and Tapes for Threaded Pipe Joints <b>ULC 2152 Edition 2, 2026</b>
Inverters, Converters, Controllers and Interconnection System Equipment for Use With Distributed Energy Resources <b>UL 2021 Edition 4, 2026</b>	Particular Requirements for Hand-Held Drain Cleaners <b>UL 62841-3-7 Edition 1, 2026</b>	Special Purpose Nonmetallic Containers and Tanks for Specific Combustible or Noncombustible Liquids <b>ULC 2152 Edition 2, 2026</b>
Fixed and Location-Dedicated Electric Room Heaters <b>UL 2152 Edition 2, 2026</b>	Particular Requirements for Transportable Wall Saws <b>UL 62841-4-4 Edition 1, 2026</b>	Containers and Tanks for Specific Combustible or Noncombustible Liquids <b>ULC 2152 Edition 2, 2026</b>
Special Purpose Nonmetallic Containers and Tanks for Specific Combustible or Noncombustible Liquids <b>UL 2196 Edition 3, 2026</b>	Particular Requirements for Lawn Trimmers, Lawn Edge Trimmers, Grass Trimmers, Brush Cutters and Brush Saws <b>ULC 30 Edition 10, 2026</b>	Noncombustible Liquids
Fire Test for Circuit Integrity of Fire-Resistive Power, Instrumentation, Control and Data Cables <b>UL 2333 Edition 3, 2026</b>	Metallic and Nonmetallic Safety	
Infrared Thermometers <b>UL 2367 Edition 2, 2026</b>		
Solid State Overcurrent Protectors <b>UL 2572 Edition 2, 2026</b>		

**Để đặt mua các tiêu chuẩn trên, Quý doanh nghiệp có thể liên hệ trực tiếp với Trung tâm Thông tin - Truyền thông theo số điện thoại: (024)37564268 hoặc (024)37562608; Fax: (024)38361556; Email: ismq@tcvn.gov.vn**